

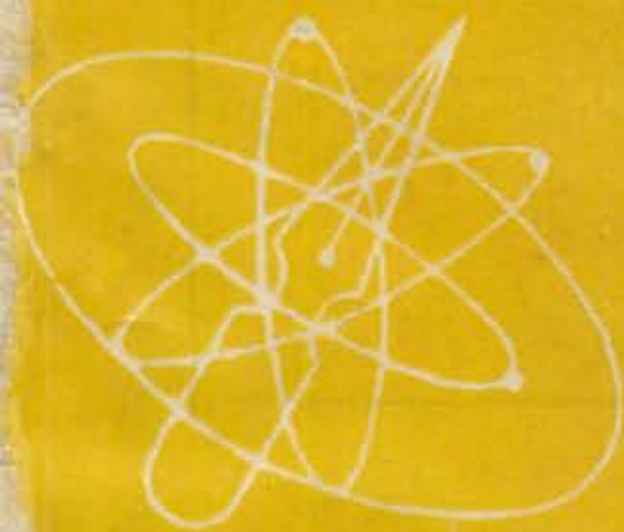
15 THÁNG 10 NĂM 1966

BACH KHOA T H Ò I - Đ Ạ I

năm thứ mười

CUNG-GIỮ-NGUYỄN *độc tài của đa số* * NGUYỄN-HIẾN-
LÊ *Jules Verne đã sống lại* * ĐOÀN-THÊM *những ngày
chưa quên : Nguyễn đi thì Nguyễn lại về* * TRẦN-TRIỆU-
LUẬT *châu Mỹ-la-tinh trên đường phát triển* * NGUYỄN
Phật-giáo *tại Liên-xô và Trung-Cộng* * NGUYỄN-VĂN-
TRUNG *thân xác như một giá trị* * ĐÀO-TRƯỜNG-
PHÚC *tạ từ* * ĐẮC-HƯNG *quê tôi nơi nào : về Phú-
Quốc* * VÕ-HỒNG *chống biểu tình* * **SINH HOẠT**
Thời-sự văn-nghệ * *Những ý
nghĩ xuôi dòng về nhạc Trịnh-
Công-Sơn* * *Đêm via hè*

235



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



DiC

BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 235 ngày 18 - 10-1966

CUNG-GIỮ-NGUYỄN <i>Độc-tài của da-số</i>	3
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Jules Verne đã sống lại</i>	11
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : Nguyễn đi thì Nguyễn lại về</i>	17
TRẦN TRIỆU LUẬT <i>Châu Mỹ la-tinh trên đường phát triển</i>	27
NGUYỄN : <i>Phật-giáo với Cộng-sản : Phật-giáo tại Liên-xô và Trung-Cộng</i>	35
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>thân xác như một giá trị</i>	43
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>Tạ từ (truyện ngắn)</i>	53
ĐẮC HƯNG <i>Quê tôi nơi nào ? Về Phú-Quốc (bút ký)</i>	69
VÕ-HỒNG <i>Chống biểu tình (truyện ngắn)</i>	73
SINH-HOẠT	
TRẦN-TRIỆU-LUẬT <i>những ý-nghĩ xuôi dòng về nhạc Trịnh-công-Sơn</i>	83
LÊ TẮT ĐIỀU <i>đêm via hè</i>	85
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	86

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 15\$ - Công sở : Giá gấp đôi;

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn Trường-Tộ (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai Nạn

Hỏa Hoạn

Hàng Hải

Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

Độc-tài của đa-số

CUNG-GIỮ-NGUYỄN

*So that prisons should vanish
for ever, we built new prisons.*

Abram Tertz, *On Socialist Realism.* (1)

Vong-thân chính-trị — một phần của vong-thân con người — sẽ được thấy mãi, khi còn lưu-hành quan-niệm sai lầm về đường hướng lịch-sử, khi còn sự ngộ nhận giữa phương-tiện và mục-phiêu tranh đấu, khi lý-tưởng cách-mạng lại tự-mãn với những kết quả nửa chừng, khi dân chúng, vì dốt nát và yếu đuối, mãi bị đầu độc vì một số từ-ngữ, biểu-hiệu, huyền-thoại, thay thế thực-chất tự-do và quyền-lợi đáng được đòi hỏi.

Suốt mấy mươi thế-kỷ rồi, con người, vì không ý thức được cảnh vong-thân của mình, đã khuyến khích sự này nở và duy trì những chế-độ phản dân và bất nhân. Trải qua một thời gian đen tối khá dài, dân chúng nhiều nước đã chịu đựng một cách ngoan ngoãn mọi bạo-lực chuyên-chế, đã làm công-cụ cho những âm-mưu tiếm-quyền và từng bị phản-bội.

Phải nhờ những sự vấy vùng dấy dựa lẻ loi, nơi này nơi kia, hết thế-hệ này đến thế-hệ khác, nhân-loại mới nhận-định được quyền sinh-sống thiêng liêng,

mới tạo nên những đường lối đạt đến điều ước muốn.

Tuy nhiên, con người là một sinh-vật mâu-thuẫn, luôn luôn tự xung khắc với mình. Người ham thích tự-do, tìm kiếm tự-do mà cũng trở về cảnh nô-lệ một cách dễ-dàng. Hơn nữa, con người thích cảnh nô-lệ; khi không chịu đựng được lâu dài sự căng-thẳng tinh-thần trong khi tranh-đấu, vì một sự thay đổi vận-mệnh của mình hay sự biến-hóa của khung-cảnh đòi hỏi khả-năng thích-nghi con người có thể thiếu.

Một mặt khác, tuy riêng mình ghét bị áp bức, con người cũng thêm muốn áp bức tha-nhân, không trực-tiếp thì gián tiếp, không phải trong những việc lớn thì

(1) « Như vậy, nhà tù sẽ biến mất hẳn, chúng ta xây dựng những nhà tù mới ». Câu mỉa mai ấy của Abram Tertz, tên thật là Andrei Sinyavsky, một trong những nhà văn có thái-độ hiên ngang bất khuất, nối chí Pasternak, và vừa rồi bị nhà cầm quyền Nga-Sô lên án bảy năm tù, vì tội gởi sách ra ngoại-quốc xuất bản (*The Trial begins...*) và cũng vì tội cho văn-chương hiện giờ ở Nga-Sô chỉ là thứ văn tuyên truyền

trong những việc nhỏ. Sự chuyên-chế vẫn có trong gia-đình, trong nghề nghiệp trong bất cứ một tổ chức xã hội nhỏ bé nào. Ông cha xử dụng quyền-tối thượng đối với con cái, độc đoán trong mọi quyết-định, kể cả những quyết-định phi lý. Người anh cả đàn áp em út. Trưởng ban trong một cơ quan biết làm phách với nhân-viên. Nhân-viên ăn hiếp tùy-phái. Tùy-phái làm tàng với người hầu việc. Được một chút quyền hành nào, người thường lạm quyền, chèn lấn kẻ dưới, thỏa mãn sự thèm khát ngự-chế đồng loại. Vậy phải nhân đến vậy, đến triệu lần, cảnh phi-lý khi một người tự xưng là thiên-tử hay lãnh-đạo quốc gia, vượt qua sứ-mệnh, nhiệm-vụ của mình dùng quyền hành không phải để điều khiển việc nước, đem lại hòa bình, thịnh vượng cho nhân dân, mà chỉ lợi dụng thời cơ, thỏa-mãn những khát-vọng tâm thường của con người, buộc những người khác lệ thuộc mình, cả xác và hồn. Vì đặc điểm của chuyên-chế và độc-tài là không thể tự đặt mình trong khuôn khổ công-lý, trong phạm-vi luật-pháp không chấp nhận sự bình-đẳng của những người khác với mình, không bằng lòng một sự phục-tòng một số mệnh-lệnh cần-thiết cho đời sống cộng-đồng, mà đòi hỏi sự phục-tòng toàn-diện, mù quáng, một sự lệ-thuộc hoàn toàn về ý nghĩ lẫn hành-vi.

Ý-thức vong-thân chính-trị, ý-thức phạm-giá của con người, là từ chối và chống lại sự thôn-tính và khai-thác vận-mệnh của mình. Nhận-định được điều đó, tạo nên được những điều-kiện trí-thức và vật-chất để vượt lên cơn sợ-hãi truyền-kiếp đối với thần-quyền, con người đã nghĩ đến, đã nói lên, đã bênh-

vực quyền của mỗi người. Thay vì quân-chủ, phải có dân-chủ.

Trào-lưu dân-quyền, dân-chủ nổi lên mãnh liệt từ thế-kỷ 18 cho đến bây giờ, nhưng đúng ra, chính Cồ-Hy đã hiến cho thế giới cả danh-từ và ý-niệm. Hy-lạp là một nơi đã thí-nghiệm mọi chính-thể mà trí óc người đời có thể dựng nên. Hy-lạp đã ném những chế độ độc-tài kinh-khủng, và nhờ đó, đã tìm kiếm những lối thoát. Khi dân tứ xứ trôi dạt đến hòa lẫn với dân Hellène lập ra những tiểu-bang ven theo bờ biển, Hy-lạp đã có những tổ-chức chính-trị thích-hợp với thực-trạng nhân-chúng và kinh-tế. Vào thế kỷ thứ 6 trước Tây lịch, khi khoa-học phát triển tươi đẹp trên đất nước, thì Hy-lạp lại trải qua một giai-đoạn lịch-sử bi-thảm. Nội chiến và ngoại xâm không ngớt lay chuyển đời sống dân lành. Cuộc giao động xã-hội gây ra biến-chuyển về chính thể, và ngược lại, sự thay đổi giai cấp cầm quyền sinh ra sự xáo trộn nếp sống xã hội. Những tiểu-quốc bắt đầu với một giáo quyền thế tập có những đoàn thể tăng lữ góp sức. Đám quý tộc chuyên về chiến tranh, thương mại, cướp bóc, trở nên mạnh thì giáo-quyền nhường chỗ cho chính-thể quả-đầu gồm những người giàu có. Sự bất bình-đẳng quá rõ rệt, bên một thiểu số địa chủ và công nhân, vô số bần cùng và nô-lệ. Đến thời Periclès, khi Sparte còn là nước quân-phiệt, thì Athène đã trở nên một thành-trị thương mại và dân chủ.

Nhưng hình-thức dân-chủ cấp-tiến nhất của Cồ-Hy cũng chỉ là một thứ dân chủ có giới hạn, không thể so sánh với

những hình thức dân chủ, có thể xem là khả quan nhất ở thế kỷ hiện-đại, như Anh-quốc hay Hoa-Kỳ. Phụ nữ và nô lệ Hy-Lạp không có quyền chính trị. Platon đã lên tiếng cho là sự bất công đối với phụ nữ, mà chẳng nói gì đến quyền của đám nô-lệ.

Dân-chủ xuất hiện ở Hy-Lạp, cốt để đối chọi với chính quyền quý-tộc, cũng như chính quyền quý-tộc đã nổi lên và chống lại quyền quân-vương. Như thế có một luật Nemesis, luật có vay có trả các chính thể thay thế nhau trong một vòng luân-quần. Dân chủ dẫn đến tình trạng hỗn độn, vô chính phủ, khiến cho người hùng phải đứng lên phát cờ "chính nghĩa" lập chế độ độc-tài, biến ra quyền vương-đế, để rồi bị bọn quý-tộc cướp ngôi. Những sự sai lầm của quý-tộc xui khiến phong trào dân chúng vùng lên, do một người quý tộc nào, phản gia-cấp mình, lãnh-đạo, luôn luôn vì công-lý và bình-đẳng. Hy-Lạp đã ở trong tình trạng ấy mà không tìm ra một phương pháp nào để duy trì cho được lâu dài một chính-thể dân-chủ.

Vì làm thế nào ngăn ngừa trong xã-hội dân-chủ sự xuất hiện hai hạng người rất gần gũi nhau, hai thứ người khi thành công chỉ còn là một, hai hiện-tượng mà người Hy-lạp đã ghi lại trong sách sử là thứ đáng sợ: đó là kẻ my-dân và nhà độc-tài.

Kẻ my-dân biết khai-thác bản-năng thấp kém của quần chúng, sự ghét thù, ganh tị, biết tìm những sơ-hở, sai lầm hay tội ác của nhà cầm quyền để nuôi dưỡng sự căm hờn của đám người, nạn nhân hay không phải nạn nhân của bao nhiêu nhược-điểm của cấp thống-trị.

Biết xử dụng khéo léo tài ăn nói, biết thêu dệt, phóng-đại, bịa đặt những sự việc, kẻ my-dân không từ-chối một phương-tiện nào để gây phong-trào đố-kỵ với người cầm quyền hiện-hữu, và tiếp theo đó, khiến cho mọi người nhận định những đức tính tài-năng của mình hay của phe phái mình. Gặp thời cơ, họ được dân chúng ủng-hộ và đưa lên cầm quyền. Lúc đó người sẽ áp dụng mọi mưu-lược để phỉnh phờ dân chúng, và củng cố địa-vị, (2) cho đến khi dân-chúng, nhờ thông-minh riêng hay nhờ sự hướng dẫn của một tên my-dân nào khác, nhận rõ bất-tài, vô-đạo của người vừa được dân-chúng đưa lên, và tìm cách lật đổ. Để phản-ứng lại, để bảo-vệ tánh-mạng cũng như ngôi-vị, đường lối duy nhất của hạng tiếm-quyền ấy là độc-tà chuyên-chế.

Theo như Hy-lạp đã nhận-thấy, kẻ độc-tài không hẳn là một người cầm quyền dở. Thời ấy, họ xem người chuyên-chế độc-tài là kẻ đã dành quyền-bính nhờ võ-lực và sự ủng-hộ của dân-chúng, khác với người hưởng ngôi nhờ thế-tập, nhờ pháp-lý. Kẻ chuyên-chế, trước tiên là người tự xưng là bảo-vệ quyền-lợi của nhân dân chống lại sự áp-bức và bóc-lột của quý-tộc và phú-hào. Khi được quyền hành và danh-vọng rồi, người ấy nghĩ rằng thế nào cũng sẽ có quân thù nghịch, âm-mưu ám-sát hay đoạt ngôi, người không thể dựa mãi nơi sự ủng-hộ của nhân-dân, mà chỉ cần một số hộ-vệ trung thành để gìn giữ tánh mạng, thì hành triệt để mọi chương-trình khủng-bố hăm-dọa, ngăn ngừa hay trừng-trị những mầm phản-loạn. Khi đã có số cận thần

(2) Xem: Vương-đạo và quyền mưu, Bách-Khoa, từ số 231 15-8-1966.

thân-tin, mà hạng này tất nhiên biết các rõ thủ-đoạn và chân-tướng, kẻ cầm quyền phải lo mua chuộc chúng với những ân-huệ càng ngày càng nhiều. Biết được nhược-điểm của chủ, bọn cận-thần dành cho chúng thêm quyền-lợi và danh vọng, xen vào việc cai-trị, khuyến cáo và ép buộc nhà cầm quyền phải làm thêm những điều ác-đức bất-công. Một thứ quý-tộc mới đã nảy nở, và dân-chúng không còn được đếm xia. Tình-trạng hỗn-độn lại hiển môi-trường thuận tiện cho một người gan dạ và quyền-mưu khác.

La-Mã đã lập lại một cách rộng rãi hơn kinh-nghiệm chính-trị của Hy-lạp, và đã sống một thời gian khá lâu trong sự tranh-quyền liên tục giữa đám quý tộc với nhân dân cho đến khi Jules César, bênh vực cho dân chủ, được sự ủng hộ nhiệt thành của quần chúng, ổn định được tình thế, đề rồi khinh miệt dân quyền khi đã đoạt được quyền bính.

Trong lịch sử Tây phương, đến thế kỷ 18, đường hướng dân chủ mới bắt đầu tỏ rõ hơn, và trở thành mục phiêu tranh đấu của hầu hết những dân chúng đã được giác ngộ. Anh quốc thường được xem như là một quốc gia đã thực hiện dân chủ một cách êm thấm nhất, và mặc dầu có bề ngoài hoài cổ, bảo thủ, Anh quốc có một chính thể rất ít xáo động, người dân hưởng được những quyền tự-do rộng rãi. Dân chủ tại Anh không phải là một vấn đề tuyên ngôn, hiến pháp hay luật lệ, mà là một khí hậu tự nhiên, một nếp sống tập truyền, trong đó, người dân không thấy có sự đè nén của công quyền hay một sự lấn áp khó chịu của một đoàn thể hay phe cánh chính trị nào. Mặc dầu có thể đòi hỏi nhiều hơn nữa trong lối

tổ chức và cai trị ở Anh, chế-độ dân chủ nước này là cảnh mà nhiều nơi trên thế giới hằng mong ước. Nhưng chế độ ấy là kết quả của một lịch sử lâu dài, nhờ biết bao yếu tố hoặc ngẫu nhiên hoặc tạo thành. Muốn được dân chủ như Anh quốc, phải có một Đại Hiến- Chương (Magna Carta) từ năm 1215, phải có sự xét xử vua Charles đệ nhất, có một chế độ đại-diện trên mấy thế kỷ, phải có một triều đình chỉ biết ngự mà không trị, phải có cuộc cách-mạng kỹ nghệ nâng cao đời sống dân chúng và đưa đến việc thành lập những phong-trào thợ thuyền, phải có những người dân biết tôn trọng luật pháp đến nỗi không cần soạn một hiến pháp thành văn, phải có một truyền thống lịch sử và quân tử không chỉ có trong những cuộc tranh luận ở Quốc-hội mà cả trên sân chơi, xuyên qua lối chơi thanh nhã (fair play) của nhà thể thao, phải có những vườn Hyde Park cho bất cứ người nào muốn phát biểu ý kiến cũng có dịp quảng-cáo chủ-trương của mình, phải có những viên cảnh sát không bao giờ có khí giới (3) luôn luôn là bạn của dân, phải có những công dân tự giác, biết rõ quyền lợi cũng như nhiệm vụ của mình, phải có những chính - đảng được tổ chức chu đáo, không trông đợi sự thất bại của đối phương để cho chúng vào tù, khi chưa cầm quyền được, cũng thành lập chính phủ trong bóng tối (shadow cabinet) cho có người phụ trách theo dõi mọi vấn đề để đến lúc tiếp tục công việc ích lợi chung, không vì thấy đảng thắng mình chỉ hơn vài ba ghế mà dùng cách thủ - tiêu cho phe mình trở

(3) Trong tháng 8 vừa rồi, tại Luân đôn có ba cảnh sát viên bị giết. Có dự luận đề nghị võ trang cảnh sát; nhưng chính cảnh sát lại phản đối.

nên đa số, không nghĩ đến lối khuyh-đảo, chẳng có âm-muru, mà luôn luôn hoạt-động công khai, và chỉ trông nơi quyết-định của quốc-dân qua lá phiếu của họ. Muốn trở nên một nước dân chủ như Anh-quốc, phải là một nước có tinh thần tôn giáo, tôn-trọng phẩm-giá con người, có những cơ-quan tư-pháp còn biết gọi người bị-cáo, về bất cứ tội nào, bằng Ông hay Bà, chứ không phải tên này thẳng kia, còn biết mời họ ngồi khi thăm-vấn, xem họ như là người vô-tội trước khi chứng-minh được họ có tội, phải là một khung cảnh văn-hóa có thể ung-đúc những nhà tư-tưởng như Bacon, Hobbes, Locke, Bentham hay John Stuart Mill mà ảnh-hưởng đã tràn khắp Âu-châu, vượt Đại Tây-dương, phát-sinh những tư-tưởng và hành-động cách-mạng, phải là một xã-hội khoan dung, làm chỗ nương-thân cho hạng người như Engels và Marx, phải là một nước mà Hoàng-gia hay Chính-phủ không cần có những cơ-quan tuyên-truyền chuyên ca-tụng mình, một nơi mà Đài vô-tuyến truyền thanh và truyền-hình có một thể-chế tự-trị, không bị buộc làm công cụ riêng cho những người đang cầm quyền. Anh-quốc là một nước sống thật-sự trong tinh-thần dân-chủ, không tổn kém nhiều về khẩu-hiệu và biểu-ngữ. Trong những dịp long trọng, chẳng thấy những sự đôn đốc đi chào đón Nữ-Hoàng hay Thủ-Tướng; sinh-hoạt các đường-phố sẽ không dừng lại chỉ vì một ông lớn đi từ kinh-thành đến phi-trường, trái-lại, dân-chúng có thể xô lấn một vị bộ-trưởng mà chẳng cần để ý khi ông này đi bộ hay ngồi trên xe điện hăm như bất cứ một công-dân nào. Anh-quốc, được một đời sống thoải mái như thế, tránh được những thái-độ cực đoan, và

không có triệu-chứng tra thích một thứ độc-tài nào, độc-tài hữu cũng như độc-tài tả.

Tinh-thần dân-chủ của Anh-quốc cũng như con cháu của nước Anh sẽ biến cho nhân-loại một hình-thức dân-chủ khác, tại một quốc-gia hoàn toàn mới, không bận bịu vì những sai lầm của dĩ-vãng, mà áp-dụng được tất cả kinh-nghiệm hay đẹp, rút nơi lịch-sử mà những thể-hệ mới không cần phải nhìn nhận. Ngày 30 tháng Giêng năm 1649, vua Charles bị hành quyết. Nhân-dân sử dụng quyền tối-thượng của mình, xuyên qua những đại-diện của nhân-dân, lần đầu tiên đã trị-tội một quân-vương về cái tội không hiểu địa-vị của mình trong một quốc-gia đã thay đổi. Gần 140 năm sau, con cháu của những người đã xét xử vua Charles lại tỏ rõ một lần nữa quyền của dân-chúng được lựa chính-thể theo sở-thích của mình. Người Anh lập nghiệp tại Bắc-Mỹ cùng với một số dân di-cư khác đã khinh-thường mệnh-lệnh của Anh-Hoàng, dùng võ-lực chống lại võ-lực và tuyên-bố độc-lập. Họ thể-hiện một bản hiến-pháp thành-văn đầu-tiên, năm 1787, mà danh tiếng sẽ vang lừng và ảnh-hưởng còn truyền mãi đến bây giờ. « Chúng tôi, xem những sự thật sau đây vốn là dĩ nhiên, là mọi người sinh ra bình-đẳng, là Đấng Thượng-Đế đã ban cho mọi người một số quyền bất khả-nhượng, trong số có quyền được sống, quyền được tự-do và quyền mưu cầu hạnh-phúc ... » Bản tín-điều mới, mà phản-ảnh được thấy vài năm sau đó trong bản tuyên-ngôn về dân-quyền và nhân-quyền của Cách-Mạng Pháp, đã đem lại một nguồn hân-hoan và hi-vọng cho những người sống ở Cựu lục-địa, đang sống quằn quại trong sự áp bức,

chuyên-chế, bất-công, đang còn say sưa với những lý-thuyết dân-quyền, bình-đẳng hay tự-do làm đề-tài các cuộc thảo-luận kín đáo và các sách vở bị cấm ngặt. Độc-lập của Hoa-Kỳ thời ấy được xem là một hiện tượng lạ lùng. Nếu đám người thủ-cự, đang còn vương vấn với cảnh tráng-lệ huy-hoàng của triều đình, đang còn tin-tưởng nơi hòa-diệu và hạnh-phúc của một xã-hội tôn-ti, xem hiện-tượng trên là một thảm-họa kinh hoàng tức-giận khi nghe đến dân-chủ với dân-quyền, thì hạng người cấp-tiến, đã nhiệt liệt tán-thưởng, vui mừng, hướng về chính-thể mới ở Bắc-Mỹ như một gương sáng chói để noi theo. Những người lưỡng lự hay háo-kỳ, cũng muốn đến tận nơi xem xét thật hư.

Trong số những người trí-thức Âu-Châu muốn tìm hiểu tại chỗ thành công của Hoa-Kỳ, có hai vị thẩm phán trẻ tuổi người Pháp, Alexis de Tocqueville và Gustave de Beaumont, đến Nữ-Uớc năm 1831. Mục-đích chính của họ là xem xét chế-độ nhà giam của Mỹ. Nhưng riêng Tocqueville không chỉ nghiên-cứu đề tài ấy mà thôi. Ông đã thừa cơ-hội sống trên đất Mỹ để nghiên-cứu kỹ-lưỡng đời sống và tổ-chức chính-trị của quốc-gia mới. Kết quả của công-việc Tocqueville là một cuốn sách lừng danh (4) khi mới xuất-bản đã được tán-thưởng như một tuyệt-phẩm và đến ngày nay vẫn là một tài-liệu học-tập quan-trọng. Tuy Hoa-Kỳ đã thay đổi nhiều, tuy vài chi tiết Tocqueville nêu lên đã lỗi thời, nhưng nhận-xét của Tocqueville về nền dân-chủ vẫn còn giá-trị, vì nói đến những sự thực-hiện ở Hoa-Kỳ chỉ là dựa vào một duyên-cớ. Điều Tocqueville muốn lưu-ý người đồng thời và các thế hệ sau này là một vấn-đề liên quan đến tương-lai thế-giới, đó là vấn

đề dân-chủ. Đọc cuốn *Dân-chủ ở Mỹ*, người sống ở hậu-bán thế-kỷ 20 này chắc không khỏi ngạc nhiên về tài tiên-tri của Tocqueville khi ông ta viết, ở cuối quyển I :

« Ngày nay trên địa-cầu chỉ còn hai dân-tộc lớn, khởi từ điểm khác nhau mà hình như tiến tới một mục-đích, đó là dân Nga và dân Anh-Mỹ. Cả hai dân-tộc đều lớn lên trong bóng tối và trong khi mắt người đời nhìn nơi khác, họ đã đột nhiên trèo lên hàng đầu các quốc-gia và thế-giới đã đồng thời biết đến sự sinh-trưởng và cao cả của đôi bên. Tất cả những dân tộc khác hình như đã đạt đến biên giới thiên nhiên vạch ra cho họ và chỉ còn cố giữ mà thôi, nhưng Nga và Mỹ đang lớn .. Để đạt mục phiêu, dân Mỹ đã dựa trên quyền-lợi cá-nhân, để cho sức mạnh và lý-trí cá nhân hành động mà không cần hướng dẫn. Dân Nga tập trung trong mỗi người quyền lực của xã hội. Đám trên dùng tự do làm phương tiện hành động chính, đám dưới lại tìm sự nô lệ. Khởi điểm cách xa nhau, đường đi khác biệt, nhưng mỗi bên hình như vẫn theo dự định thẩm kín nào của Thượng Đế để một ngày kia sẽ cầm vận mệnh một nửa thế gian. ! »

Tocqueville còn có những nhận xét phong phú về những nhược điểm có thể đe dọa nền dân chủ sau này, trong đó có cá-nhân - chủ nghĩa và độc - tài của đa số.

Không thể nghi ngờ Tocqueville đã dè dặt trước hiện-tượng mới xuất hiện

(4) *De la bémocratie en Amérique*, Ch-Gosselin, Paris, 1835 2 vol. Bản tiếng Anh : *Democracy in America*, Trans. by Henry Reeve, London Saunders and Otley, 1835 — New-York, Dearborn, 1838.

trên thế giới, tại một quốc gia trẻ trung và đầy hứa hẹn. Trái lại, ông đã ý thức được diễn tiến của lịch-sử. Là một người thiên-chúa-giáo rất mộ đạo, ông không khỏi kinh hãi khi nhận thấy điều khiến cho cuộc cách mạng dân chủ ở Mỹ không phải nhất thời và có tánh cách phổ quát, là việc thực hiện sự bình đẳng giữa các thân phận. Từ mấy thế kỷ rồi, nhân loại đã chịu luật cào bằng ; mọi sự phát minh phát kiến đều góp vào việc phá hủy các đặc quyền phi-lý, đã hạ đám quý-tộc xuống và nâng người dân thường lên. Theo Tocqueville, Nếu Thượng Đế sắp đặt mọi sự như thế thì ngăn cản dân chủ chẳng khác như chống lại ý Trời.

Đó cũng là một biểu-hiện của một tinh-thần tôn-giáo sâu xa, hay cũng chỉ là một lối tự an ủi, khi phải từ bỏ bao thành-kiến và hoài-bão và chấp nhận sự thật hiển nhiên. Xã hội thượng-lưu quý-tộc đã tiêu tan, sau khi đã ngăn cản phần nào chuyên-chế của quân vương. Những giai cấp sống nhờ bất-bình-đẳng và thứ tôn-ti trật-tự mình vạch định đã dành cho mình tất cả tươi vui của đời sống, nào của cải, an nhàn, nào xa xỉ, văn-chương, mỹ-nghệ, và để lại cho dân chúng sự làm lụng nhọc nhằn, cảnh làm than quê kịch và dốt nát. Nếu giai cấp quý-tộc có nghĩ đến dân chúng thì chẳng khác chi người chặn cừu trông nom và âu yếm đàn cừu của mình.

Xã-hội dân-chủ đã trỗi dậy trên sự sụp đổ của xã-hội quý-phái. Thiết-lập được bình-đẳng giữa mọi người nhờ luật-pháp, người ta sẽ không tạo nên được một khung cảnh huy-hoàng như thời trước, nhưng chắc hẳn dựng nên được một xã-hội bớt cảnh khổ, bớt dốt nát, với nhiều người được ấm no hơn.

Tuy nhiên, thực-hiện được bình đẳng, ham muốn bình-đẳng, đừng làm cho quên rằng có thứ bình-đẳng chỉ là thỏa-mãn sự phân-bì ganh-tị, mà không phải là một giải-đáp cho vấn-đề tự-do và thề-giá con người. Nếu đám người chịu một cảnh áp-bức, sống dưới một chế-độ nô-lệ và được đối xử bình-đẳng, thì sự bình-đẳng này chẳng đáng thêm muốn, và người ta đã lâm vào sự vọng-phát tai hại.

May thay, người Mỹ đã thực-hiện được sự bình-đẳng chính-trị mới mẻ nhất : chủ-quyền của quốc-gia là trong tay của tất cả công-dân, và tất cả công-dân ngang nhau trong việc xử-đụng chủ-quyền ấy.

Đó là một tín-điều mới. Gọi là tín-điều không hẳn là sai. Vì dựa vào đâu, dân chúng lại được quyền ấy ? Vấn-đề đã sinh ra nhiều tranh-luận bẽ-tắc chẳng khác những sự phê phán chỉ trích thuyết thần-quyền trước đó.

Dân là nguyên-nhân và cứu-cánh của mọi sự. Dân chế-ngự đời sống chính-trị của dân cũng như Thượng-Đế trị-vì trên vũ-trụ. Không có lý do nào khác ngoài sự thực-tại, sự hiện-diện của dân. Dân-quyền đã trở thành một quyền-tuyệt-đối. Tuy không còn là quyền của một người, nhưng vẫn là quyền tuyệt đối của tất cả đối với tất cả.

Trong thật-tế, tín-điều trên đã lôi cuốn theo tín-điều khác. Dân có quyền tuyệt-đối. Nhưng dân là ai ? Làm sao biết ý dân ? Chỉ cần biết đến ý của đa-số. Và đa-số, nhờ một lập luận chưa chắc đã hợp lẽ, nhưng rất thực tiễn, đã trở thành uy-quyền tuyệt-đối. Lập-luận ấy dựa trên nguyên-tắc bình-đẳng và ý

nghe rất thông thường là nhiều người chắc hẳn khôn ngoan hơn một người!

Nơi đây, Tocqueville đã thấy mối đe dọa nguy-hiểm nhất cho xã hội dân-chủ, là cửa đã mở công-khai cho một sự độc tài vô bờ bến, một sự độc tài có vẻ hợp lý, hợp pháp, nhưng không thể nào đánh đổ được như trường-hợp độc-tài của một cá-nhân hay một nhóm người.

Khi đã công nhận cho đa-số quyền tuyệt-đối, thì không gì có thể ngăn cản quyền-hành của đa-số ấy nữa.

Đó là một trong những mối nguy-hiểm của quốc-gia dân-chủ. Muốn tìm nguồn gốc của điều đáng ngại đó, Tocqueville đã phải dùng năm năm suy gẫm tìm dưới lớp chính-trị phần thẳm kín nhất mà nơi đó bắt đầu mọi ý tưởng, tình-cảm, phong-tục của con người.

Tocqueville cho rằng trong những thời-đại bình-đẳng, mỗi người tự tìm lấy tin-tưởng và ý-kiến nơi chính mình mà thôi. Mọi cảm-giác của người cũng chỉ hướng về chính mình. Đó là chủ-nghĩa cá-nhân. »

Trong mỗi suy tư, người Mỹ chỉ dựa vào nơi sự cố gắng riêng của lý-trí, không dựa vào tập-truyền, dựa vào kinh-nghiệm của tổ-tiên hay dựa vào những bậc cao-trí của thời-đại mình, như người dân thường làm trong xã-hội quý phái. Mỗi người tìm nơi mình mực-thước để phán-đoán mọi sự; mỗi người, giám cầm trong bản-ngã của mình, lại đòi phê phán tất cả thế-gian. Sự tự-do hoàn-toàn của cá-nhân về tư-tưởng thật là quý hóa. Nhưng dù sao, tự-do ấy cũng phải có biên giới, và dù là ở trong thời đại gọi là dân-chủ chẳng nữa, thì uy-quyền

về trí-thức cũng phải có ở một nơi nào chứ? Nhưng ở đâu? Ở ngoài nhân-loại hay ở trên nhân-loại? Điều này, con người đã hấp thụ tư-tưởng bình-đẳng không chấp nhận được. Vì vậy mà con người muốn tìm sự thật, lẽ phải cao hơn trí óc cá-nhân có thể đạt được, con người sẽ hướng về « toàn-thể đồng loại » hướng về đa-số, và nhìn nhận rằng sự phán-xét của đại-chúng không thể sai lầm được.

Giáo-điều ấy đã được tin theo ở Hoa-kỳ. Tại nước dân-chủ ấy, đại-chúng có uy-quyền đặc biệt, không chỉ đưa ra ý-kiến, còn buộc tất cả tuân theo, bằng sự áp lực vô cùng lớn lao. Dư-luận của đa-số ngự chế sự hiểu biết, thông minh của cá-nhân. Đa-số đã vạch một cái quyền vô-hình, mà con người chỉ tự-do trong phạm-vi ấy mà thôi. Sau khi đưa tinh-thần con người đến những chân trời mới, thời-đại bình-đẳng hình như đã khiến cho tinh-thần ấy đứng suy-nghi nữa. Sau khi đã phá tất cả những ràng buộc tư-tưởng cá-nhân, tư-tưởng lại tự xiềng xích lại theo ý muốn chung của đại-đa-số.

Tocqueville thuộc vào hạng người cho tự-do tinh-thần là thiêng liêng, không chỉ ghét con người chuyên-chế mà ghét sự chuyên-chế, đã không chấp nhận sự khuất phục trên và đã lên tiếng.

« Đối với tôi, khi cảm thấy bàn tay uy-quyền đè nặng trên đầu, tôi không cần biết ai áp-chế tôi, và tôi chẳng sẵn sàng đưa đầu tôi trông dưới ách, chỉ vì cả triệu cánh tay đưa ách đó đến cho tôi. »

(Còn tiếp 1 kỳ)

CUNG-GIỮ-NGUYỄN



Hình vẽ Jules Verne trên báo
L'Eclipse năm 1871

(Xin xem BK. TĐ từ số 234)

JULES VERNE

đã sống lại

● NGUYỄN-HIỂN-LÊ (2)

Ông đã thành công rực rỡ, nhưng bị chứng tê liệt một nửa mặt, nên tính tình không niềm nở, vui vẻ: ông thường yên lặng, mơ mộng, ít nói, có vẻ như nhút nhát nữa, chỉ thích tản bộ một mình trên bờ sông Seine sau những giờ viết lách. Cảnh biển nước vẫn quyến rũ ông như hồi nhỏ. Lúc này đã có tiền, ông mua một chiếc thuyền đánh cá, chiếc Saint Michel, mượn một căn nhà trên động cát ở cửa sông Somme rồi lại đó viết cuốn *Những người con của thuyền trưởng Grant*; lúc nào nghỉ viết thì bơi thuyền với cậu Michel mới bảy tuổi và một thủy thủ già ở trong miền.

Trong năm đó, ông cùng với người em, Paul, du lịch bên Mỹ, thăm thác Niagara, tới biên giới Gia-Nã-Đại, rồi trở về viết nốt những cuộc thám hiểm của thuyền trưởng Nemo trong cuốn *Hai vạn*

hải lý dưới đáy biển, tác phẩm hay nhất của ông, trong đó ông say mê tả cái thú tuyệt cao của con người tự do sống trong cảnh biển nước bao la, không khí đầy nhạc du dương. Tác phẩm chưa kịp in thì chiến tranh Pháp—Phổ nổ; ông vội vàng trở về căn nhà ở cửa sông Somme của ông và dùng chiếc Saint Michel với một khẩu đại bác cũ để tuần phòng bờ biển, không cho tàu Phổ lại gần.

Pháp đầu hàng Phổ, ông vội trở về Paris, mới tới nơi thì hay tin phụ thân ông mất. Năm 1872, cuốn *Hai vạn hải lý dưới đáy biển* mới xuất bản và được hoan nghênh ở khắp Châu Âu và Bắc Mỹ. Một em, Simon Lake, đọc xong, quyết chí sau này nổi danh trong nghề đóng tàu. Lúc đó còn có một cuộc thám hiểm ở Bắc cực. Còn các thanh niên Pháp thì coi viên thuyền trưởng Nemo trong

truyện là tượng trưng cho tinh thần bất khuất của dân tộc, mà bưng bưng lên cái chỉ rửa nhục cho quốc gia sau khi thua Phò.

Lúc này danh ông rực rỡ nhất ; cũng trong năm 1872, truyện *Vòng quanh thế giới trong tám chục ngày* bắt đầu đăng trên báo *Le temps*, sau được in thành sách rồi diễn thành kịch ở hí viện Porte Saint Martin luôn trong hai năm. Ông tậu được một biệt thự lớn ở Amiens, quê vợ, bán chiếc thuyền cũ, mua một chiếc mới chiếc Saint Michel II, đi du lịch ở Bắc phi và Na Uy, Thụy Điển. Hàn lâm viện Pháp tặng ông giải thưởng về loạt truyện *Những cuộc du lịch dị thường* của ông.

Năm 1875, ông cho ra truyện *Hải đảo bí mật* (*L'île mystérieuse*) kể tiếp những cuộc mạo hiểm của thuyền trưởng Nemo và chỉ trích chính sách thực dân của Anh *Những cuộc du lịch dị thường* lần lượt được dịch ra hai mươi lăm thứ tiếng, có cả bản dịch ra tiếng Trung Hoa và tiếng Ba Tư. Thư từ của độc giả khắp thế giới chằng chịt trên bàn ông.

Khi danh vọng và tiền bạc đã tới thì các nàng tiên cũng không thể dừng đứng được. Hình như thời này một cô đào trẻ và đẹp, đóng một vai trong kịch *Vòng quanh thế giới* hoặc *Michel Strogoff* được ông đề ý tới và giữa hai người có một mối tình hoàn toàn «tinh thần» gì đó. Truyện và kịch *Michel Strogoff* đều được hoan nghênh tới nỗi gây một phong trào thân Nga ở Paris: phụ nữ bắt chước dáng điệu của các bà quý phái ở Moscou và các khách sạn đều ganh đua nhau dọn món caviar.

Năm 1880, ông sắm một chiếc thuyền mới nữa, chiếc Saint Michel III mượn mười thủy thủ, mời các bạn bè cùng đi

«du lịch Địa Trung Hải và Bắc Phi với ông. Thuyền ghé bến nào, thiên hạ cũng đổ xô xuống để được nhìn mặt ông, làm cho ông rất bức mình. Tới La Mã, ông được Giáo Hoàng Léon XIII tiếp và khuyến «khích : Tôi cầu chúc cho ông và cho các tác phẩm của ông, và khuyên ông chịu khó kiên nhẫn.» Lời khuyên đó có vẻ thừa. Tới Venise, dân chúng hoan hô ông suốt đêm ngày, làm ông mất ngủ luôn ba đêm. Ở Tunis, dân bản xứ tổ chức những cuộc vũ để đón ông. Đâu đâu cũng là tiệc với tùng. Bây giờ ông mới biết rằng danh vọng chỉ làm mất sự yên ổn của ta thôi. Ông vội vàng trở về Paris Người ta mời ông đưa đơn ứng cử vào Hàn Lâm Viện, ông từ chối.

Nhưng nào ông đã được yên : danh vọng còn gây thù oán nữa chứ ! Có kẻ ghen ghét phao tin rằng ông là một tên Do Thái gốc Ba Lan, mượn một bọn «mọi» viết cho ông rồi ông chỉ có việc ký tên và bán lấy tiền, chứ có chịu tổn công gì đâu. Có kẻ còn cam đoan rằng ông chưa hề bước chân xuống một chiếc tàu, vậy mà đòi viết về những cuộc mạo hiểm trên biển và dưới biển.

Thấy nhân tình như vậy, ông sinh chán đời, nhất là sau vụ bị ám sát hụt năm 1886. Tới ngày 9 tháng 3 năm đó ông vừa về tới cửa thì một kẻ bắn ông một phát, ông bị thương ở ống chân trái. Nhìn lại thì chính là đứa cháu trong họ, tên là Gaston. Hẳn ngưỡng mộ ông lắm, nhưng có lẽ hấn điên, uất ức về một chuyện tiền nong gì đó nên làm vậy khiến ông bị tàn tật, phải bán chiếc Saint Michel III rồi từ đó cấm cung trong phòng, viết, xa lánh hẳn xã hội.

Mười ngày sau vụ đó, ông được tin rằng, Hetzel, người đã vạch đường cho

ông, mất ở Monte-Carlo. Rồi năm sau, mẫu thân ông qui tiên.

Chung quanh ông như trống rỗng. Lưng ông gù xuống, tóc râu ông bạc ra. Bạn bè bảo ông y như con gấu già ở Bắc cực. Và đề qua ngày, ông chỉ còn có cách cầm đầu viết. Ông viết thêm được một loạt truyện nữa mà người con trai của Hetzel tiếp tục xuất bản.

Rồi không hiểu sao, năm 1889 ông bỗng có ý hoạt động xã hội, đứng trong danh sách đảng xã hội, ứng cử hội đồng thành phố Amiens; đắc cử nhưng chỉ lãnh công việc rất khiêm tốn là quản lý hi viện của thành phố.

Tác phẩm của ông hồi này : *Lâu đài Carpatès, Nhìn thẳng vào lá cờ...* càng có cái giọng của Nietzsche: ông ca tụng sự tấn bộ của nhân loại, nhưng đồng thời cũng lo lắng, không hiểu nhân loại sẽ dùng sức mạnh của khoa học ra sao, có khỏi đưa tới một tương lai bi thảm không.

Truyện *Nhìn thẳng vào lá cờ* gây một vụ kiện bất ngờ. Vì có kẻ cho rằng ông tạo ra nhân vật Thomas Roch để mạ sát mình; ông tuyệt nhiên không có ý đó và ông thắng kiện. Nhưng ít lâu sau, em trai ông mất thình lình sau một cơn đau tim, và ông buồn rầu vô hạn vì hai anh em từ nhỏ vẫn rất quyến luyến nhau. Ông viết truyện *Hai anh em Kipp* (Les frères Kipp) để tả cái tình của ông với em, mà thần chết cũng không diệt nổi.

Nhưng trong tuổi già, ông cũng được hưởng cái vui là thấy một trong những lời tiên tri của ông đã đúng. Khi chiếc tàu lặn đầu tiên của Pháp đóng xong, chiếc Gymnote, ông bảo: «Tôi tin chắc rằng tất cả những cái mà tôi đã viết, sẽ thực hiện được hết.»

Năm 1902, đã bảy mươi bốn tuổi, tàn tật, lại thêm bệnh đái đường và mắt thì gần loà, mà ông vẫn tiếp tục làm việc viết nốt cuốn sách thứ một trăm lẻ tư, cuốn *Chúa tể thế giới* (Maitre du monde) để hoàn thành sự nghiệp.

Ba năm sau, ngày 24-3-1905, ông tắt nghỉ sau khi dặn dò con cháu, họ hàng quây quần chung quanh: «Các con cháu nên tốt bụng».

Dân chúng xô đẩy nhau để dự đám táng. Các nước đều phái đại diện tới, kể cả nước Đức và nước Anh mà đã có lần trong tác phẩm ông chỉ trích chính sách thực dân hoặc tinh thần hiếu chiến. (1)

oOo

Nhà phê bình Pierre André Touttain, trong tờ *Les Nouvelles littéraires* số 24-3 1966 bảo rằng Jules Verne đã chịu ảnh hưởng của ba văn hào: Edgar Poe, Hoffmann và Dumas. Poe đã phát giác cho ông lối viết những truyện quái dị có tính cách khoa học, Hoffmann đã mở cửa khu vực huyền hoặc thuần túy cho ông, còn Dumas đã tập cho ông có một bút pháp lãng mạn mà hóm hỉnh, tạo những tình tiết bất ngờ, thú vị, hơi có tính cách phóng đại khôi hài cho truyện thêm vui.

Nhận xét đó rất đúng. Ông quả thực đã dung hòa được kỹ thuật của ba nhà đó; xét riêng về mỗi kỹ thuật thì ông không hơn các bậc thầy của ông; nhưng ông vượt hẳn họ về thị lực, về tài dự hiện tiên tri trong khu vực phát minh khoa học. Ngày nay chúng ta phải ngạc nhiên nhận rằng rất nhiều tiên tri của ông đã

(1) Đoạn tiểu sử này viết theo lời liệu của Charles Guider trong *Lectures pour tous* số 6-1966

thành sự thực: từ những tiềm thủy đình, đại bác Berthe trong thế chiến 1914-18, những bom V1, V2 trong thế chiến vừa rồi, những xe hơi, trực thăng, xe tăng, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình, hỏa tiễn lên cung trăng, cả tới lối quảng cáo trên không trung, cách phi nhiều hóa các sa mạc, phương pháp đông miên (hibernation), cách dùng năng lực của biển... Mới mấy năm trước, chiếc tiềm thủy đình nguyên tử Nautilus của Mỹ đã lặn xuống dưới lớp băng ở Bắc cực như chiếc tàu của thuyền trưởng Nemo. Hiện nay Nga Mỹ đã sắp phóng được người lên cung trăng; và nhiều nhà bác học đã nghĩ tới cách làm đảo Trái đất để cho Bắc cực và Nam cực bớt lạnh, tan lớp băng mà có thể khai thác được, như ông đã gợi ý cho chúng ta trong cuốn *Đảo ngược* (*Sens dessus dessous*).

Sức tưởng tượng của ông dựa trên những nguyên tắc khoa học, những luật vật lý, quả là kỳ dị, độc nhất trong lịch sử nhân loại!

Nhưng ông thành công không phải chỉ nhờ ở thiên tài đó mà thôi. Còn nhờ sức làm việc, và tinh thần phục thiện, cải tiến của ông nữa.

Tôi chưa thấy có nhà xuất bản nào như Hetzel, mới đọc một tác phẩm đầu tay của một thanh niên vô danh chưa có một bút pháp vững mà dám đề nghị một hợp đồng hai mươi năm với những điều kiện lợi cho nhà văn như vậy, nhất là khi tác phẩm đó dùng một thể rất mới, chưa chắc gì đã được độc giả hoan nghênh. Nhưng tôi nghĩ cũng ít có nhà văn nào hùng tâm như Jules Verne, dám cam đoan viết đều đều cho nhà xuất bản hai chục năm, mỗi năm hai cuốn về một thể tài từ xưa chưa có ai viết thử.

Cả hai đều phải tự tin và tin nhau tới bực nào! Sự hợp tác của họ đáng gọi là độc nhất trong lịch sử văn học.

Jules Verne đã tỏ ra xứng đáng với lòng tin của Hetzel. Ông đã sáng tác được quá sự mong mỏi của người nâng đỡ ông: ông không phải chỉ viết có hai chục năm mà viết liên tiếp trên bốn chục năm (từ 1861 đến 1902), không phải chỉ viết có bốn chục cuốn mà viết tới trên trăm cuốn!

Mà lại viết rất cẩn thận. Bản tính ông vốn đã kỹ lưỡng mà Hetzel còn khó tính hơn ông.

Cuốn đầu, *Năm tuần trên kinh khí cầu*, Hetzel đã bắt ông viết lại một phần lớn, vì vẫn còn nhiều chỗ vụng về, non nớt. Ông ngoan ngoãn nghe lời và từ đó có sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà xuất bản và nhà văn. Bản thảo nào của ông, Hetzel cũng đọc rất kỹ, ghi hết những nhận xét của mình ở ngoài lề, đề đề nghị với ông sửa lại hoặc thêm bớt. Hetzel còn kiểm soát lại giá trị từng tài liệu một nữa. Ở trên chúng tôi đã nói khi dùng tài liệu về khoa học, ông phải hỏi ý kiến hai nhà bác học bạn thân của ông. Ông cẩn thận như vậy, mà Hetzel vẫn chưa cho là đủ. Có lần, năm 1875, Hetzel còn nhờ văn hào Nga Tourguenie, đọc lại bản thảo cuốn *Le Courier du Tzar* (khi xuất bản đổi nhan đề là *Michel Strogoff*) xem những chi tiết trong đó có đúng không vì cuốn đó nói về nước Nga, thể nào cũng tới tay nhiều độc giả Nga.

Ngày nay đọc khoảng tám trăm bức thư của ông viết cho Hetzel mà người ta còn giữ lại được, luôn luôn ta thấy ông rất phục thiện, chịu nghe lời Hetzel mà sửa lại bản thảo, không

khi nào phật ý vì một lòng tự ái xằng » Ông viết cho Hetzel năm 1964 :

« Bức thư của ông không phải là của một ông giám đốc mà của một người bạn tôi hoàn toàn tin cậy »

« Đồng ý, tôi đã xuẩn động, ai lại đi dùng nhân vật trong truyện mình để tự khen mình như vậy. Tôi sẽ khờp mở các nhân vật đó lại ở chỗ ông chỉ. Còn về những đoạn viết vội, tôi cũng đã nhận thấy (...) và đã sửa lại rồi (...)

Vì vậy mà cuốn nào ông cũng phải sửa đi sửa lại, cuốn nào viết cũng rất mệt :

«Đúng, tôi đương gia sức «cuộc» đây, và tới cuối tháng bảy thì cuốn thứ nhất sẽ xong... nhưng nói vậy chứ tôi sẽ còn phải viết lại nó từ đầu tới cuối nữa. Tới cuối tháng tám thì mới thực là hoàn thành (...) Khó nhất là làm sao cho tất cả câu chuyện (1) có vẻ như thật, đến nỗi đọc xong ai cũng muốn đến tận nơi để coi ! »

Ông làm việc đều đều như chiếc đồng hồ trong căn phòng ở trên cái tháp nhỏ của biệt thự ở Amiens. Năm giờ sáng ông dậy, viết tới mười một giờ, chung quanh đầy bản đồ và sách du kí và khoa học. Ông viết bản nháp bằng bút chì, rồi vừa chép vừa sửa lại bằng bút mực. Buổi chiều, ông đi dạo mát, kiểm sách báo đọc ; ngày nào như ngày này , đúng mười giờ tối ông đi ngủ. Như vậy trong bốn chục năm thì dẫu không có tài cũng phải lập nên được một sự nghiệp. Nhờ sự làm việc kiên nhẫn và đều đặn theo đúng một hướng nhất định đó mà về lượng, ông đã vượt xa Poe và Hoffmann và đuổi kịp được Dumas, mặc dầu thể chất ông không được mạnh mẽ như Dumas.

Tác phẩm của Jules Verne không phải chỉ riêng cho tuổi thiếu niên mà cho mọi tuổi.

Hồi mười bốn mười lăm tuổi, đọc ông ta được hưởng cái thú mơ mộng những cuộc phiêu lưu trên mặt đất, trên trời và dưới biển; mơ mộng những hành vi anh hùng của những nhà mạo hiểm, những hiệp sĩ của thời đại khoa học; mơ mộng những công trình phát minh kỳ dị làm thay đổi hẳn mặt trái đất và đời sống của nhân loại. Các bạn vào lớp tuổi tôi, lên tới Trung học thì không ai không đọc Jules Verne. Làm sao quên được những phút cầm cuốn *Vingt mille lieues sous les mers* hoặc *De la Terre à la Lune*, dựa gốc một cây đa trên đường Cổ Ngư (Hà Nội), đọc xong một chương rồi nhìn những cánh buồm trên Hồ Tây, ba ngọn núi Tản ở chân trời. Ôi ! những phút vui nhất trong đời học sinh ấy! Tôi không rõ thanh niên ngày nay đọc ông có những cảm tưởng ra sao, chứ hồi đó, chúng tôi nhận ông là một giáo sư dạy cho chúng tôi ý chí cương quyết thắng mọi nỗi khó khăn để thực hiện được một lý tưởng cao đẹp. Chúng tôi cho rằng không có những tác giả như ông thì sự giáo dục của chúng tôi ở Trung học tất còn thiếu sót. Sau này lớn lên, nhiều lúc chúng tôi chưa xót thấy rằng lý tưởng đó không thực hiện được may may, nhưng tuổi trẻ mà không có những mơ mộng như vậy thì thật là vô phước !

Ngày nay, đọc lại tác phẩm của ông, chúng tôi được hưởng những cái vui khác. Chúng tôi ngạc nhiên rằng biết bao điều tiên tri của ông đã thành sự thực và mong rồi đây nhiều tiên tri cũng sẽ thực hiện được nữa.

(1) Truyện Hai vạn hải lý dưới đáy biển.

Chúng tôi lại thấy sao mà ông đặt được nhiều vấn đề cho nhân loại đến thế! Ngòi mấy chục vấn đề khoa học ra, còn mấy vấn đề xã hội nữa, như vấn đề cá nhân chống đối với nhân loại, vấn đề độc lập của các dân tộc bị áp bức, đặc biệt là vấn đề các nhà bác học điên khùng.

Ông thấy rõ hơn ai hết sức mạnh của khoa học và từ một thế kỷ trước ông đã tự hỏi nếu sức mạnh đó bị một bọn bác học điên khùng điều khiển thì nhân loại sẽ ra sao. Những nỗi thắc mắc gần đây của Einstein, của Oppenheimer... đã là những thắc mắc của ông. Càng về già, nỗi thắc mắc đó càng chiếm một địa vị quan trọng trong tác phẩm của ông, như trong truyện *Les cinq cent millions de la Béguin*, truyện *Docteur Sarrasin* ta rùng mình nhớ lại những trại giam của Đức Quốc Xã trong thế chiến vừa rồi khi đọc đoạn ông tả châu thành Herr Schultze trong truyện *Docteur Sarrasin*. Có điều ông không ngờ được là khi điên khùng bằng bọn chính khách, bọn bác học ít bọn cầm quyền, mà như vậy mỗi nguy của nhân loại mới ghê gớm.

Có lúc ông tỏ vẻ chán nản, bi quan như trong truyện *du lịch chung quanh mặt trăng* ông cho nhân vật chính, Michel Ardan, thốt ra câu này :

a Tất cả bọn chán đời, bọn thù ghét nhân loại, bọn tởm đời sống xã hội, cho họ lại lấy ở đây (ở núi Tycho) sống một cuộc đời yên tĩnh và cô liêu thì hợp quá !

Barbicane đáp lại :

« Núi này nhỏ quá, làm sao họ ở cho đủ ! »

Nhưng nếu xét kỹ thì ta thấy ông vẫn tin tưởng ở sự khôn ngoan của nhân loại, truyện nào của ông dù tình tiết bi thảm tới mấy cũng có một kết cục lạc quan: cái thiện thắng cái ác; và nhà bác học điên khùng Schultze trong *Docteur Sarrasin* rốt cuộc ã chết vì chính những phát minh của hắn, cũng như bọn Quốc xã Đức đã chết vì những tàn bạo của chúng. Và ta nhớ lại lời ông dặn dò người thân trước khi mất: « Các con cháu phải tốt bụng ». Các nhà khoa học chân chính luôn luôn là những người « tốt bụng », cái Chân mà chân chính luôn-luôn đưa tới cái Thiện. Về điểm đó, tác phẩm của ông có một giá trị lớn. Dù sau này những tiên tri của ông đã bị khoa học vượt được, thì chúng ta vẫn tìm được trong truyện của Jules Verne một bài học nhân đạo, can đảm chống những bất công trong xã hội, chống những kẻ dùng khoa học vào những mục tiêu tàn nhẫn bỉ ổi.

Hiện nay ở Saigon đang có phong trào đả đảo những tác phẩm đồi trụy, tiêu thuyết của ông rất nên được dịch lại và dịch thêm.

Đã có nhà xuất bản nào nghĩ tới việc đó chưa? Bộ Văn hóa hay Sở Tu Thư đã nghĩ tới việc đó chưa?

Saigon 1-9-66

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

thân hữu THÁI ĐỘ tìm đọc

THÁI ĐỘ số II

chủ đề Cách Mạng Xã Hội
chủ biên Thế Uyên.

— Phan Khắc Sửu, Hồ Hữu Tường, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Văn Lực
trả lời cuộc phỏng vấn về cách mạng xã hội.

— Cách mạng Xã hội với Tôn Dật Tiên, Lênine, Mao Trạch Đông, Nasser

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN THÊM

NGUYỄN ĐI THÌ NGUYỄN LẠI VỀ

Trong năm 1947, quân-đội Pháp đã mở khá rộng các khu-vực ảnh-hưởng ; nhiều thị-trấn và thành-phố với vùng phụ-cận, ở trung-châu Bắc-bộ và Trung-bộ: các tỉnh Cao-nguyên và phần lớn Nam-bộ. Lực-lượng chính-quy VM rút vào các chiến-khu rừng núi, chỉ để lại một số dân-quân du-kích hoạt động tại đồng bằng.

Trong các thành-thị vùng Pháp chiếm đóng, đời sống lại nhộn nhịp và có phần náo-nhiệt hơn cả thời trước 1945. Dân-chúng kéo về mỗi ngày một đông, không những là người nguyên quán tại phố-phường, còn khá nhiều người vốn sinh trưởng ở thôn quê, nhưng vì chiến-cuộc phải tìm nơi cư trú yên ổn. Các xí-nghiệp Pháp, Tàu, Ấn lại khai trương, và giới kinh-doanh Việt cũng nhân dịp này hoặc dựa vào sự giao-dịch với ngoại-kiều mà gây lại những tài-sản đã bị khánh-tận hay thiệt hại, như ở các ngành vận-tải, tạo-tác, tiểu-thương và công-nghệ. Còn đa-số người khác phải kiếm sinh-kế trong các sở công, sở tư, tiệm buôn hoặc nhà máy.

Các cửa hàng lại đầy hàng hóa nhập cảng từ Pháp hay Hương Cảng... đề trang bị gấp những cơ sở sản xuất đã bị tê liệt, và tiếp tế cho quần chúng đã chịu thiếu thốn lâu ngày. Hầu hết các gia đình hồi cư đều phải mua sắm từ quần áo và đồ vật trong nhà, đến dụng cụ hành nghề. Xe kéo không còn, xe hơi chưa nhiều, nhưng xích lô đạp chạy bon trên các ngã đường, và hàng ngàn xe đạp mới tinh sắp thành rầy sáng loáng trước các trường học, rạp hát hay si-nê. Các tiệm ăn, vắng khách từ 1943-44, khi bom đạn rơi nhiều, nay thường chật ních, các tiệm nhậu, quán rượu mọc ra khá nhiều cho quân-đội « viễn chinh. » Sau mấy Tết tẻ ngắt, xuân Giáp Tý lại được đón tiếp tung bưng, hoa, trà, mứt bánh tràn đầy các chợ và các đường quanh chợ.

Cảnh sinh hoạt với những vẻ sầm uất đó khiến Pháp tin rằng dân Việt thuận trở về vui sống trong trật-tự do Pháp tái lập. Nên D'Argenlieu và các cộng-sự

mà phần đông là cựu Cai-trị Đông-Dương, thấy có thể nằm lại dễ dàng toàn-quyền chi phối. Sự thật, họ không gặp phản-ứng gì tại Cao nguyên, giữa các sắc dân chất phác miền sơn cước; hoặc ở các thành phố khi cuộc sống còn đương cổ ngoi lên chống lại điều tàn, chưa tới lúc nhận ra hướng mới. Bởi vậy, Pháp muốn sao tùy ý, vừa quyết định, vừa kiểm soát hay thừa hành nửa. Họ chỉ giao phó vài lãnh vực không mấy quan trọng như tiếp tế, cứu tế, chiêu an v.v. cho một thiểu-số thân hào bản-xứ; họ lập ra chánh phủ Nam kỳ quốc ở Saigon, Hội Đồng An Dân ở Hà Nội, Hội Đồng Chấp Chánh ở Huế. Họ dựa vào những phần tử đáng tin cậy vì quá-khứ thân Pháp, có quốc tịch Pháp, hoặc có những đặc quyền không thể bảo vệ dưới một chế-độ nào bài ngoại hoặc theo đường lối quá khích.

Song ngay trong giới này, nhiều người cũng mở-rộng tầm mắt và có đủ thông minh để hiểu rằng họ không tồn tại được trên xứ sở này nếu cứ phải đóng mãi vai trò bù-nhìn và mang tội bán nước. Cũng có người háo danh, song chính vì thế mà họ sợ ô danh đối với những tầng lớp mới, nên họ cố xin Pháp trao quyền Người khác đình ninh rằng « bạn Pháp » thức thời và sẽ để cho nhân vật xứ này đảm đương trọng-trách; với niềm hy vọng đó, họ đáp lời kêu gọi của Cao uỷ mà lộ diện ra chính trường, rồi khi thấy mình bị lừa thì có người tự tử. Được tin B.S. Nguyễn văn Thịnh treo cổ bằng dây điện, già Hồ tuyên bố trong một thỏ dài: B.S. Thịnh quá ngay thật, nên đến nỗi này...

Còn dân chúng trong vùng chiếm đóng dĩ nhiên không tin tưởng vào chánh sách tiêu thổ kháng chiến mà họ đã từng chịu hậu quả, Nên họ đã tìm đường trở lại để thoát cảnh khốn cùng. Họ về ở nhà họ phố họ, theo nếp sống quen thuộc, và tin rằng đó là quyền của họ. Họ không muốn bị ai chà đạp, dù là đồng bào hay ngoại nhân. Họ mong có dịp giành giật lại những quyền lợi mà họ biết là cần cho sự cải thiện sinh hoạt; tâm trạng này cắt nghĩa một sự kiện mà nhiều người cho là mâu thuẫn: ở gần Pháp, có khi lãnh lương của Pháp hay của cơ quan thuộc Pháp, mà họ vẫn công kích Pháp, đôi khi ca ngợi phe chống đối: phải chăng họ vừa phản tuyên-truyền vừa thiếu thành thực? Ở ngoài kia thì họ oán VM. ở trong này, thì họ rửa Pháp, còn hiểu làm sao được?

Theo sự giải-thích của một nhà quan-sát « chòm chần » đời thời, thì những người đó thuộc hai hạng. Hạng thứ nhất, thực ra chẳng có ý-thức chánh-trị nào cả. Vì sinh-kế, họ phải sống lụy, lụy chế-độ ngoài kia, hoặc lụy chế-độ trong này. ở đâu họ cũng chịu đựng, nên chẳng ưa ai, hề thấy sơ hở là kêu ca. Bởi họ không-tưởng, họ có mặc-cảm bị coi là thấp kém, là sợ VM hay sợ Pháp, tuy sự thực thì sợ cả hai. Nên đối với họ cũng như đối với người khác, họ phải lên tiếng này nọ, để tỏ ra mình bất-khuất: có thể thôi.— Hạng thứ hai, thì tương-đối cao hơn một bậc. Họ có quan tâm đến hiện-tình xứ sở. Họ muốn Pháp nhả bớt nhiều quyền mà chúng còn bo-bo nắm giữ, nên chê trách Pháp là ngoan-cổ và lạc-hậu. Nhưng họ sợ phá-hoại, vì họ có tài-sản hoặc ít ra cũng mong có một ngày kia, và nghĩ rằng phá-hoại chỉ lợi cho cuộc tranh đấu giai-cấp hơn là cho sự tranh-

thủ độc-lập, Nên khi ở ngoài kia, họ vẫn thì thầm chỉ trích sự lợi-dụng kháng-chiến để đảo lộn xã-hội. Họ đòi Pháp từ bỏ chánh-sách thuộc-địa, nhìn nhận tự do và tự-chủ của VN, và nếu được thế thì nhường cho Pháp một ít mối lợi cũng không sao Tóm lại, sự mong muốn của họ không trái ngược với chủ-trương của nhà đươg-cuộc 1946 khi ký kết tạm-ước Modus Vivendi. Họ chỉ cầu đạt kết-quả tương-tự như của già Hồ trước đây, trong sự giằng co với Pháp. Song nay già phủ nhận, thì phải có ai đứng ra thay...

oOo

Ai dám, và ai có thể ? Đó là câu hỏi khó trả lời của nhiều người trong vùng chiếm đóng, và cả của chính-giới Pháp. Cái chết của B. S. Thinh đã khiến nhiều người thân Pháp phải suy nghĩ và ngờ vực Pháp. Pháp hiểu, nên triệu hồi D'Argenlieu và cử nghị-sĩ Xả-Hội Bollaert sang thay làm Cao-ủy, để tỏ rằng chánh-sách trực-trị đã bị cáo chung. Bollaert tin rằng muốn chấm dứt phong-trào kháng-chiến, muốn tách các nhóm kháng-chiến quốc-gia ra khỏi phe Cộng-sản, phải thoả mãn nguyện-vọng ưu-tiên là Độc-lập, Nên ngày 15-5-47 và ngày 10-9-47 tại Hà Đông, Bollaert đọc diễn-văn hứa hẹn thừa nhận trên nguyên-tắc sự độc-lập trong vòng liên-kết với Pháp (l'indépendance dans l'interdépendance) Y cũng biết rằng những nhân-vật đã được vờ ra hợp tác đều mắc tiếng bị mua chuộc nên không được ủng hộ; nên y kêu gọi tất cả đoàn-thề, các « gia-đình tinh-thần », Familles spirituelles » tại Việt Nam.

Khốn nỗi, các gia-đình ấy lại chia rẽ, lục đục, hoặc chưa có dịp xum họp đề cùn; tìm đường lối chung. Nếu nói chuyện với từng nhà, thì chỉ thấy những thành-kiến, những ý-niệm cố-chấp, những quyền-lợi tương-phản. Vậy phải tìm một nhân-vật nào sẵn uy-tín, được toàn-quốc biết tên tuổi, đứng trên các đảng phái, đề liên lạc và qui tụ các phe nhóm địa-phương, rồi chánh-thức đàm thoại với Pháp. Tất-nhiên người đ) lại phải có thái-độ ôn-hoà, có dĩ-vãng đáng tin cậy, thực lòng thừa nhận cho Pháp những quyền-lợi quan-trọng mà Pháp phải huy động toàn lực để duy trì.

Đủ các điều-kiện ấy, thì ai cũng thấy chỉ có Cựu-hoàng Bảo-Đại. Nhiều báo chí ở Ba-Lê đã nhắc tới ông. Các giới Pháp am hiểu thời cuộc đã nghĩ đến ông ngay khi Leclerc sắp đồ bộ lên trên vi-tuyến 16, Cũng bởi lẽ ấy, mà đã có lúc già Hồ tính chuyện đưa Cố-vấn Vinh-Thụy ra lập chánh phủ để dễ bề nói chuyện với Pháp ; song vài tâm-phức của già lại e rằng nhân dịp này ông bắt tay với Pháp để lật đổ chánh-thề Dân-chủ Cộng-hoà, nên đã tìm cơ rời ông sang Trùng-Khánh để tiếp xúc với Tưởng-Giới-Thạch. Ông được cơ-hội thoát-ly, và trú ẩn tại Hồng-Kông. Nhưng cáo già Cousseau, cựu Giám-đốc Nha Chánh-trị, vẫn theo dõi hành-tung cùng thái-độ của ông. Một số người đã từng bôn ba ở Tàu, cho biết y còn kiếm cách lung lạc ông mà chưa được, bằng kể mỹ-nhân và bằng viện-trợ tài-chánh.

Tại VN, báo Thời-Sự của nhóm NXT và TTD ở Hà-Nội, là một trong những cơ-quan ngôn-luận đầu tiên đưa ra ý-kiến thỉnh Cựu-hoàng về nước lãnh

đạo các phong-trào quốc-gia chống Cộng và tranh đấu để thu hồi độc-lập với chủ-quyền. Đề-nghị này được chú-ý, gây nhiều cuộc bàn cãi giữa các đảng phái, nhưng xem chừng cũng đáp lại phần nào sự mong ước của nhiều giới đương tìm chưa ra một người dẫn đến lối thoát. Rồi nhiều cuộc biểu-tình khá lớn đã tiếp diễn, như ở Huế ngày 12-8-1947, ở Hà-Nội ngày 1-9-1947, và cả ở Saigon đề ủng hộ và yêu cầu Cựu-hoàng đứng ra cứu vãn thời-cuộc. Tuy-nhiên, mỗi hạng người chấp nhận « Giải-pháp Bảo-Đại » vì những lý-do riêng, nên vai trò của phế-đế cũng được quan-niệm theo nhiều ý-hướng khác nhau, và sự bất-đồng này khiến cho tình-thế càng thêm phức-tạp.

Một cựu Bộ Chính, 54 tuổi, con một cụ Nghè, đã cho biết quan-điểm của nhiều quan lại và thân hào cũ mà ông quen biết : Bây giờ có một Dân chủ, nên hễ bênh một ông đã trót làm vua, thì người ta cho là bảo hoàng và thủ cựu, Nhưng hử nghĩ mà xem : biết chọn ai bầu làm thủ lãnh ? Chọn ông quan Năm có Pháp-tịch thì kỳ quá ! Hay lại mời ông nhà Nho họ Trần ? ông ấy hiền lành quá, không quyền biến trong thời loạn, nên đã đề Cộng Sản thoán đoạt. Đảng phái thì đã bị tan rã vì VM rồi, các ông lãnh-tự có ai chịu ai đâu ? Trong nước này hiện không ai cao quý hơn « Ngài » để mọi người tín phụ C. « Ngài » đã là vua thì nay lại đứng đầu là lẽ tự nhiên, Vả chẳng « Ngài » đã tỏ ra sáng suốt, biết theo chánh sách Dân vi quý, như thế là có tinh-thần dân chủ. Giá thử cứ để Ngài tại vị từ 1945 thì dân ta đâu đến nổi lao đao thế này ? Ngài đã thoái vị chỉ vì ông Khâm Sai và mấy ông đồ gàn Tây học đánh lừa, vừa thấy mấy kẻ bắn súng hò hét đã hoảng hồn và đánh điện trình rằng tình-thế bị nguy ngập quá rồi, xin Ngài rút lui để tránh đồ máu. Tránh đồ máu, để bây giờ chiến tranh tàn phá. Nên nếu Ngài có lấy lại ngôi cũng là sự chính đáng....

— Đừng nói chuyện cái ngai vàng, muộn quá hoặc sớm quá !

Vì theo C, một luật sư trẻ, thì vấn đề trung hưng nhà Nguyễn chỉ gây sự hiểu lầm và chia rẽ người bảo hoàng với người ưa chuộng Dân-chủ, Vấn đề trọng yếu, là có nhân vật lãnh đạo, không cần chi danh hiệu vì đó là bề ngoài, chỉ cần xem có đủ điều kiện không ? Quá khứ, không đáng trách còn có điều đáng khen, là biết tiến thoái. Tân học, đã có kinh-nghiệm chánh-trị, mới ngoài ba mươi đương tuổi hoạt động. Ham chơi ? đời tư, thanh-niên khỏe kể gì chuyện đó ! Tóm lại được đấy. Duy còn một thắc mắc : nếu điều đình với Pháp, thì có chịu đòi cho được Độc lập không ? Chứ nếu lại để Pháp cho vào trông, nếu nhận tự trị hay độc lập giả hiệu thì chẳng bõ. Ở trường hợp đó, những người quốc gia kháng chiến sẽ không-chịu về, mà ngay các phần-tử ái quốc trong vùng này cũng không thể nào hợp tác. Ngoài ra còn sự khó khăn nữa là vấn đề thống-nhất. Vì nhiều nhân vật trong Nam không muốn một sự lãnh đạo chung, họ vẫn có chủ trương biệt lập...

Chủ trương này quả thiệt đã được D' Argenlieu khuyến khích theo đường lối chia để trị. Song ý niệm Nam kỳ quốc cũng đã bị nhiều người yêu nước bác bỏ ngay từ khi quân Pháp tới SaiGon. Một số chính khách đã muốn tách rời miền Nam để khỏi lâu ảnh hưởng Cộng Sản ở Trung và Bắc : Còn nếu các miền này thoát

ly được sự chi phối của VN, thì họ không thấy trở ngại gì đối với sự liên - kết ba Kỳ theo một chánh sách chung.

Chánh-sách đó, đối với giới này, là tranh đấu giành độc lập, nhưng đối với giới kia, lại là chống cộng, hợp tác thân thiện với Pháp để khỏi lo nạn Cộng-sản-hóa, và thừa nhận quyền-lợi ưu tiên của dân địa phương. Cựu hoàng được thiện cảm vì ông là thanh niên tân tiến, lại có nhiều mối dây thân thích, vì bà Nam-Phương là người miền Nam cũng như nhiều bà Hậu bà Phi triều Nguyễn. Song ông theo xu hướng nào ? và nếu suy tôn ông lên địa vị tối cao thì người miền Nam sẽ mất vai thủ lãnh. Nếu không thế nào khác, thì hãy tạm để ông ra đứng mũi chịu sào, rồi sau sẽ dàn xếp với ông về qui chế địa phương. Làm chánh trị, thì phải đi từng giai đoạn chứ ?

S. bảo tôi :

— Đó mới là thái độ của những người có ảnh hưởng vào dư luận. Nhưng còn một hạng khá đông thuộc nhiều tầng lớp, cũng muốn Bảo Đại hay một Bảo Đại thì đứng hơn, nghĩa là bất cứ ai làm nời việc mà người ta định ủy cho ông; họ không chú trọng đến quốc gia dân tộc hay chính nghĩa nào cả. Vì sao thì có trời hiểu. Họ muốn sống yên như họ đã từng sống, chế độ nào giữ trật tự cho khỏi trộm cướp, và không những nhiều đến đời tư của họ là được rồi. Chế độ thuộc địa cũng không sao ! Trong bao năm Pháp biết thừa tâm trạng ấy nên để tùy ý cho sống thế nào thì sống, miễn là đóng thuế và không chống đối. Pháp giải thích rằng chánh quyền mẫu quốc tôn trọng phong tục và văn hóa bản xứ. Những người kia không tin rằng có một chánh quyền VN nào đủ năng lực trị an hoặc chịu theo chánh sách "mặc kệ" không bắt họ đi lính thì cũng đem họ ra nhồi sọ hoặc bịt họ dốt bỏ nhiều thói quen... Họ không dám ngổ ý tiếc Pháp vì lo mắc tội. Trong bọn họ, cũng có những người học vấn khá cao cũng biết thẹn, chàng đến nỗi bỏ dở hay còng lưng theo Pháp : Họ không nắm đây để làm thuộc dân Pháp, nhưng chẳng hề tranh đấu cho nhóm nào cả. Vậy làm sao giải thích và hợp lý hoá sự có mặt của họ trong vùng chiếm đóng ? Nên họ cần một căn cứ để đứng vững, một lý do chống chế, một chánh quyền nào không phải là của Pháp nhưng không cấm gàn gửi Pháp, vì họ vẫn tin rằng người mình cần được Pháp giúp đỡ.

— Như thế, tức là chánh quyền tương lai, dù chưa biết ai lập, đã sẵn có hậu thuẫn tiềm tàng ?

— Có một phần nào. Nhưng hãy cứ để ý đến mọi thái độ và nghiệm xem hậu quả ra sao. Các yếu tố tâm lý vừa kể, chắc sẽ gây nên một tình trạng phức tạp mà Bảo Đại hay bất cứ ông nào định nhẩy ra cũng cần biết trước để liệu bề đối phó.

— Tôi nghĩ có thể nhận hai xu hướng chính của hai hạng người. Một hạng muốn có một chế độ quốc gia với chủ quyền và thống nhất, một hạng chỉ coi chế độ đó như chiếc khiên để chống đỡ búa diu dư luận rồi bên trong bắt tay với Pháp hoặc ngồi yên tọa hưởng...

Theo S. nếu ông Bảo-Đại về nhận việc nước, thì chánh-quyền của ông sẽ hay hoặc dở tùy cách dùng người: có thể hay, nhưng sẽ gặp khó-khăn với Pháp nếu dùng hạng thứ nhất; dở và nát, nếu chẳng may dùng hạng thứ hai.

S. đã nói thế, thì tôi lại phải tự hỏi không biết chính Cựu-hoàng thuộc hạng người nào?

oOo

Ngẫm lại, tôi nhớ đã nhiều lần trông thấy ông từ ngày ông còn nhỏ. Trên phim thời sự 1925, ông mới mười mấy tuổi, bận tang-phục trắng, chống gậy đưa cữu vua cha, bên cạnh Toàn-quyền Varenne rậm râu; khi đó, ông có khuôn mặt trái xoan như của một cô gái xinh xinh. Cách ít lâu, ông thụ lễ đăng-quang, miện ngọc, áo rồng, cầm hốt ngồi ngai, coi bộ cũng ngượng-ngượng, có lúc cau mày như khó chịu vì phải đóng trò? Rồi ông qua Pháp du học; ông lớn hơn, khỏe mạnh bảnh trai, ngoan ngoãn ngồi cạnh hai ông bà Charles, cựu Thống-Đốc già trông nom cho ông, và chắc hẳn sóc ông chu-đáo nên được ông để tặng bức ảnh: kính hiếu cha mẹ bên Pháp của tôi, À mes papa et maman de France. Tới 1930, ông học xong lớp chánh-trị Sciences Po., Pháp đưa ông về trị vì, với cả một chương-trình tiếp giá linh đình và tuần du Trung Bắc để nêu cao trở lại uy-tín hoàng-triều, theo một kế-hoạch dự trù tỉ-mỉ giữa chánh Mật-Thám Marty và toàn-quyền Pasquier.

Về tới Huế, «Ngự» bỏ hẳn lệ xụp lạy. Và trên đường đi Sông Cầu, thấy một ông lão quen thói bỏ nón phủ phục ở bờ đê, Ngự dạy một Án-Sát thay Ngự nâng lên và vái trả.

Được tin Ngự sắp ra Hà-Nội, nhiều thiếu-nữ bàn tán sôi nổi: không biết có ai được cử đi dâng hoa? nếu có thì phải bận áo gì? chắc phải là cô nào đẹp nhất. Ở mấy tiểu-thư muốn giành trước hân-hạnh này, nên bảo nhau đưa ra điều-kiện mới phải là con nhà quý phái

Chẳng nhớ có cô nào được vinh-dự kia không? chỉ biết chưa cậu nào được ngắm kỹ như Ngự. Hồi đó Ngự chưa quá mập, thân-thể cân đối, mặt còn nhẹ và tươi, ngồi xe hơi vẫy tay chào dân-chúng và cười rất có duyên: có nữ-sinh trường Đồng Khánh ví Ngự với tài-tử Ramon Novarro. Ngự. chít khăn lưới cha mặc áo gấm chần, phủ ngoài một áo choàng đen không tay; có lúc chính Ngự b ra, khẽ quay nên áo hơi xòe, khiến nhiều cô che miệng xuýt xoa hồi hộp: trời ơi, hay quá hay quá!

Nhưng chẳng bao lâu, Ngự cưới vợ mất. Phụ-nữ tranh nhau giật ảnh cô dâu xem thế nào: ứ hừ, gầy nhom, cầm choắt thế này, trông gì? — Thôi, chắc bị chài từ bên Pháp đây! — Chẳng đẹp đôi chút nào! vv... Trái lại các bạn tôi thấy bà Nam Phương rất tốt tướng, khuôn mặt và dáng người có đều về đẹp đoan-trang, nhất là khi gặp bà tại Hà-Nội.

Chẳng hay khi đó Ngự có biết rằng dân chúng có khá nhiều thiện-cảm, rằng nhiều thanh-niên chưa hiểu rõ tình-hình chánh-trị, đặt vào Ngự quá nhiều hy-vọng cải cách quốc-gia và canh tân cái triều-đình mục nát đã bị chê cười mấy chục năm rồi? Pháp hứa trả quyền, cho Viện Cơ-Mật cũ về vườn, và tiến cử một nội-các gồm những nhân-vật tương-đối trẻ và mới hơn, như Phạm-Quỳnh, Hồ Đắc Khải, Ngô-đình Diệm . . .

Nhưng rồi đâu lại vào đấy, quyền-hành vẫn ở trong tay Khâm-sứ, Toàn-quyền và Bộ-trưởng thuộc-địa, mặc dầu hiệp-ước 6-6-1884 còn rành rành từng chữ và được nhắc đi, in lại mấy lần, với những điều khoản tôn-trọng chủ-quyền An-Nam? Học-giả bác cò thông kim, áo gấm bài vàng, cũng khoanh tay bên bờ An-Cựu, chính-sự có gì đâu, sự nghiệp Nam-phong đành bỏ xó, còn những bài cò-vỏ hợp tác Pháp-Việt «Essais Franco. Annamites» không hề gây một tiếng vang. Khó bảo như họ Ngô họ Nguyễn, thì lập tức bị cách, lột cả mẽ đay, phú về đọc kinh hay đi buôn.

Chắc ông đã rõ chân-tình khai-hóa của nhà nước Bảo-hộ, nhưng biết tính sao? Nổi dậy đòi quyền thì ai phù trợ và ai hưởng-ứng? Dầu có thử, cũng chỉ thất bại như Vua Duy-Tân, đề bị đọa đày và mai một trên hòn đảo vắng. Cung An-Định chẳng qua là một chiếc lồng vàng son. Trong đám bồi bếp và công khanh, biết đâu chẳng bao nhiêu tai mắt của mật-thám Sogny mà ông ban Nam-tước?

Nhiều Vương-giả hay thi ân giáng phước còn bị phản-bội, thì những nhà vua như ông đâu có tội trung? Các phương-tiện để mua chút trung thành, đã bị tòa Khâm chiếm cả. Ông gia phong tam-đại, thì người ta vái tạ để ăn khao. Nhưng ông dùng bữa sáng với gà luộc, hay đánh vợt với ông Dương hoặc ông Bính chiều qua, thì người ta vội lên trình cụ lớn Graffeuil.

Nếu không may lâm vào cảnh ông, có lẽ cũng chẳng mấy ai làm được chi hơn là đem sinh-lực quá thừa mà ném lao bắt cá mập, đuổi bò rừng trong đêm khuya, săn cọp và các loài vật đẹp, thả hồn trong yên lặng của núi đồi Đa-Lat hay bên hồ Ban Mê Thuột. Ít ra, tại nơi khoáng-đãng, ông thoát không khí nặng nề của điện Cần-Chánh, và có ảo tưởng tự-do giữa những cảm thú không quen lừa dối.

Mười lăm năm thắm thoát qua. Tâm hồn ông chắc cũng đời nhiều như thân thể. Thiếu để khôi ngô 1930 đã thành một tráng niên trì trọng, ít nói ít cười, mặt đầy hơi trệ và lạnh lùng khó hiểu. Phải chăng ông quen âm thầm giữa cảnh tai vách mạch rừng và không muốn kẻ chung quanh bắt nổi ý Ông? Nên về sau này, tôi rất ngờ là nói khoác, khi nghe những ông chính-khách khoe rằng trong nhiều dịp yết kiến, họ đã được ông đem tâm-sự ra thổ lộ hàng giờ. Một người đã sống như ông khó lòng có bạn và chẳng dễ tin ai.

Sau khi Nhật đánh đổ Pháp, ông được mọi người nói đến khá nhiều, và giữa lúc không biết trông cậy vào ai, người ta đã hướng về ông. Song những người mà ông vờ giúp, đã không gây nổi cho ông một hậu thuần đặc lực. Tình trạng này dễ được lịch sử buông tha, nếu xét sự thiếu sót kinh nghiệm tranh đấu của các

nhân-vật hữu trách, và nếu nhớ lại những trở-lực lớn lao về phía quân đội Phù-Tang.

Chợt khi xứ sở bị những bàn tay nhu nhược bỏ ngỏ cho những trào lưu cuồng nhiệt, một số người bị áp đảo tinh thần vội hối thúc ông rời một ngôi vua không lấy gì làm quý báu, để nhường một chính quyền mà ông chưa từng nắm giữ. Người ta đoạt một thanh kiếm chưa dám chém ai, và một chiếc ấn chỉ có giá trị của một cổ vật trong viện bảo tàng Khải Định. Như thế hà tất nhận sự cứu viện của một quân lực đã lừa ông và chặn đường ông : Nhật Bản không hơn gì Đại Pháp. Và nán lại làm chi khi chẳng còn ai tỏ ý thiết ông ?

Lỗi mà người ta muốn gán cho ông nhưng chưa biết nói ra, có lẽ chỉ là sự đại diện cho một dòng họ và những triều vua đã đề cho nước mất, hoặc sự tượng trưng cho một thời ngoại thuộc mà chính ông là đệ-nhất nạn-nhân : tình cảnh đó, đáng lẽ phải có một Văn Thiên Tường diễn tả bằng một bài bài thơ bi đát. Nhưng thôi, bài chiếu thoái vị của ông, dù chính ông hay nhà Nho nào soạn thảo, cũng đủ lâm li trong lúc bấy giờ. Ông tiếc công nghiệp của các tiên hoàng, ông than nỗi nhân nhục của người giữ hư vị, ông mong làm dân độc lập hơn làm vua nô lệ. Ông ra đi để tránh cuộc đồ máu vô ích.

— Ông ấy hà tiện quá, máu của dân mình rồi sẽ phải đổ nhiều như nước sông Nhị Hà. Và ông lo xa quá, chứ giá có muốn đồ khi đó, chưa chắc có đũa nào chịu đồ cho ông.

S. nói toạc câu đó với một giọng lạnh người, mà tôi thấy tàn nhẫn quá. Nhưng S. vẫn trách tôi là một tâm hồn nhút nhát, cứ e ngại hoài những sự thật trắng trợn.

Dù sao, chung quanh tôi, tháng 9-1945, có khá nhiều người thật tình mến ông. Già Hồ, — và chỉ có già mới thấy, — rằng sự truất-phế ông có tính-cách quá sỗ-sàng, nên không khỏi xúc động nhân tâm mà chính già đương cần trấn-tĩnh. Bởi thế, già vội cứu vãn, bằng cách mời Phế-đế lãnh chức Cố-vấn tối-cao, và theo giới thân-cận của già, thì già đã hết sức an-ủi Cố, với tất cả ba tấc lưỡi khôn ngoan : chẳng qua là thời-cuộc bắt như vậy, tình-hình quốc-tể đòi sự đổi thay, Cố đã trót mang tiếng người của Pháp của Nhật, thì sự tồn-tại của Cố ở ngôi sẽ khiến cho sự thừa-nhận độc-lập gặp khó-khẩn về phía các cường-quốc ; Còn giữa già với Cố, cảm-tình nồng-hậu vốn sẵn từ lâu; rồi mai đây tình-thế được bình-thường, thì chẳng có chi ngăn cản Cố trở ra chấp chánh, già đâu có tham quyền, nước độc-lập rồi, già chỉ mong về vườn trồng rau nuôi ngồng v.v..

Tuy mặt lạnh như tiền, Cố nghe già cũng phải làm tươi, tươi cho đúng lúc và cho đúng chỗ. Già cao tay chính-trị, thì Cố cũng là cây bài Bridge khó lường. Hề Cố đến Phủ Bắc-bộ hoặc ngồi cạnh già, là Cố biết nở nụ cười duyên. Coi chừng đấy, mắt già sắc như dao bồ cau, và chẳng nét nào của Cố hay của ai đứng gần thoát khỏi vài ba cái liếc chớp loáng. Có bạn ở Bộ Ngoại-Giao, tôi đứng sau lưng mà già còn biết và hỏi tôi sao cứ nép ở « hậu-phương » ?

Già đề Cố cư trú tại dinh Đốc-Lý cũ đường Carreau. Cơm nước của Cố, thì một phú-thương được phép cung đốn. Cố đi lại tự-do, thỉnh-thoảng lái lấy chiếc xe sơn trắng buồng mui ra sân quần vợt hay rong chơi hóng mát; tháng 12 Ất-Dậu, Cố nghỉ mát tận bãi biển Sầm-Sơn. Cố rất thức-thời, có khi sơ-mi cộc tay, bốt cao, vô-trang như một thanh niên Tự-Vệ, có dây dù đeo súng từ thắt lưng xuống túi quần. Có hôm Cố dừng xe bên hè Hàng Gai, mua bao thuốc lá và trả bạc không lấy lại tiền dư, còn ban cho một nụ cười dân-chủ. Về bên-lên của cô bác thuốc và cái nhìn theo hút khi Cố rời chân, nói lên cho tôi chút cảm-tình lơ-mơ và cái thái-độ không biết thế nào cho phải, của khá nhiều người hồi đó.

Họ thấy rất khó xử đối với Cố. Cố đã thành công-dân Vinh-Thụy : người ta tự nhủ như vậy đề nén bớt cái gì nao-nao khi đứng trước mặt Cố. Nhưng người ta vẫn không quên được rằng mới đây, Cố đã làm vua, nghĩa là vẫn có cái chi khác thường tuy khó nói ra. Vua bù-nhìn, ra quái gì ! Người ta muốn hạ thấp Cố để vượt khỏi mặc-cảm mà người ta thấy nặng nề. Song xem chừng người ta chưa trốn thoát cái vang bóng phảng phất trên Cố của bốn thế-kỷ uy-quyền. Chứng-cớ nữa, là mấy người thân-cận Già đã hỏi nhau : nên gọi hấn thế nào nhỉ ? — Thì gọi là đồng-chí Vinh-Thụy ! — Nghe giả-tạo lắm ! — Anh Vinh-Thụy, thì cũng phiền cho hấn. — Thôi, cứ kêu là Cố-Vấn cho đỡ tủi !...

Cho Cố đỡ tủi, hay cho người khác tránh được tiếng Ngài tiếng Ông mà người ta không dám dùng, tuy biết rằng không thể coi Cố như mọi kẻ khác. Sự lúng-túng này cắt nghĩa phần nào vẻ hài lòng của một số nhân-vật khi được tin Cố rời VN sang Trung-Khánh : thôi, thế càng nhẹ mình, đỡ phải chạm trán với Cố để chịu đựng một sự ngượng-ngịu khó tả, vô-lý nhưng hiển-nhiên.

Có đúng hay không, thưa cụ B ? Hôm ấy, phiên họp Hội-Đồng Nội-Các tại Phủ Bắc-bộ, cụ được triệu tới hỏi việc gì. Cụ lò dò đến cửa sau, chợt cụ dừng lại và một người khác cũng dừng lại : Cố-vấn Vinh-Thụy. Tay trái cụ hơi run run... Cố rất thản-nhiên. Hai người nhìn nhau, đứng yên trong giây lát. Cố gật đầu chào tuy cụ chưa chào. Rồi Cố rảo bước đi ra. Cụ ngẩn người, liếc mắt nhanh, chắc đề xem có ai trông thấy, chắp tay vái với một cái sau lưng Cố, rồi mới lững-thững lên lầu châu Già.

Tất cả cảnh này đã vụt hiện ra trong vài chớp mắt, kể lại thì hình như lâu đấy thôi. Tại sao cụ như thế ? Sự ngập-ngừng của cụ cũng tỏ rõ nỗi khó xử đối với Cố, nhất là ở một người như cụ. Cách đây không lâu, Cố là đức « Kim-Thượng » cụ là « Thầy Thượng-Thơ ». Nay Vua tôi cùng thất thế, và ai cùng đưa tới chốn này ? Hỏi han nhau, « nó » thấy tất sinh nghi. Nói gì, và biết xưng hô ra sao ? Vua đã mất ngôi, còn tôi thì theo phận « hàng-thần lơ láo ». Chỉ nhìn qua cũng cảm được khờ-tâm của cụ.

Nhưng cụ có biết đâu : khờ nhất, lại là kẻ không may chứng kiến một cử-chỉ và một thái-độ trong một màn kịch chua chát không ngờ...

B. T.

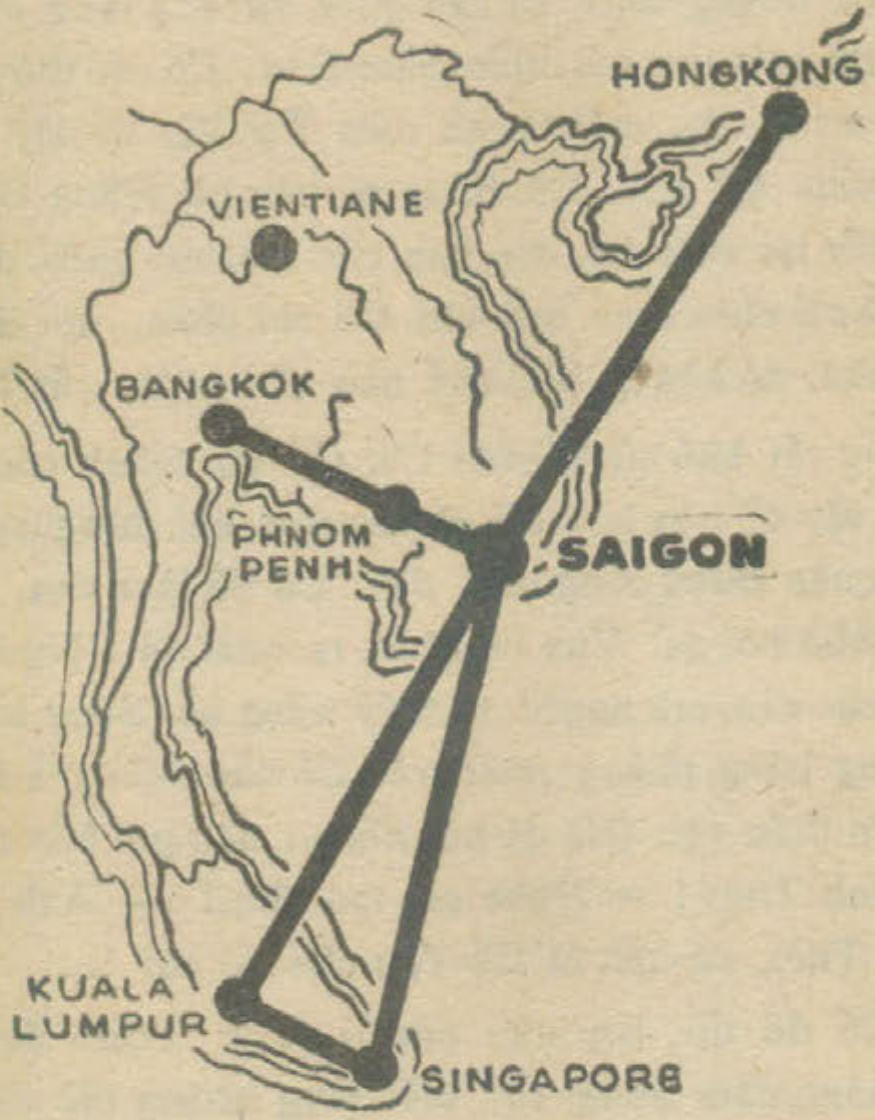
TRONG ĐÔNG-NAM Á

V
i
ệ
t

N
a
m

H
à
n
g

K
h
ô
n
g



A
I
R

V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng *Caravelle*
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỂ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÀN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116, NGUYEN-HUE, SAIGON. 21.624-625-bch

JOSUE DE CASTRO

TRẦN-TRIỆU-LUẬT dịch

CHÂU MỸ LA-TINH trên đường phát triển

Trong khi người ta nói rất nhiều đến vấn đề dân-chủ-hóa và kỹ-nghệ-hóa một xã hội chậm tiến, bài diễn văn sau đây của Josuê de Castro, văn hào Ba-tây, tại Đại hội Thanh niên Thế giới (W.A.Y) lần thứ năm, đáng cho ta chú ý và suy ngẫm nên chúng tôi phóng dịch cho đăng như tài-liệu tham góp về nhận-thức chính-trị căn-bản của những người Châu Mỹ La tinh cùng trong một cảnh ngộ.

T.T.L.

Toàn thể nhân loại có thể sống còn hay không, đó là một mối lo âu lớn nhất của chúng ta trong cuộc khủng hoảng hiện thời. Trong quá khứ, chúng ta đã sống qua những cuộc khủng hoảng lớn lao đưa đến sự hy sinh rất nhiều giá trị thuộc đời sống, như cá nhân, nhân phẩm, trí thông minh, tự do, nhưng chưa bao giờ chúng ta lo ngại bị tiêu diệt toàn thể như lúc này đây. Lần đầu tiên trong lịch sử thế giới, chúng ta phải đương đầu với nỗi hiểm nguy nhân loại mất dạng, khiến hành tinh chúng ta đang sống trở thành thứ hành tinh tro bụi hoang vắng, không người. Chính sức mạnh của khối óc con người, sức mạnh của kỹ thuật, sức mạnh của khoa học đã giải thoát cho sức mạnh khủng khiếp là năng lực nguyên tử để, sau hàng triệu năm dài dấu kín trong chiều sâu bản thể, nguyên tử được khai sinh và ngày nay,

mang lại cho chúng ta những khả năng kỳ lạ nhất về một tương lai sung túc và hạnh phúc, nhưng cũng đồng thời mang lại cho chúng ta mối đe dọa thâm hiểm của sự tận diệt loài người. Đó là lý do tại sao chúng ta phải cố gắng tìm cho được một giải pháp khả dĩ cho phép ta thoát khỏi giờ phút khó khăn này. Tôi hướng về các bạn thanh niên mà đề cập đến giải pháp này bởi chính các bạn, những người trẻ, những người mà tôi cho là thuộc thế hệ nguyên tử, có thể có khả năng vượt khỏi thực tại tiền-nguyên-tử trong khi chúng tôi và các bậc đàn anh các bạn có lẽ vẫn chưa biết phải làm sao mà vượt qua. Chính các bạn là người sẽ sáng tạo ra thế giới cho nhân loại được sống còn. Và đó là nguyên do khiến cho nhiệm vụ và trọng trách của thế hệ hiện tại, thế hệ nguyên tử, lớn lao hơn trách nhiệm

của tất cả các thể hệ đã sống qua trên mặt địa cầu này.

Thế-hệ nguyên-tử

Chúng ta đang thật sự sống trong một thời kỳ lịch sử khiến chúng ta luôn luôn linh cảm là xung quanh chúng ta đang nẩy mầm, sinh thành và hiển hiện một ý thức chính trị mới cho thế giới. Bởi ở kỷ nguyên hạch nhân này, ý thức của thế giới sẽ thay đổi và phải thay đổi vì trái bom nguyên tử không phải là thứ vũ khí như trăm ngàn thứ vũ khí khác. Xưa kia ta luôn luôn có thứ vũ khí tự vệ để chống lại các thứ vũ khí đó bởi chúng chỉ là thứ vũ khí tấn công tương đối. Còn ngày nay thì bom nguyên tử là vũ khí tuyệt đối, bởi không có thứ vũ khí nào chống lại chúng được. Như chúng ta được biết là hiện nay thế giới có tất cả 40.000 trái bom nguyên-tử, mà chỉ với 4.000 trái, nghĩa là một phần mười số bom tổng cộng, cũng đủ tàn phá thế giới. Cho nên, chúng ta phải ý thức cho trọn vẹn là không còn có thể tự vệ chống lại một trận chiến tranh nguyên tử nữa. Chúng ta sẽ chết, không phải chỉ riêng chúng ta, mà là toàn thể nhân loại. Và tôi nói với các bạn trước tiên về điều đó cũng chỉ là để đưa tới vấn đề chúng ta tranh luận hôm nay : vấn đề khảo sát về Châu Mỹ la-tinh. Thật vậy, Châu Mỹ la-tinh, theo ý riêng tôi, chính là một trong những miền đất rộng có áp lực làm nổ tung thế giới. Khoảng cách lớn lao và chiều sâu không đáy ngăn cách thế giới thành 2 phần của nó với những hiểm nguy của sự thiếu hiểu biết cùng với những khủng hoảng từ đó gây ra là khoảng cách kinh tế ngăn cách thế giới đã phát triển, đã kỹ nghệ hoá và đang giàu có với thế giới của khổ cực và đói ăn. Thế

mà, điều quan hệ không phải là sự sinh tồn cho thế giới thứ ba, cho phần thế giới kém phát triển bao gồm 2/3 dân số con người đang thiếu ăn ; điều quan hệ không phải là sự ý thức của phần thế-giới đó về những bất bình đẳng xã hội và những bất công kinh tế họ đang phải chịu. Chính ý thức đó kích động sự phản nộ cho thế giới kém phát triển đang đói ăn. Cho nên có một phần ba không có gì ăn cho khỏi đói trong khi những phần kia no ăn nhưng mất ngủ vì những kẻ đói nổi loạn.

Phải chăng có một Châu Mỹ La tinh ? Về phương diện địa lý thì không. Có rất nhiều Châu Mỹ La tinh : Châu Mỹ La tinh Trung ương, Châu Mỹ La tinh miền Nam và quần đảo Caraïbes. Vậy thì có nhiều Châu Mỹ La tinh và mỗi Châu lại là tập hợp những miền địa-lý thiên nhiên vô cùng khác biệt.

Phải chăng có một Châu Mỹ La tinh về phương diện kinh tế ?

Theo ý riêng tôi, cũng chẳng có nữa vì tình trạng kinh tế còn tồi tệ hơn. Nếu về phương diện địa lý, Châu Mỹ La tinh là một lục địa, thì về phương diện kinh tế nó chỉ là một quần đảo kết hợp những đảo nhỏ cô lập.

Sự thống nhất của Châu Mỹ La tinh chỉ nằm trên bình diện xã hội. Nó được vang danh cũng chỉ nhờ ở sự khám phá và chinh phục được nó cách đây bốn thế kỷ do những người Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha thấy được nó như địa đầu cho cuộc viễn chinh cuối cùng và chiến trường cho cuộc tranh thương đầu tiên.

Trong ách phong-kiến

Trong một cuốn sách mới phát hành cách đây vài tháng, tôi đã nói về quê

hương Ba tây của tôi như sau : « Ba-tây đã hai lần được khám phá : lần đầu do người Bồ-Đào-Nha vào năm 1.500 và lần sau, vào năm 1960 do những người Bắc Mỹ. Mà lần nào cũng là vì sai lầm. Lần đầu vì lầm lẫn địa lý và lần sau vì lầm lẫn về xã-hội-học». Bởi chính do nỗi sợ hãi Cộng-Sản mà người Hoa Kỳ đã khám phá ra Đông-bắc Ba-Tây, vì ở đó không có Cộng-Sản. Còn người Bồ-đào-nha đã khám phá ra Ba-tây thì vì lầm lẫn phương hướng khi đưa tàu tìm đường vòng quanh Phi Châu. Dù lầm lẫn như thế nào, thì ở lúc khám phá, họ cũng chỉ là những nhà phong kiến. Và họ đã đem vào Châu Mỹ chế độ phong kiến.

Họ tới, như chúng ta đều thấy, với thập giá trong tay và tay bên kia, thanh gươm. Như họ dùng gươm tãi hơn dùng thập-giá. Và đó là lý do tại sao Sur-huynh Bartolomeo de las Casas, một tín đồ Thiên-Chúa thuần thành, đã nói vào một hôm nào đó với những kẻ mạo hiểm Tây-ban-nha : « Cái thập giá mà các anh mang, có thật là thập giá Chúa đã đóng đinh không ? hay chỉ là một trong hai chiếc thập giá đóng đinh hai tên cướp bên Chúa ? » Vì thật sự, đó chỉ là quá trình thuộc-địa-hóa. Và nói gọn hơn, đó là hành động cướp đoạt. Và đó cũng là lý-do tại sao mà 4 thế kỷ sau, Châu Mỹ Ia-tinh vẫn còn là miếng đất bị cướp đoạt, bị khổ cực và đói ăn, là một trong những vùng đất mà sinh hoạt xã hội khẩn trương, luôn luôn có những cuộc cách mạng đủ kiểu, đủ loại từ cực hữu đến cực tả, đe dọa và do thế tình trạng bất ổn liên tục đe dọa vì cho tới nay, nó vẫn chưa có thể tìm ra con đường phát triển cho nó. Châu Mỹ La tinh cho tới nay vẫn còn là một trong những miền lớn trên thế giới thuộc vào vùng mà tôi gọi là vùng địa lý đói ăn, thứ vùng địa lý đầy bi thảm và nghịch lý, vì ở đó đất không

đề nuôi người, mà chính người sinh ra không có gì để nuôi đất. Chúng tôi có sinh xuất cao nhất thế giới. Hệ-số đó cho biết độ tăng nhân số mỗi năm vào khoảng chừng 3%, và đó là một kỷ lục. Nhưng những đứa trẻ sinh ra không phải để sống; chúng sinh ra để chết. Vì trước khi được đầy năm, đã có một phần ba mệnh yếu và trong một vài miền, con số không phải là một phần ba mà là một nửa. Đó là những người sinh ra không phải để làm đông đúc mặt đất mà chính để thêm chật chội thiên đường. Những người đó bước vào thế giới không được sửa soạn để sống vì họ đã mang trong người mầm di truyền của đói khát và khổ-cực sự khổ cực, đói khát đã thành tạng người. Đó là đồ biểu về vùng địa-lý đói ăn mà lục-địa Châu Mỹ La tinh được xếp vào hàng đặc trưng xứng đáng.

Tại sao Châu Mỹ La Tinh không tiến bộ ? Chúng tôi có những vùng đất rộng có thể nuôi sống một dân số năm hoặc mười lần đông hơn dân-số hiện tại đang bị đói ăn. Tại sao ? Chỉ bởi vì Châu Mỹ La tinh cho đến nay vẫn còn là một thuộc địa. Chính chủ nghĩa thực dân, sự khai thác thuộc địa theo kiểu mẫu phong kiến mà chúng tôi đã chịu và hãy còn chịu là nguyên cơ cho sự chậm trễ này, là lý do trước mắt về tình cảnh khổ cực và đói ăn, và nói cho gọn, là nguyên nhân cho hiện trạng kém mở mang của Châu Mỹ La tinh. Điều đó không khó khăn để chứng minh. Chúng ta đã thấy là sau khi khám phá được, người ta đã chia xẻ Châu Mỹ La tinh thành những vùng đất lớn thuộc quyền sở hữu của những đại điền chủ, nghĩa là những nhà quyền quý Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha.

Ngày nay ta thấy được ở Châu Mỹ-La tinh những dữ-kiện sau : Ở Vénézué

la 3%, dân số có 90%. đất đai tuy ở Vénézuéla đã có nhiều cuộc cải cách ruộng đất. Ở Ba-tây, 21. dân số có hơn 50% đất đai. Có những tư-hữu ở Ba-tây rộng lớn hơn những tư-hữu tại các quốc gia Trung Mỹ và Âu-Châu, những tư hữu rộng chừng một triệu hectares.

Chính cơ-cấu phong-kiến, cò hủ là nguyên nhân của tình trạng chậm tiến tại Châu Mỹ La tinh trong khi chế độ cò hủ đó hãy còn tồn tại. Điều mà người ta gọi là chủ nghĩa nhị nguyên xã hội của Châu Mỹ La tinh chỉ là sự hiện diện phi lý của hai cơ cấu trùng hợp nhưng không đồng nhất: một cơ cấu thành thị, đã kỹ-nghệ-hóa và giàu sang bao gồm những nhóm được ưu đãi vẫn hùn vốn với tư bản quốc tế và một cơ cấu là quảng đại quần chúng *chỉ biết sống ngoài rìa*. Nhưng trầm trọng hơn vẫn là sự kiện quần chúng nhân dân Châu Mỹ La tinh không bao giờ nắm giữ được chìa khóa guồng máy kinh tế quốc gia, mà chỉ được tham dự vào đời sống chính trị. Vậy thì về phương diện chính trị, họ có mặt, còn về phương diện kinh tế họ vắng mặt. Họ phản đối điều đó đó là ý nghĩa sự phản kháng tại Châu Mỹ La tinh. Đó cũng là lý do tại sao, nếu những cuộc bầu cử được tổ chức lương thiện, thì mọi chính phủ đều bị lật đổ, đều phải nhào xuống đường.

Dân-chủ trùu tượng.

Dân chủ tại Châu Mỹ La tinh mang ý nghĩa gì? Dân chủ là nguyên tắc quyền hành thuộc về đa số. Thế mà hầu như trong mọi quốc gia tại Châu Mỹ La tinh, đa số đều mù chữ. Vì thế họ không biết bỏ phiếu, họ không có quyền hành gì mà họ cũng chẳng để ý gì đến cả; chính phủ chỉ được bầu do một thiểu số định đoạt do chế độ phong kiến, do những

kẻ độc quyền đất đai, luôn luôn điều khiển chính phủ và quốc hội khiến họ chỉ còn biết tranh đấu bảo vệ hiện-trạng. Họ không muốn thay đổi dầu rằng thanh niên, trí thức và quần chúng vẫn mong muốn thay đổi.

Người ta phải cố gắng để thay đổi hiện trạng? Đúng thế, nhưng có rất nhiều thiện chí mà chẳng có gì hơn. Liên-minh đề Tiến-bộ là một dự định để thấu góp mọi cố gắng muốn phát triển Châu Mỹ La tinh. Trong phần mở đầu cho Hiến-chương của Liên-minh đề Tiến-bộ, có những điều rất đáng chú ý, rất giá trị và rất xác đáng. Người ta đã tuyên cáo thật rõ ràng là không có gì khiến Châu Mỹ La tinh phát triển được nếu không thực hiện những cải tổ về cơ cấu thiết yếu làm cho miền đất này tăng thêm năng xuất sản xuất. Liên minh đề Tiến bộ vạch rõ đòi hỏi cải cách ruộng đất. Nhưng người ta đã thực hiện những cải cách đó chưa? Chưa. Tại sao? Vì những quốc gia khởi sự những cải cách này đã bị ngộ nhận quá đáng. Họ không có được một hỗ trợ nào của những thế lực cường quốc bởi những cải cách này thường bị xem như mang màu sắc Cộng Sản hoặc thiên Cộng. Ở Ba-Tây, người ta không nói tới cải cách ruộng đất để khỏi bị buộc tội là Cộng sản: nỗi sợ hãi Cộng sản sao lớn quá chừng?!

Thế giới hiện nay đeo hai đặc điểm lớn: đói khát và sợ hãi. Chính sợ hãi khiến ta không suy nghĩ được sáng suốt. Những thế lực lớn lao tự chúng tỏ bất lực trước những vấn đề căn bản của thế giới. Ngày nay theo ý riêng tôi, Hoa Kỳ chú tâm thành thực tới sự quân bình kinh tế tại Châu Mỹ La tinh vì họ cảm thấy Châu Mỹ La tinh nay đang là mối

hiềm nguy bùng nổ lúc nào không biết. Vì vậy, họ muốn hợp tác với Châu Mỹ La tinh và trong mục đích này, họ đã tạo ra Liên-minh để Tiến-bộ chẳng đem lại thành quả gì đáng gọi là tích cực. Tại sao? Bởi sau cuộc cách mạng Cuba, Hoa Kỳ tạo nên Liên minh để Tiến bộ chỉ vì sợ cả Mỹ Châu bị Cộng-sản hóa. Để tránh điều đó, phải gửi tiền tới Châu Mỹ La tinh. Nhưng cho ai tiền bây giờ? Cho chính phủ chẳng? Chúng ta đã biết là chính phủ chẳng đại diện gì cho dân nên họ chẳng đề cập chi đến những cải cách cốt yếu. Phải trao tiền cho những người lãnh đạo, những người có thể quản trị số tiền này một cách lương thiện. Phải tổ chức lại, thay đổi lại tư cách đại diện dân chúng đã vắng thiếu tại Châu Mỹ La Tinh đã hơn 4 thế kỷ nay. Đã 4 thế kỷ nay không có dân chúng Châu Mỹ La Tinh hiểu như một thực thể chính trị. Dân chúng, là một sự trừu tượng, và dân chủ lại là một sự trừu tượng khác nữa.

Dân chủ là chế độ của nhân dân. Hai trừu tượng pháp lý không có thể hiện-thể thực thụ. Vậy, trước nhất, phải tranh đấu để đem lại cho chúng một nội dung cụ thể. Phải cải cách, nhưng không phải là bất cứ cải cách nào.

Ba-tây đã trải qua trong khoảng những năm 1950 và 1960 một cuộc phát triển kỹ nghệ bốn lần lớn hơn cuộc phát triển tại Hoa Kỳ.

Đó là công cuộc kỹ-nghệ-hóa quan trọng nhất trong thế giới Tây phương; vì thế đứng thứ nhì trên hoàn cầu (sau công cuộc kỹ-nghệ-hóa đã được thực hiện tại Trung-Hoa). Tuy thế, Ba-Tây vẫn gánh chịu một cuộc khủng hoảng chính trị, kinh tế và xã hội. Tại

sao? Vì công cuộc kỹ-nghệ-hóa này giả tạo. Người ta không thể thực hiện một cuộc kỹ-nghệ-hóa mà không thay đổi cơ cấu nông nghiệp để làm căn bản vững chắc. Nếu bạn không có được nền nông nghiệp vững vàng với năng suất sản xuất cao, bạn sẽ không có những nguyên liệu để kỹ-nghệ-hóa, bạn cũng sẽ không có những thực phẩm cần thiết để nuôi sống thợ thuyền trong xí-nghiệp. Thực phẩm quá đắt đỏ, khiến chúng ta chỉ còn hai chọn lựa: để cho thợ chết đói và ngưng làm việc hoặc trả lương hậu cho thợ sống và vì thế, giết chết xí-nghiệp. Vậy chỉ còn hoặc giết kỹ-nghệ hoặc giết thợ. Mặt khác, bạn không thể có một kỹ-nghệ vững vàng, và đây là trường hợp những xứ tại Châu-Mỹ La-tinh, có từ 60 đến 80% dân chúng sống nhờ những nông phẩm trong tình-trạng kinh-tế thô-sơ, những người này không có mĩ-lực, và vì vậy, không có ở đây thị-trường cho kỹ-nghệ.

Như thế người ta không có thực phẩm để nuôi sống thợ, không có nguyên-liệu để kỹ-nghệ-hóa, và cũng không có thị-trường để tiêu-thụ những sản-phẩm của kỹ-nghệ. Vậy thì người ta có cái quái gì? Thừa, chỉ có cái vỏ ngoài. Và đó là trường hợp Ba-tây. Trong nước tôi, có tới 12 thương-cục xe hơi khác nhau; cũng có những kỹ-nghệ nặng, và có tất cả, ngoại trừ thực-phẩm nuôi sống dân chúng. Sự thực là phải làm lại từ đầu và vì lý do đó, phải nghĩ lại từ đầu những vấn đề của Châu-Mỹ La-tinh. Phải thực hiện cho được một cuộc đối-thoại giữ Châu-Mỹ La-tinh với phần thế-giới còn lại. Nhưng đau đớn thay, những thế lực đại-cường lại không còn hiểu được ý nghĩa đó của Châu-Mỹ La-Tinh trong thế-giới ngày nay nữa. Vì về phương diện

chiến lược và tâm lý, chúng ta đang là một trong địa-đầu nguy hiểm nhất trên thế giới. Hoa-Kỳ đã khám phá ra Châu Mỹ La-Tinh và đặc biệt, nước Ba-tây chúng tôi, như tôi đã nói, là vào năm 1960. Họ vô cùng ngạc nhiên, sửng sốt và sợ hãi khi khám phá ra là sau hàng rào tự vệ của thuyết Monroe, còn có một ò xã hội khuấy động, đó là miền đông bắc Ba-tây với « Liên đoàn nông dân » vẫn nổi danh nhiều sức mạnh uy hiếp. Và do vậy người ta la lớn Cộng sản, nhưng sự thực ở đó cũng như ở những nơi khác, những sản phẩm căn bản và những nguyên liệu, các thể lực kỹ-nghệ lớn thường tiêu thụ, vẫn được trả giá không bao giờ ngang bằng với giá những sản phẩm kỹ nghệ. Cho nên chính Châu Mỹ La tinh xuất cảng nhiều hơn là nhập cảng.

Cái điều có thể cứu vãn chúng ta và cả những người Châu Mỹ La Tinh khác, lại chính là sự lười biếng. Chúng ta sung sướng được bỏ việc làm. Chúng ta tăng gấp đôi mức sản xuất những sản phẩm căn bản và những nguyên-liệu trong những năm 1950 và 1960. Vì chúng ta đã tăng gấp đôi mức sản xuất, nên chúng ta nhận được ít đi đến một phần ba số đô la. Nếu chúng ta tăng được gấp ba mức sản xuất, thì chúng ta sẽ chỉ còn nhận được có một nửa. Và nếu chúng ta tăng được gấp bốn, thì chúng ta chẳng còn nhận được gì nữa. Tại sao? Vì các thể lực đại cường sẽ nói là thị-trường đã đầy ứ. Châu-Mỹ La-tinh không muốn được giúp đỡ nữa. Nó muốn được trọng nề, trọng nề về phương diện kinh tế và trọng nề cả về phương diện chính trị.

Nghèo và giàu

Vấn đề lớn của Châu Mỹ La tinh vẫn là vấn đề vận động một cuộc phát triển đích thực. Chúng ta đã biết công cuộc phát triển kiểu-mẫu thuộc địa chỉ làm cho một nhóm nhỏ dân chúng trở nên giàu có hơn khiến số đông quần chúng chỉ còn có biết sống ngoài rìa xã hội.

Có-Quốc-gia tại Châu Mỹ La tinh có lợi tức trung bình hàng năm ngang hàng với Pháp: đó là Vénézuéla. Nhưng Vénézuéla lại chẳng có được cùng mức sống với nước Pháp. Tại sao vậy? Vì tại Pháp lợi tức được chia đều. Sự giàu có trong một xứ chẳng biểu thị được bằng mức lợi tức trung bình. Lợi tức trung bình chỉ là một cái chi trừu tượng như « dân chủ » và « dân tộc ». Nó chẳng có nghĩa gì. Cái có nghĩa phải là sự phân chia của cái, và cái đó mới mang lại lợi tức thực thụ cho mọi giai-tầng dân chúng.

Tại Châu-Mỹ La-tinh, chỉ có hai giai tầng: những người khốn khó và những người giàu sang. Không có giai cấp trung-lưu. Và điều đó gây sự vắng thiếu những cơ-cấu thích-dáng tại Châu Mỹ La-tinh.

Và đó là vấn-đề phát-triển đích thực.

Nhưng đau đớn thay những thể lực đại cường lại thắng lợi trên một mặt trận khác. Để phát triển thế giới, phải có tư bản nhưng những tư bản đó lại không dùng để phát triển mà lại để phung phí trong việc trang bị vũ-khí. Trong khi thế giới tiêu 140 tỷ đô-la hàng năm để trang bị vũ khí, thì để giúp thế giới kém phát triển, đã chỉ dùng 7 tỷ, nghĩa là chỉ có 5% những chi phí cho công cuộc quốc phòng. Thật là điên rồ!

Thật là vô ích! Cho nên chúng ta phải tranh đấu để gắn liền hai vấn đề, vấn đề phát triển và vấn đề giải trừ vũ trang. Người ta chỉ cần phát triển bằng giải trừ vũ trang. Người ta chỉ cần chấm dứt nạn đói bằng cách chấm dứt chiến tranh. Khi thế giới còn đói khát, chiến tranh còn hoành hành. Và khi người ta còn sợ chiến tranh, người ta còn chịu đói.

Phải khởi đầu những cải cách tại Châu Mỹ La tinh. Dưới chế độ hiện thời, với những cơ cấu hiện thời, với những vũ lực hiện thời, Châu Mỹ La tinh sẽ chẳng thay đổi gì nhiều trong 20 năm nữa. Nhưng nếu chúng ta đề ý tới những sức mạnh nhân dân, những sức mạnh cách mạng làm say sưa Châu Mỹ La tinh trong khát vọng tiến bộ và giải phóng thì, như các bạn sẽ thấy, và đó là điều tôi chắc chắn, chính nhờ thế người ta sẽ vượt qua mức 2,5% năng suất phát triển, mức năng suất chưa từng thấy trong lịch sử con người. Liên-hiệp-quốc vẫn muốn trong kế hoạch phát triển là toàn thể thế giới sẽ phát triển với nhịp 5% mỗi năm, điều đó có nghĩa là 80 đô-la cho thế giới giàu và 8 đô-la cho thế giới kém phát triển — hố ngăn cách thế giới sẽ vì đó càng ngày càng lớn thêm. Theo nhịp độ đó chỉ trong 20 năm nữa, chúng ta sẽ hoa mắt. Trong 20 năm nữa, Hoa Kỳ sẽ xa cách

Châu Mỹ La tinh nhiều hơn là mặt trăng; mà vào lúc đó, có lẽ họ đã lên tới mặt trăng, nhưng tới ngày đó, họ vẫn chưa ý thức tới Châu Mỹ La tinh.

Phải thay đổi ý thức đó. Trước nhất là người Mỹ phải hiểu là Châu Mỹ La tinh không phải chỉ gồm những bọn Cộng sản và những bọn sách động gây rối và người Châu Mỹ La tinh phải hiểu rằng toàn thể dân Hoa-Kỳ không phải là những dân cướp đoạt, chỉ biết lợi dụng sức lao động, nỗi đói khát và sản phẩm của họ.

Những người thiện chí ở khắp nơi, cả ở Hoa Kỳ, cả ở Châu Mỹ La tinh và ở khắp thế giới phải biết ý thức và nhờ sức mạnh của ý thức, chúng ta trở thành đối tượng cho chính mình. Bấy giờ chúng ta mới phát triển đất nước theo chiều hướng đích thực, đem được Châu Mỹ La tinh vào hệ thống kinh tế và xã hội của kỷ-nguyên nguyên tử và chúng ta, như thế, sẽ vượt qua được cơn khủng hoảng hiện thời để bước vào kỷ nguyên sung túc mà tôi chắc chắn là đang chờ đợi chúng ta ở bên bờ bên kia.

Các bạn thanh niên, các bạn hãy đưa toàn thể đạt tới đó.

JOSUE DE CASTRO

TRẦN TRIỆU LUẬT dịch

TIN MỪNG

Chúng tôi nhận được thiệp báo tin : Anh PHẠM-KHÁNH-TRÌNH và Chị NGUYỄN-NGỌC-DIỆP sẽ làm lễ thành hôn ngày 23/10/1966. Xin trân trọng chúc tận-lang và tân-giai nhân trăm năm hạnh-phúc.

Ông Bà LÊ-NGỘ-CHÂU và Ông Bà VŨ-ĐÌNH-LƯU

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 23 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

PHẬT-GIÁO hay CỘNG-SẢN

lực-lượng nào nắm giữ tương-lai Châu Á

Tác giả : ERNST BENZ

Dịch giả : RICHARD & CLARA WILSON

(Xin xem BK.ID. từ số 228)

II. PHẬT-GIÁO VÀ CỘNG-SẢN

A) Khuynh hướng trở lại với chủ-nghĩa xã-hội của Phật-Giáo

Lớp người theo đạo Phật trong trào lưu Phục Hưng Phật-Giáo tại miền Á-Châu ngày nay, thường có khuynh-hướng muốn đạo Phật phải tìm về với « bản lai diện mục » của Đạo này : họ muốn những người theo Đạo Phật phải nhớ rằng tự nguồn gốc Đạo này là « một tôn giáo xã-hội », chính bởi lẽ đó mà Đạo Phật ngày nay phải là một Đạo của « quần chúng ».

Thực vậy, chính tự bản thân Đức Phật là một nhà « cách mạng xã-hội ». Xuyên qua chủ thuyết do ngài nêu lên trong tình trạng xã-hội Bà La-Môn thời đó, người ta thấy Ngài đã thường xuyên chống đối tập đoàn tăng lữ, hệ thống giáo quyền giáo-lý, đặc quyền của giai-cấp, đẳng cấp, huyền-thoại về Thượng Đế, huyền

thoại về sự bắt lực và tội tổ tông truyền. Ngài là người đầu tiên đã giải thoát con người khỏi ách nô-lệ của thần quyền và khỏi « gót sắt » của « tập đoàn tăng-lữ » : ngài đã đề cao năng-lực tự giải thoát của cá nhân không cần qua sự trung-gian của giai cấp tăng-lữ hay sự hỗ trợ của thần quyền. Ngài cũng là người đầu tiên đã chỉ dẫn mọi người nên xử dụng lý trí mà phán đoán chớ có như đàn mục-súc dẫn độn cúi đầu lằm lũi theo giáo-điều. Ngài còn là người đầu tiên đã đả-phá ân-sủng dành riêng cho một đẳng cấp mà đề cao chủ-thuyết bình-đẳng bình-quyền và bác ái.

Vẫn theo lớp người này, Giáo Hội Tăng-Già được coi như một cộng-đồng Phật-Giáo đảm-trách công cuộc truyền-

bá và duy-trì ngọn lửa cách-mạng trong thông-điệp của nhà cách-mạng Tất-Đạt-Đa Công-đồng này được coi như là một «Công-Hòa Tôn-Giáo» không có giai-tầng đẳng-cấp, đặt nền tảng trên sự bình-đẳng tuyệt-đối giữa mọi người trong Giáo Hội. Đây là một tổ chức huynh-đê của những người xả-thân «phụng sự nhân loại» những người không bao giờ coi mình như một thứ quyền uy cũng như không bao giờ vờ vĩnh đóng vai trò người môi-giới giữa Thượng-Đế và con người; họ chỉ là những nhà lãnh-đạo muốn giúp quần-chúng trên đường tự giải thoát và cố tạo lập Giáo-Hội Tăng Già như một thứ xã-hội kiểu-mẫu để mọi người noi theo.

Sự kêu gọi tìm về bản-chất «xã-hội» của Phật-Giáo sở dĩ có, là vì qua cặp mắt của lớp người theo Đạo Phật ngày nay thì Đạo này đã không còn duy-trì được đặc tính nguyên thủy của nó mà lại còn rớt vào bánh xe cũ của các tập-đoan tôn-giáo xưa mà Đạo Phật đã vượt lên khỏi, «các nhà sư — những người chuyển tiếp ngọn lửa cách-mạng của Đức Phật — đã trở

thành những tăng-si phi nộn trong những ngôi chùa xa xỉ». Theo họ, đây không phải là một trường hợp «cách mạng ăn thịt con» (1) mà là chính con Phật đã «ăn thịt» Đạo pháp và cuộc Cách mạng Xã hội của Ngài.

Đức Phật đã truyền lại cho các đệ-tử trong Giáo-Hội Tăng-Già trách-vụ phát triển «phương thức xã hội» ra các cộng đồng rộng lớn hơn, nhất là cho toàn thể quốc gia. Cái trách-vụ ấy ngày nay lại càng thêm cấp-thiết, vì tập đoàn Cộng Sản đang dùng đủ mọi cách đưa «xã hội chủ nghĩa» của họ vào Châu Á. Các quốc gia nằm trong trào lưu Phật-Giáo Phục-Hưng, bởi lẽ đó, phải quyết-định lựa chọn giữa «chủ-nghĩa Xã-Hội Phật giáo» và Xã-Hội Chủ-Nghĩa Mác-xít.

Sự lựa chọn này chẳng phải là ít nguy hiểm: lựa chọn một chế-độ «xã-hội» dù có kèm theo hai chữ «Phật-Giáo» cũng không thoát khỏi cặp mắt nghi kỵ và sẵn sàng kiếm cớ gây sự của thực dân cũ mới Phương Tây; cũng như khó thoát khỏi đôi mắt thèm thường của tập-đoan Cộng Sản chỉ lăm le nhuộm chủ-nghĩa «xã-hội» đó cho đỏ thắm.

B) Tình trạng Phật giáo tại Liên-Sô và Trung-Cộng

1 — Tình trạng Phật giáo tại Liên-Sô

Đế quốc Nga-La-Tur chỉ bắt đầu lưu-ý tới tầm quan-trọng về chính-trị của Phật Giáo sau khi thảm-bại trong cuộc chiến tranh Nhật-Nga. Vì Nhật-Bản đã dùng các cứ điểm quan trọng, mới thấu đoạt được tại lục-địa Á châu, mà quảng-bá cuộc tuyên truyền chính trị dưới chiêu bài Liên-kết Phật Giáo (Pan-Buddhism) trong các nước cũng như các sắc dân theo đạo Phật tại Viễn Đông. Chính bởi vậy mà Nga-xô ý thức được sự cần

thiết gia tăng mối lưu tâm đến các bộ-lạc theo đạo Phật phía Đông của Đế quốc cũng như các nước Nhật-giáo láng giềng Tây-Tạng và Mông Cồ.

Năm 1907 Nga Hoàng Nicolas II đã cho xây một ngôi chùa Phật tại St. Petersburg, chính Đức Dalai Lama từ Lhasa được mời tới đặt viên đá đầu tiên

(1) Nghĩa là cách-mạng giết những người làm cách-mạng.

Cuộc Cách mạng Bôn-sơ-vích trong buổi đầu cũng chẳng nhân nhượng gì với Phật giáo. Ngôi chùa tại St. Petesburg bị đập phá và đóng cửa. Nhưng khi cuộc cách mạng đã được bành trướng Cộng Sản bắt đầu lưu ý đến dư-luận của giới Phật tử tại Viễn Đông. Do đó, mà trong những năm đầu của cuộc cách mạng, có nhiều biện pháp chính trị chứng tỏ là nhóm Bôn-sơ-vích đã đối xử một cách đặc-biệt với Phật-giáo. Điều này đặc biệt cần thiết vì các toán quân da trắng đang hành quân trên các lãnh thổ của dân Buriat, Kirghizes và tại Mông Cổ.

Công cuộc tuyên truyền trong đám dân theo đạo Phật tại Siberia thuở đó có nhiều nét tương tự với cuộc tuyên truyền hiện đại của Trung Hoa đỏ. Đề mục bàn về Phật giáo trong tập Đại số-viết Bách khoa Từ-điền Tập 7, in năm 1927, đã nối liền các tư tưởng về đức Phật Di-Lặc với nguyện vọng của đám quần chúng bị áp bức. Nhiều cán bộ cao cấp tại Trung Á đã được tuyền mộ trong các cấp Lạt-ma hoặc cựu Lạt-ma. Nhà Ngân-Hàng Cộng Hoà Nhân Dân Ngoại Môn còn giúp tiền cho các tu viện Lạt-Ma nữa.



Dưới thời Stalin thì tình hình thay đổi hẳn. Sau năm 1929 báo chí của Đảng đã đăng những bài đả kích cái «lý thuyết phi lý về sự đồng nhất giữa chủ thuyết Cộng Sản và Phật giáo». Đề mục về Phật giáo trong cuốn Đại Số-viết Bách khoa từ-điền tập 6, ấn bản 1938, đã hoàn toàn nhuộm màu sắc mới. Các vị Lạt-ma Nga đã bị coi như là các phần tử « phản cách mạng» Đề mục này còn được bàn

thêm : « Khâu hiệu Liên kết Phật-giáo đã được dùng làm bình phong cho cuộc xâm lăng của đế quốc Nhật. Đế quốc Nhật đã định nhờ sự hỗ trợ của chiêu bài thụ động của Phật giáo để làm suy yếu sức kháng chiến của các dân tộc Á Châu».

Đến cuối thời Stalin, thì Liên-Sô lại đổi cách cư xử với Phật Giáo. Dĩ nhiên sự thay đổi này không lan đến lãnh-vực ý-thức-hệ. Họ chẳng cần phải làm vậy, vì sự hủy diệt của chế độ Lạt-ma và sự thay đổi hoàn toàn về tình trạng xã hội tại Tây-bá lợi-Á đã hủy-diệt cái nền tảng mà tôn Phật-Giáo có thể hồi sinh một cách đích-thực tại Liên-Xô. Nhưng chế độ Sô-viết ngày nay muốn tạo một cảm tưởng trong giới Phật tử tại Đông bộ và Nam bộ Á-châu rằng Hiến pháp Sô-viết đã bảo đảm sự tự do tín ngưỡng cho toàn dân Nga kể cả các Phật tử. Các phái đoàn Phật giáo Liên-Xô bắt đầu xuất hiện tại các Hội-nghị Hòa-Bình Quốc tế. Tại Đại-Hội Phật-Giáo Thế-Giới lần thứ 6 tại Rangoon cũng có phái đoàn Nga tham dự. Các phái đoàn như vậy được coi như công cụ trong công cuộc tuyên truyền công khai thuận lợi cho chế độ chính-trị và xã-hội ở Liên-xô. Năm 1952 tại Hội-Nghị Hòa-bình Sagorok, triệu tập trong cuộc chiến tranh Triều-Tiên, Chủ-tịch Hội-đồng Phật-Giáo tối cao Sô-viết đã đọc một bài diễn-văn sắc mùi tuyên truyền và chấm dứt bằng lời tung hô Stalin.

Tất cả những hình-thức phô trương và tuyên-truyền bề ngoài cũng không sao dấu nổi tình trạng suy đồi của Phật-Giáo tại Liên xô. Một bài tường thuật về cuộc thăm viếng Phật Giáo tại Liên-Xô đăng trên báo Miến năm 1961, đã làm cho một vị cựu Hòa-Thượng coi các giáo-khu Lithuania, Estonia và Latvia phải kinh-

hoàng vị trong số 380 tăng viện tại Nga mà ngài đã được biết trước đây chỉ còn lại có 5 cái, và những tăng-viện còn lại này thì hoặc là đóng cửa hay được dùng như bảo-tàng-viện và thư viện.

Một nhà khảo cứu về Phật- học Ấn-Độ đã có dịp thăm Phật-Giáo Mông-Cồ. Theo những bài tường thuật của ông, ta chỉ thấy những phần mô tả tăng phòng, tăng viện và các cuộc triển-lãm tranh Phật mà không thấy đề cập đến cuộc sống của tăng chúng. Ông còn cho biết một chi tiết khá lý-thú là 30 tranh Phật ông thấy tại tu viện Gandang đã được in ở BaLan. Theo ông, từ đầu năm 1912 đến nay, Ba lan đã cho nhập cảng vào Mông-Cồ hơn

90.000 bức ảnh Phật do họ sản-xuất. Ông còn đề cập tới hàng ngàn cuốn kinh Phật bằng tiếng Mông Cồ vẫn « nằm trên giá sách chờ các nhà khảo cứu. » Một tăng-viện quan trọng bậc nhất của Mông-Cồ cách Ulan Bator khoảng 320 dặm đã được ông mô tả lại như sau : « Cho tới hồi gần đây, một ngàn vị lạt-ma vẫn sống trong tăng viện. Ngày nay tăng viện đã trở thành một viện bảo-tàng đầy những bản Kinh lịch sử và các đồ nghệ-thuật Phật giáo. » Tóm lại, qua loạt bài của ông, người ta có cảm tưởng rằng ở Mông-Cồ ngày nay chỉ còn một số lạt-ma già nua và họ đã trở thành một đối tượng đề các sử gia và các nhà nhân-chủng nghiên-cứu.

2. — Tình trạng Phật-giáo tại Trung-cộng

— a) Những lý-do khiến Trung-cộng thay đổi thái độ đối với Phật-giáo sau khi thành công tại Hoa-lục.

Theo tác-giả thì thật khó mà ước-định được cái địa vị hiện-tại của Phật-Giáo tại Trung-Cộng. Vì chính tác-giả không được đặt chân vào Hoa-Lục, mà qua các nhà sư tị nạn cũng như các phái đoàn Phật-giáo đã đặt chân tới Bắc-Kinh, thì tình-trạng Phật giáo tại xứ này lắm lúc được mô-tả hết sức trái nghịch nhau. Tác giả phải bỏ khuyết sự tìm hiểu của mình qua các sách báo Phật-giáo đề cập tới tình-trạng này.

Có một điều chắc chắn là trong các ngày đầu của chế-độ Cộng-Sản, cuộc chiến đấu chống tôn giáo đã được phát động với tất cả sức hung bạo của cách-mạng nhằm vào việc hủy diệt hoàn toàn các tôn-giáo. Theo tờ Tạp chí Phật Giáo The Young East của Nhật-Bản, căn cứ trên tin tức thu lượm được qua các nhân viên của phái đoàn Phật-giáo Trung

Hoa tham dự Đại hội Phật-giáo lần thứ ba tại Rangoon năm 1955, thì tổng số 130.000 chùa chiền tại Hoa-Lục chỉ còn chưa tới một trăm thoát khỏi bàn tay hủy diệt của Cộng-sản. Tại Bắc-Kinh chỉ còn ba ngôi chùa là còn nguyên vẹn, trong đó hai ngôi chùa được dùng làm cơ xưởng, còn ngôi chùa thứ ba thì được dùng làm trại tập-trung cho các vị lạt-ma. Tại Thượng-Hải, Nam-Kinh và Hàng-Châu, nơi có hàng trăm cảnh chùa, nay mỗi thành phố chỉ còn một ngôi chùa. Nhiều ảnh tượng Phật đã được trao đổi với Nga để lấy vũ khí; các ảnh tượng còn lại bị đập phá. Kinh sách Phật tại các chùa phần lớn bị đốt; Kinh sách của Phật tử phải nộp cho nhà chức trách thiêu hủy. Rất nhiều tăng ni bị giết, tự tử, chết trong tù hoặc chịu án

tử hình. Một số khác bị cưỡng bách gia nhập Hồng-Quân. Theo sự ước lượng, thì chỉ còn độ chừng 2.500 tăng ni hầy còn sống sót tại Trung Cộng...

Điều này dễ hiểu vì Trung Cộng luôn luôn phải duy-trì đường lối chống tôn giáo tổng-quát của biện-chứng duy-vật, nó là ý-thức-hệ căn bản của cuộc cách-mạng tại Trung Cộng. Do đó, Phật giáo đã là đối tượng của các cuộc tấn công dữ dội của Trung-Hoa Cộng-Sản. Nhưng sau khi cách-mạng thắng lợi, nhà cầm quyền Trung-Cộng thấy rằng đối xử đặc biệt với Phật-giáo là một điều khôn ngoan. Lý do của sự thay đổi thái độ này, theo tác giả, bắt nguồn ở địa vị đặc biệt của Phật giáo trong lịch sử Trung-Hoa, nhất là ở thế-kỷ thứ mười chín.

Trong thế kỷ 19, đạo Phật đã bị Khổng giáo chèn ép vì đạo này là công cụ của hoàng phái để củng cố vương quyền. Đạo Phật còn là nạn nhân của các lực lượng Phương Tây đang dự tính đô hộ Trung Quốc bằng chính trị và kinh tế : bao chùa chiền bị chiếm đóng, phá hủy, tượng Phật, kinh sách được đem về dùng làm vật trang hoàng cho các Viện Bảo-tàng Âu Mỹ. Một trong các lý-do chính, theo tác giả, là sự chèn ép và khinh thị của Ky-tô-giáo đối với Phật giáo. Mà Ky-tô giáo, theo tác giả, đã có một mối « liên hệ điển hình » với chủ nghĩa thực-dân, như ta đã thấy trên toàn cõi Á-châu. Vẫn theo tác giả, thì tại Trung Cộng hiện nay, Ky tô giáo bị ngò vức, vì những người theo đạo Ky-tô ở Trung Quốc trong quá

quyền khừ, « không những chỉ thủ đắc các thái độ trí thức, các lễ thói sống và tư-tưởng chính trị từ các lực lượng chiếm đóng ngoại quốc, nhưng còn được giúp đỡ về tài chính và nương tựa vào các người « giám hộ » về phương diện pháp lý ». Ngược lại Phật giáo hầu như là một trong những ngọn nguồn của nền văn-hóa dân tộc Trung-Hoa. Đạo này còn có thể coi như một tôn giáo chung cho toàn thể dân chúng Viễn-Đông và từ đó đã tạo lập một nền văn minh Á châu cho đến tận ngày nay hầy còn tồn tại, và hiện đang đóng một vai trò quan trọng trong trào lưu thức tỉnh ý thức dân tộc tại vùng đất này. Bởi những lẽ đó, chút tàn tích còn sót lại của Phật-giáo đã trở thành một thứ di sản văn hóa quý báu cần phải được nhà nước bảo vệ. Càng làm như vậy, Trung Cộng càng tạo được một hình ảnh thuận lợi cho mình trong các nước Phật giáo tại Á châu.

Thế là, Phật giáo Hoa-lục đã được biến đổi thành một thứ viện bảo-tàng tôn-giáo, đặt dưới quyền bảo trợ của nhà nước. Các ngôi chùa lịch sử tại các đô thị chính yếu được coi là thắng tích quốc gia và được trùng-tu. Các trung tâm cổ-kính của nghệ-thuật Phật-giáo cũng được đối đãi tương tự. Các nhà khảo cổ Trung-Hoa bắt tay vào việc khai quật các phế tích bỏ bê từ xưa. Việc tàn phá các kho tàng nghệ thuật Phật giáo được lệnh đình chỉ ; các nhà in Phật giáo được mở cửa lại và được khuyến khích ấn tống các bản kinh cổ bằng chữ Hán.

— b) Sự tận dụng Phật-giáo như một công cụ tuyên truyền lối cuốn cảm tình của các nước theo Phật giáo tại Viễn-Đông.

Năm 1949 Hiến-Pháp của « Cộng Hòa Nhân dân Trung-Hoa », cũng lập lại luận điệu của Hiến pháp Liên-xô, bảo đảm

tự do tôn giáo cho toàn thể công dân. Nhưng sau các hành động chống đối tôn giáo quá độ trong thời kỳ cách mạng

những câu văn, chỉ cao đẹp trên giấy tờ ấy, chưa đủ sức khuyến khích Phật giáo tổ chức lại. Chính quyền đành phải nhúng tay vào, Hội Phật-giáo Trung Quốc được thành lập, liên kết các chủng tộc tại Trung quốc, như Hán, Mông-cô, Tai, Mãn châu... và tìm cách thống nhất cả Nam lẫn Bắc Tông. Theo báo cáo của tổ chức này tại Đại Hội Phật giáo Thế Giới lần thứ ba tại Miến năm 1951, thì Hội có 263. 125 hội viên chính thức và có một số quần-chúng tín đồ khoảng 4 triệu rưỡi.

Năm 1956 Viện Hàn-Lâm Phật-Học Trung-Hoa được thành lập tại Bắc-Kinh Viện là Trung tâm Phật học và hướng dẫn các công cuộc Văn-Hóa Phật-Giáo tại Trung Cộng. Nhà in và xuất-bản Phật-giáo Ching-Ling tại Nam-Kinh, có chừng 120.000 mộc bản kinh-điền chữ Hán, tiếp tục hoạt động trở lại,

Đề tạo uy-tín với Phật-giáo Thế-giới Trung-cộng đã khuyến-khích Viện Hàn-Lâm Phật-Học tại Bắc-Kinh đóng góp tài-liệu cho tập Bách-Khoa Phật-Giáo. Viện này đã đóng góp tài liệu nhiều hơn tất cả các nước Phật-Giáo khác.

Nhận-thức được ưu-thế của Phật-giáo Theravada tại miền Đông-Nam-Á, Viện Hàn Lâm Phật-Học Bắc-Kinh đã đốc thúc một nhóm học giả phiên dịch kinh Visud-dhi magga, một tài-liệu căn-bản cho việc nghiên-cứu Phật-giáo Theravada tại Trung-Hoa. Viện này còn thể theo lời yêu cầu của Bộ-Trưởng Bộ Tôn-Giáo Miến phiên-dịch kinh Pratimokha trong bộ Dharma-gupta-vinaya ra tiếng Anh.

Các nước ở Đông-Nam-Á dĩ nhiên đã đón nhận nồng nhiệt các hành-động ve vãn này.

Các phái-đoàn Phật-giáo Trung Hoa được đề cử tham dự các Đại hội quốc-tế

đều chứng tỏ đã biết phối-hợp hết sức khéo léo công tác chính-trị với công việc Phật-sự. Sau cuộc đàm-phán về biên-giới Hoa-Miến, một phái đoàn Phật-giáo sang tham dự lễ ký kết hiệp ước. Phái đoàn này đã biểu Hội Phật-Giáo Miến một bức tượng Phật bằng đồng và một bức ảnh màu của ngôi chùa Tây-Sơn-Tự thờ Răng Phật gần Bắc-Kinh; phái-đoàn còn tặng toàn bộ Kinh Tam-Tạng của Thầy Huyền-Trang cũng như 34 hộp kinh-điền do Nhà Xuất-Bản Phật-Giáo Ching Ling ấn-hành.

Vụ « giải phóng » Tây-Tạng đã chứng tỏ hiệu lực của tuyên truyền Trung Cộng. Tất cả các nước Á-Châu đều theo dõi cuộc xâm-lăng Tây-Tạng của Trung-Cộng. Tất cả đều hay biết vụ Đức Dalai Lama và một số lớn tăng sĩ Tây-Tạng phải bỏ chạy sang Ấn-Độ. Tất cả đều hay biết các vụ tàn phá tăng viện, các trung-tâm của tôn-giáo Tây-Tạng, của sinh hoạt chính-trị và tinh-thần xứ này. Nhưng công cuộc tuyên-truyền của Trung Cộng đã có hiệu-lực đến mức làm các Phật-tử phản-ứng lại vụ đó một cách hết sức là hoang mang và yếu ớt. Sách báo Trung Hoa đã trình bày vụ này như là một công cuộc « thanh-lọc » và « cải tổ » lại hàng ngũ Phật-giáo Tây Tạng, « giải-thoát » các Phật-tử Tây-Tạng khỏi sự thống-trị của « tập đoàn phong-kiến phản-động ».

Ngay sau vụ đó Trung-Cộng lại ve vãn xứ Népal một xứ đóng vai trò quan trọng trong cuộc tranh-chấp biên-giới Ấn-Hoa : Nào xây tặng một Viện Hàn-Lâm Phật-Giáo, đóng góp 500 000 Rupees vào việc xây trường Đại-Học Phật Giáo... Với hành-động thẳng tiến Phật-giáo tại ay một nước láng giềng của Tây Tạng, Trung-Cộng muốn xóa mờ những hậu quả do vụ xâm-chiếm Tây-Tạng gây ra và đồng thời kéo Népal về phe mình trong cuộc tranh-chấp biên-giới Hoa-Ấn.

Song song với các hoạt-động vừa kể Trung Cộng còn tổ-chức lễ rước Răng Phật tại chùa Chao-Hsien Bắc-Kinh sang Miến Điện và Tích Lan. Răng Phật này đã được bảo-tồn sau nhiều biến-cố từ đời nhà Chi (479-502) tới vụ Bát-Quốc Liên-Quân đánh phá Bắc Kinh trong giai-đoạn giặc quyền-phi. Răng này được dấu kỹ và di-chuyển từ chùa nọ sang chùa kia hết đời này sang đời nọ. Năm 1900 trong cuộc đánh phá Bắc-Kinh của lực lượng Bát Quốc Liên Quân, ngôi chùa Chao-Hsien (còn gọi là Vạn Phật Tự) trên ngọn đồi phía Tây tại Bắc-Kinh đã bị tàn phá bởi hỏa-lực Pháo binh. Trong lúc dọn dẹp người ta đã tìm thấy Răng Phật dấu trong ngọn đỉnh tháp của chùa. Với một lịch-sử như vậy, Răng Phật tại Bắc-Kinh đã mang một tính chất khác hơn là thuần-túy tôn giáo; các nhân viên trong phái đoàn Phật giáo đã nhấn mạnh vào bối-cảnh chính-trị của bảo-vật này, coi đây như bằng chứng của sự tương-phản giữa «thông điệp hòa bình của Phật Giáo» với «chủ-nghĩa thực dân hung hãn nguy-trang dưới công cuộc truyền đạo Ky-tô của Phương-Tây». Cuộc rước Răng Phật đã đem lại thành công cho Trung Cộng cả về mặt chính trị lẫn tôn-giáo.

Các cuộc triển lãm tại các thị trấn lớn Á-Châu về nghệ-thuật Phật-Giáo qua thắng tích tặng-viện trong các trang động ở Tun-Chuang cũng đã tạo cho Trung-Cộng một thắng lợi to lớn: nó đã gây cho các nước theo Phật-giáo ở Á-Châu là Trung Cộng thực-sự «bảo vệ tự-do tôn-giáo»!

Ý thức được vai-tuồng lợi hại của văn-hóa trong lãnh vực tuyên truyền Trung Cộng đã phổ-biến nhiều sách vở hình ảnh về hiện trạng Phật-giáo tại Hoa

Lục. Vai trò của Phật giáo trong công cuộc tranh đấu cho hòa-bình thế-giới cũng như mối liên-hệ thân-hữu giữa Phật Giáo Trung Hoa và các nước ở Đông-Nam-Á, Nhật-Bản và Triều-Tiên là những đề-mục luôn luôn được nhấn mạnh.

Chiến-dịch vận-động hòa-bình thế-giới đã gây được sự hưởng-ứng có thiện-cảm trong giới Phật-Giáo tại Á-Châu. Do đó Cộng-Sản không gặp mấy khó khăn trong việc tuyên truyền hòa-bình trong các cơ-sở Phật-giáo. Về điểm này, luận-điều tuyên truyền của Trung-Cộng uốn theo sự cảm hận của các cựu thuộc-địa đối với Phương-Tây. Hơn nữa, Phật-tử tại Tích-Lan, Miến-Điện, Thái-Lan và Nhật Bản luôn luôn phải tranh đấu với các Hội truyền-giáo Ky-tô, mà trong quá khứ đã từng cho Phật-giáo là một thứ tôn-giáo phiếm thần.

Tất cả những yếu tố vừa kể trên đây hợp lại đã tạo thành một hậu-thuần bất ngờ cho công cuộc tuyên-truyền của Trung-Cộng.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN

Kỳ sau: C Phật-giáo đối phó với Cộng-Sản.

BÁO MỚI

— **Đất Mẹ** số tháng 7 và 8/1966
nguyệt san do Bộ Chiêu-Hồi ấn hành;
Chủ-nhiệm: Phạm-Anh, Chủ bút: Lê
Xuân Bản, Tòa soạn 24 Lê Thánh Tôn
Saigon. Mỗi số khổ 21x27 dày 64 trang.

— **Sử Địa** số 3 tháng 7,8-9-1966,
tập san sưu tầm khảo-cứu, giáo-khoa,
do một nhóm giáo sư, sinh viên Đại-
học Sư-phạm Saigon chủ trương, số
đặc-khảo về Trương-Công-Định, dày
trên 100 trang. Giá 30.đ

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plaplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

Thân xác như một giá-trị

• NGUYỄN - VĂN - TRUNG (3)

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 233)

MẮT

Đui, què, câm điếc, tê liệt, tất cả những tâng tật cơ thể, đều làm tổn thương con người toàn diện; nhưng dù sao con người có thân xác mang tật vẫn còn đó, vẫn hiện diện ở bên cạnh, và nếu trí óc, cảm xúc còn được nguyên vẹn, nghĩa là vẫn tỉnh táo, hiểu biết, thì xét về phương diện giá trị, thiếu hụt vẫn hơn mất hẳn.

Tuy nhiên, đó là xét theo quan điểm của người lành mạnh, và nhất là người lành mạnh thân thuộc với người tâng tật. Nếu xét theo quan-điểm của chính người tâng tật, có thể sự thiếu hụt cũng chẳng khác gì sự mất hẳn. Và nếu phải sống dai dẳng trong tình cảnh thiếu hụt, có thể thà mất hẳn còn hơn sống thiếu hụt.

Người tàn tật cảm thấy mình vô dụng cho chính mình và cho cả xã hội, do đó muốn chết đi cho rồi: Nếu họ bị xã hội bỏ rơi bạc đãi, dĩ nhiên họ tủ nhục và ngán sống; nhưng nếu được săn sóc thương hại, có thể họ cũng tủ nhục vì không muốn được thương hại hay khờ tâm vì không muốn người lành mạnh thương yêu mình, phải lo lắng, vất vả, hy sinh cho mình. Không bao giờ có sự thông cảm hoàn toàn giữa người lành

và người tật, vì chỉ nguyên sự có mặt của người lành cũng đủ làm cho người tật buồn tủi và thất vọng. Sự chênh lệch lành tật cũng tựa như sự chênh lệch giai cấp. Chỉ nguyên sự có mặt của người giàu, cũng đủ làm cho người nghèo thấm thía cái thân phận nghèo cực của mình, và không có một an ủi, thương xót nào thực sự xóa bỏ được thân phận đó bao lâu vẫn còn chênh lệch giai cấp. Hơn nữa, đôi khi sự an ủi, thương xót lại chỉ càng làm cho người nghèo khổ, người tâng tật cảm thức sâu xa hơn tình cảnh nghèo cực và tâng tật của mình.

Tôi không bao giờ quên được lần đi thăm viếng thương phế-binh ở một an-dưỡng-đường với một nhóm sinh-viên. Chúng tôi đến vào một buổi tối với ý định giúp vui, an ủi anh em không được may mắn, phải mang thân hình cụt què. Nhưng về sau, tôi được biết, với một, hai người phế-binh trong buổi liên-hoan văn nghệ tối hôm đó, thì sự giúp vui của chúng tôi, và ngay chính cả sự có mặt của chúng tôi, chẳng những không giúp vui gì hết mà còn làm cho họ nhớ tới sự tâng tật và tăng thêm sự buồn tủi của họ. Hãy tưởng tượng một thanh niên vừa vào đời, bị động viên, ra mặt trận, bị thương, phải cưa tay, cưa chân

hoặc tay, chân còn, nhưng bị tê-liệt, người thanh niên đó cảm nghĩ thế nào về thân phận mình, trước mặt những người thanh niên khác, còn lành mạnh và trước những tà áo, mái tóc của mấy cô sinh-viên xinh đẹp, đang vui vẻ ca hát những bài rất yêu đời.

Chúng tôi đã tưởng hát bài vui là reo vui giúp vui vì chẳng nhẽ lại hát bài buồn, chán đời cho người buồn, chán đời, buồn chán đời hơn ! Chúng tôi đã không chia sẻ, thông cảm được với người thương phế-binh đó, vì chúng tôi không phải là thương phế-binh, chúng tôi và anh ta ở hai tình cảnh khác nhau. Do đó phải chăng chỉ người đồng cảnh mới thông cảm, chia sẻ với nhau được mà thôi (1)?

oOo

Trong trường-hợp những người bị tàng tật về tâm trí, không rung cảm hiểu biết gì được, như bị hồng óc (encéphalite), không có vấn đề tủ nhục, khổ cực đối với nạn nhân, nhưng là vấn đề đối với người thân thuộc.

Những người tàn tật về tâm-trí, quả thật chỉ còn là một cái xác, nhưng vẫn là con người đối với người thân thuộc. Không thể bỏ rơi, không thể không thương yêu họ. Nhưng cũng quả thật là khó khăn và khổ cực. Hãy tưởng tượng phải săn sóc, hầu hạ một đứa con nhỏ bị bệnh hồng óc suốt ngày, cả năm và hàng bao nhiêu năm cho đến khi nó chết như săn sóc một cục đá, sẽ đòi hỏi biết bao tận tụy; nhẫn nhục ? Săn sóc một con vật như cho ăn uống, vuốt ve con mèo, con chó, còn được vui lòng, hả dạ vì con vật có phản ứng, biết vẫy đuôi, quấn quít như thể biết ơn con người. Đàng này, đứa trẻ bị bệnh không biết mình được yêu đương, không biết đó là cha mẹ mình, không nói năng mỉm cười,

không biểu lộ gì hết, làm sao có thể vẫn chăm nom, thương yêu một con người kém cả con vật nếu không quan-niệm rằng con người, dù tàng tật bệnh hoạn bất lực đến đâu đi nữa, chỉ nguyên sự có mặt của nó cũng đã là một giá-trị không thể đánh giá được.

Sống được, còn sống, có mặt là quý rồi.

Khi hai người quen biết nhau, xa cách lâu ngày, vì cảnh loạn lạc gặp nhau lại, mừng rỡ hỏi thăm nhau. Anh làm được những gì trong bấy nhiêu năm ?

— Sống sót

Có thể là chẳng làm được gì, hoặc làm được nhiều việc to tát đấy, nhưng cái đáng kể nhất, quý báu nhất là còn sống để có thể gặp lại nhau hôm nay.

Di nhiên, có những cách sống không đáng sống và thà chết còn hơn sống. Nhưng mọi sự sống, và đặc biệt sự sống của con người, không kể những cách sống không đáng sống, là một giá trị cao quý hơn hết. Do đó phải bảo vệ duy trì cho đến cùng, bằng mọi phương-thể cho đến khi không còn thể làm được gì nữa. Còn nước còn tát. Vì chết là hết. Chết không phải chỉ là mất một thân xác, mà là mất đi một người và mất mãi mãi.

(1) Thực ra, vẫn có thể thông cảm với người khác tình cảnh đến một chừng mực nào đó bằng những nỗ lực chia sẻ thực sự cuộc đời của họ, sống thực sự tình cảnh của họ, trở thành thương phế-binh với người thương phế binh. Chứ cái lối ở đâu tới hay đi qua đến giúp vui một chốc lát, ban phát đôi lời an ủi trao tặng vài gói quà, nhất là lại làm những việc đó một cách vô tình, vụng về, dù đầy thiện chí như thể bố-thí hay phô-trương sự lành mạnh may mắn của mình, thì chỉ làm khổ thêm người tàng tật mà thôi.

Mất một đồ vật, dù là bảo-vật, cũng không thể so sánh với mất một người. Đồ vật dụng cụ là cái có thể thay thế. Đồ vật quý vì công phu, tiện lợi hay vì hiếm hoi. Nhưng hiếm đến đâu đi nữa cũng có thể tìm ra hay làm ra một cái khác tương tự. Do đó không thể so sánh con người và sự vật về phương-diện giá-trị. Vì con người là một vật vô giá. Sở dĩ vô giá vì không bao giờ thay thế được. Mỗi người đến với cuộc đời này như một khuôn mặt, một giọng nói một cá nhân mang một tên gọi, độc nhất và độc đáo tuy giống mọi người vì là loài người nhưng đồng thời cũng khác mọi người vì là một số phận. Sống với mọi người nhưng chết một mình. Không ai, dù thân thiết biết mấy có thể đảm nhiệm hộ số-phận người thân của mình. Mỗi người sống cuộc đời của mình và chết cái chết của mình. Do đó một người mất đi, là mất hẳn người đó và một cách vĩnh-viễn không bao giờ thay thế được. Một đứa con chết, cha mẹ có thể đẻ đứa khác thay thế chỗ nó ngồi trong gia đình, nhưng không thể thay thế chính nó được. Đứa trẻ sinh ra thay chỗ anh nó ngồi, sẽ là em của anh nó, và là đứa trẻ khác, không phải anh nó.

Cho nên con người quý báu vô giá vì không thể thay thế được.

Tuy nhiên chỉ cái chết của người thân làm cho ta cảm thấy thấm thía giá trị vô song cuộc đời một người, và càng thân, càng thấy mãnh-liệt.

Nếu sống thiết-yếu là sống với, bên người khác, và nhất là bên người thân yêu, thì sống chết phải có nhau.

Khi người thân yêu đau ốm, ta lo lắng, băn khoăn không biết có việc gì

không, liệu có qua khỏi không. Nếu bệnh tình trầm trọng, và người thân mê man, hấp hối, ta càng băn khoăn lo lắng, thồn thức... cho đến khi người thân trút hơi thở cuối cùng, ra đi mất bắt đầu nhợt nhạt, chân tay cứng lại, thân hình lạnh giá. Hai con mắt có thể vẫn mở, nhưng không còn chớp và nhìn lại ta nữa; ta lay gọi, nhưng người thân yêu giờ đây đã bất động. Tuy vậy, ta vẫn không bao giờ chịu công nhận ngay người thân đã chết, và vẫn cứ lay, cứ gọi như thể người thân còn sống để nhìn ta, mỉm cười với ta, cho đến lúc không thể tiếp tục được nữa và bó buộc phải công nhận sự thể đã rồi, ta mới òa lên khóc. Tôi khóc cái chết của người thân, mà thật ra cũng là khóc cái chết của chính tôi.

Nếu ta chỉ sống được với người thân thì người thân chết, ta không thể sống được nữa, ta cũng kể như chết và muốn chết theo người thân.

Cái giờ phút ta cảm thấy sự chia ly, đoạn tuyệt mãnh liệt hơn cả là lúc hạ huyết xong và người ta đã bắt đầu ném những hòn đất xuống. Có những bà mẹ, người vợ cứ nhất định lăn xuống huyết để được chết cùng chồng con... Hoặc về sau tự-tử vì không sống nổi với niềm thương nhớ day dứt đè nặng tâm hồn.

Dù không tự-tử đi nữa, không ai tránh khỏi nỗi đau xót, thương tiếc trước cái chết của người thân yêu. Cái chết của người thân yêu ném ta vào những đảo lộn đột ngột làm cho ta bàng hoàng, tê tái. Ta vừa cảm thấy bất lực không thay đổi được tình thế, vừa không chịu chấp nhận sự việc đã rồi đó: « Không thể như thế được! Vô lý! Vô lý! ».

Do đó, trong kinh nghiệm về cái chết của người thân yêu, ta cảm thấy sự ra đi, vinh-biệt ở đây như một sự phản-bội, bất trung. Người thân yêu chết chẳng khác nào như cắt đứt những sợi giây ràng buộc, những mối tình kết thân và bỏ rơi người còn sống ở lại cô đơn, trống rỗng, đau sót . .

Chính vì hiểu cái chết, như một bất trung, mà những người tin Chúa cho rằng chỉ có tình yêu Chúa mới bất diệt như Paul Lansberg đã nhận xét :

« Các nhà thần học và các vị huyên bi nói với chúng ta rằng chỉ Thiên-Chúa là trung-tín, vì chỉ Thiên-Chúa mới không phải chết, vì cái chết chính là thành quả của sự bất-trung hữu ý đem toàn thể thế giới đặt vào tình cảnh bất trung gắn liền với bản chất con người là tính cách phải chết của nó » (1)

Tuy nhiên, ta vẫn biết người yêu sẽ chết, như chính ta cũng sẽ chết. Ta chỉ không biết ai chết trước và chết lúc nào, chết cách nào. Ta biết chắc sống thêm ngày nào là càng tiến gần đến cái chết, một cái chết có thể xảy ra bất ngờ như kẻ trộm đến vậy ; chúng ta sống như những tử-tù đợi ngày hành quyết, hằng ngày thấy người đồng cảnh bị gọi đưa ra pháp trường và không biết ngày nào đến lượt mình, nhưng chúng ta biết chắc thế nào ngày đó cũng sẽ đến.

Tình cảnh thực sự là thế thảm như vậy, nhưng chúng ta không muốn nghĩ tới và dám nhìn thẳng vào cái chết đang chờ đợi ta ở một đoạn đường đời nào đó. Vì nếu nghĩ tới cái chết, không thể sống nổi. Do đó chúng ta cố quên thân-phận phải chết của mình, nói cho đúng, chúng ta cố giả vờ quên và sau cùng quên thật mình đã giả vờ.

Do đó chúng ta sống như thể không bao giờ phải chết; chúng ta gạt cái chết ra khỏi những sinh hoạt hằng ngày, những lo lắng kiếm tiền, xây-dựng cơ-nghiệp, sự-nghiệp, tranh giành địa-vị, ảnh-hưởng, say sưa yêu đương, mê-man chơi bời như thể ta sống mãi mãi. Có thể ta không quên hẳn ta phải chết, nhưng cho rằng bao lâu còn sống, cứ làm, cứ chơi cho đã đời ; tuy nhiên, đó cũng chỉ là những ý nghĩ đến trước hay đến sau hành động; có lẽ chính trong lúc hành động mà nghĩ đến cái chết có khả-năng đảo-lộn như cái chết của người thân yêu, chưa chắc còn muốn hành-động.

Ta không bao giờ có kinh-nghiệm trực-tiếp về cái chết của ta nhưng cái chết của những người thân là kinh-nghiệm gián-tiếp đưa ta vào kinh-nghiệm trực-tiếp về cái chết của ta. Do đó, khi đứng trước thi hài một người thân yêu ta không thể lãnh-đạm, đứng-dưng được như khi đi đường thấy một đám ma của một người nào đó ta không quen biết hay như khi đọc những cáo phó đăng trong báo hàng ngày.

Sự ra đi của một người thân bao giờ cũng có vẻ như « bất ngờ » và đáng lẽ không xảy ra, không thể không làm cho ta cảm nghĩ về một sự đời thay, sự mất mát, sự hủy-diệt: « Mới hôm qua còn..., Bây giờ đã như thế này. »

Ta có thể oán trách, phản kháng ông Trời hay đầu hàng chấp nhận cái số kiếp của con người. Nhưng đó là thái độ, là giải-pháp trước cái chết, không phải tình-tự. Tình-tự là cảm-thức về tính cách tương-đối, vô thường cuộc đời, và tính cách mỏng manh, vắn vỏi của những mối tình, những đoàn-tụ.

(1) Essai sur l'expérience de la mort- Ed. du Seuil trg. 39.

Ta đến với người khác qua thân xác của họ. Một dáng điệu, một giọng nói, một cái nhìn, một nụ cười, xuất hiện như lời mời gọi kết thân, đoàn tụ. Bây giờ còn đâu tất cả những cái đó? Người thân chỉ còn là một cái xác chết, một thân ma phải đem đi chôn cất, hỏa táng gấp trước khi nó trương lên và xông mùi thối... Nếu người thân chết trên giường bệnh êm ái, còn đỡ sợ, khủng khiếp. Nhưng nếu chết « bất đắc kỳ tử » vì tai nạn, bom đạn, thân thể bị thương tích, mất mát như: bẻ sọ, cụt đầu, lòi ruột, gãy chân, máu me bê bết, mồm há hốc, mắt trợn ngược, thân thể lỏa lồ ruồi nhặng bầu đầy mình, không thể nhận diện được nữa, còn dễ sợ khủng khiếp hơn biết bao.

Người thân mất đi, không còn thân xác để giao-ngộ, đối-thoại đoàn-tụ nhưng tinh-thần vẫn còn và có lẽ còn mãnh liệt, thấm thiết hơn lúc người thân có mặt bên cạnh ta bằng thân xác, xương thịt...

Tình yêu không bị hủy-diệt cùng với thân xác, nhưng biến thể, trở nên thiêng liêng, siêu nhiên hơn. Từ nay ta sẽ thương yêu người thân mà không đòi được đáp lại, không còn qua trung gian những giao ngộ hữu-hình, những cảm xúc cụ thể của thân-xác. Tình yêu lý tưởng hơn, vô vị lợi hơn và thâm trầm hơn.

Thân xác làm cho ta gần gũi người thân nhưng đôi khi cũng che khuất một vài vẻ đẹp, một số giá trị nào đó của người thân. Chỉ khi xa vắng, và nhất là khi chết rồi, ta mới khám phá ra những nét đẹp, những giá trị đó của người thân đồng thời những chấm đen những tật

xấu của người yêu cũng như bị xóa nhòa đi. Ta không còn nhớ tới những lầm lỗi, thiếu sót, chỉ nhớ tới những cái hay tốt của người thân, và nếu đó là những cái hay tốt ta đã hiểu lắm, hoặc đã không thấy, bây giờ mới khám-phá ra, ta lại càng ân-hận và lòng ân-hận tăng thêm lòng thương mến của ta...

Do đó, yêu một người, không phải chỉ là yêu một thân xác như một xác thịt, nhưng là yêu một thân xác trong con người toàn diện. Tình yêu bao hàm thân xác, nhưng vượt khỏi thân xác. Nếu tình yêu chỉ là một bản năng và thân xác chỉ là một hiện-tượng sinh lý, cái chết của con người sẽ chẳng có gì là bi đát. Sở dĩ nó bi đát, vì không phải chỉ là một hiện tượng tự nhiên, vì cái chết đụng chạm tới khát vọng bất tử, vĩnh cửu gắn liền với mọi dự phóng yêu đương, đặt những khát vọng đó vào tình trạng thử thách thanh lọc...

Cho nên tình yêu chân chính, đích thực không tan biến với cái chết. Sau khi chết, thân xác người yêu không còn nữa, nhưng người yêu vẫn có mặt, một có mặt vắng bóng thân xác. Người còn sống vẫn thấy sự hiện diện linh thiêng của người thân bên cạnh, ở chỗ ngồi kia, ở chỗ nằm đó, với những đồ đạc quen dùng. Lúc mới chết, vì chưa thoát khỏi lòng thương nhớ, sự có mặt bằng thân xác, nên người còn sống bàng hoàng muốn:

Đập cổ kính ra tìm lấy bóng

Xếp tàn y lại để dành hơi.

Nhưng rồi lòng thương nhớ những giao ngộ hữu hình dần dần sẽ lắng dịu với thời gian. Một tình yêu hơi hợt giả-tạo sẽ mai một khi bóng người, hơi người thân xưa đã tan biến; nhưng tình

yêu đích thực vẫn còn với một hiện-diện thuần-túy linh-thiên. Sự hiện-diện đó cũng rất sống động, vì người thân đã mất vẫn ở giữa chúng ta, vẫn tiếp tục chia sẻ mọi nỗi vui buồn của gia đình, vẫn hướng-dẫn, chỉ-bảo, khuyên-nhủ hoặc ngăn cấm, vẫn như một người trên và vì đã chết, nên cũ g đáng kính trọng, vàng phục h. Khi ai coi thường những lời nói trời trăng cuối cùng của người sắp chết. Người chết bao giờ cũng được tôn-trọng, dù là thù địch, phạm nhân. Cái chết san phẳng mọi chênh-lệch xã hội, giai-cấp và hư-vô hóa những đối-tượng của oán thù, tranh chấp. Người chết trở thành linh-thiên và ngay cả xác chết cũng được tôn-trọng.

Do đó, người chết không phải hoàn toàn đoạn-tuyệt với người sống, vì vẫn có mặt một cách khác, vẫn liên lạc một cách khác. Sự hiện diện của người thân đã mất trong gia-đình như một trung-tâm chi-phối, lãnh đạo cuộc đời của những người còn sống trong đạo tổ-tiên tương tự sự hiện diện của Chúa Kitô trong bí-tích thánh-thể của đạo công-giáo. Hình ảnh bàn thờ đặt ở giữa nhà, lễ-nghi cúng vái ngày giỗ, kỵ . . . cụ thể hóa sự hiện-diện vô hình của tổ-tiên, Ông Bà, cha mẹ, như bánh thánh, nhà chầu, bàn thờ, lễ-nghi phụng-vụ, tiêu biểu cho sự hiện diện thiêng liêng của đấng Kitô ở giữa cộng đồng tín hữu.

oOo

Kinh nghiệm cái chết của người thân cho thấy ý-nghĩa và giá-trị đời người thân không hoàn toàn lệ thuộc thân xác, vì không phải chết là mất hết, đồng thời cũng cho ta thấy ý nghĩa và giá trị của thân xác, trong đời một người, vì trước cái chết, sự sống vẫn là một quý báu vô giá.

Tuy nhiên ý thức về giá-trị của sự sống, của thân xác thường không đưa tới những nỗ-lực tổ chức xã-hội loài người nhằm bảo-vệ, duy trì sự sống. Trái lại, chỉ thấy thái độ phi lý khinh bỉ và phí phạm ghê gớm sự sống con người, phí phạm một cách tàn nhẫn hơn cả luật cạnh tranh sinh tồn, đào thải tự nhiên của loài vật. Hơn nữa, hình như xã-hội loài người càng văn minh, nghĩa là càng ý-thức được giá trị của sự sống, càng tự tạo cho mình những chế độ khinh miệt con người, và càng sáng chế thêm những kỹ thuật, khí-giới khủng-khiếp tàn sát con người.

Cầm con dao mã tấu hung ác chặt đầu, đâm lòi ruột một người thù địch trước mặt vẫn bị coi là dã-man. Nhưng ngồi trên phi cơ cao hàng mấy ngàn thước, chỉ bấm cái nút, bom đạn sẽ rớt xuống phanh thây, đốt cháy hàng trăm ngàn người mà không cần phải có bộ điều tức giận hung ác, cũng không cần trông thấy địch thù. Có thể coi như là «văn minh hơn» hay trái lại chỉ là dã man một cách tế-nhị hơn.

Dẫu vậy, không phải con người văn-minh hiện nay không biết quý mạng sống con người. Cái cảnh cả thế giới xúc động, lo lắng theo dõi từng giờ phút qua báo chí, đài phát thanh, máy xem xa, tình trạng bệnh lý của một đứa trẻ hấp hối, đang được các bác sĩ danh tiếng khắp thế-giới vội vã chạy tới khi được mời, không cần phải giấy thông hành, để cứu sống một mạng người không phải là tiêu biểu một ý thức sâu xa về giá-trị của sự sống con người là vô giá sao? Nhưng cũng chính những vị bác sĩ sốt sắng đó có thể chậm chạp hàng giờ khi có người đau nặng gần nhà mời đến, hay những khán giả xúc động lo lắng trên có thể rất rùng rùng khi nghe tin cả chục triệu người sắp chết đói ở Ấn-Độ,

hàng trăm ngàn người chết vì bom đạn, mìn nổ mỗi ngày trong một cuộc chiến-tranh kéo dài hơn hai mươi năm ; hoặc rất có thể phớt tình ngay trước những hoàn-cảnh vô-nhân-đạo chung quanh mình : hoàn-cảnh của người tù tội, người tàn tật, người nghèo đói sống dở chết dở. Đối với những người cùng khổ này, sống chẳng còn nghĩa lý gì, và chết có lẽ lại giải thoát cho họ. Nếu có đau thương, thì chỉ những thân thuộc còn sống phải mang tang, quấn vòng khăn trắng như những người góa bụa mồ côi.

Thực ra, thế giới ngày nay, có qui trọng sự sống của con người, nhưng chỉ là qui trọng mạng sống của người tây phương, người da trắng, người giàu. Rút cục, con người vẫn chưa được nhìn nhận như một vật vô giá, và cho tất cả mọi người, nhưng vẫn bị đánh giá theo màu da, sự giàu có và sức mạnh...

Người nghèo khổ, rách rưới tiều tụy, xấu xí, không có quyền sống làm người, nhân phẩm không được tôn trọng, chẳng đáng giá gì hay giá rất rẻ. Họ sống vất vưởng, lai rai, trong cảnh cùng cực, tối tăm của mình. Khốn nỗi, lớp người nghèo cực này lại chiếm đa số, và người giàu chỉ là thiểu số. Một ngày kia, đông đảo những lớp người cùng khổ có thể vùng lên đòi quyền sống, quyền làm người... Nhưng lúc đó cũng là lúc người giàu lo ngại như A. Sauvy đã nhận định : « Ngày nào một thế giới thức tỉnh, ngày đó người thống trị lo ngại sự tăng gia nhân số những người bị trị đòi quyền sống » (1) Người Tây phương thường bày tỏ sự lo ngại sẽ bị những lớp người nghèo đói Á châu tràn ngập như những lớp sóng dữ dội. (le déferlement des masses asiatiques). Trên căn bản mối lo ngại đó, được thiết lập một chiến lược dài hạn nhằm be bờ, diệt chủng, để giảm bớt con số đông

khủng khiếp kia... Đối với những nước không thể gây chiến tranh được như Ấn độ, họ chủ trương giảm bớt mức sinh sản và khuyến cáo nước nhận viện trợ thực hiện chính sách hạn chế sinh đẻ, như một điều kiện viện trợ. Đối với những nước có thể gây chiến tranh được, thì chiến tranh là biện pháp hiệu nghiệm để tăng mức tử vong như một nhà dân số học nổi tiếng người Mỹ Frank Notestein đã thú nhận : « Chiến tranh là cần thiết trong trường hợp sự an ninh của Tây phương bị đe dọa bởi những dân tộc bắt đầu có những lực lượng đầy đủ và hăm dọa. » (2)

Nhìn trong một viễn tượng đe dọa dân số, không thể quan niệm có một chính sách viện trợ nhằm phát triển kinh tế, nâng cao mức sống, vì sẽ mâu-thuẫn với sự lo ngại trước mối đe dọa trên. Còn đối với người muốn được viện trợ không có viện-trợ nào bù đắp được sự mất mát nhân mạng. Không xét tới những khía cạnh khác, chỉ xét nguyên phương diện kinh tế, mỗi người thanh niên 20 tuổi chẳng hạn phải tốn phí 10 năm gọi cho là 20 vạn, nếu người đó sống đến 50 tuổi, làm việc ít ra cũng được ba mươi vạn. Do đó mỗi người chết đi trên trên dưới năm mươi vạn.

Tuy vậy, không phải những nước giàu không đủ tài-nguyên, tiền bạc để giải-quyết sự nghèo cực của những nước chậm tiến đông đảo. Có lẽ chỉ cần một phần nhỏ số tiền dùng vào những kinh phí quốc phòng, những thi đua võ trang, hay những chương-trình không-gian cũng đủ

(1) Théorie générale de la population Paris 1962

(2) Problem of policy in relation to areas of heavy people pressure, trg 149. trong « Demographic » studies of selected areas of rapid growth. New-york.

thanh toán nạn mù chữ, nghèo đói, chật chội...

Con người thấy rõ như thế mà không muốn làm hay không thể làm vì ý-thức nhân-loại, ý thức luân lý của con người tiến chậm hơn kiến-thức, kỹ-thuật. Khoa học đã bỏ xa thời-kỳ tiền-sử, nhưng lòng ích-kỷ có lẽ vẫn đứng lì ở thời kỳ tiền sử..

Bao lâu chưa phá vỡ được lòng vị kỷ và tiêu diệt được ý chí thống-trị, nhân-

loại chưa đi tới một ý thức đích-thực về thân phận làm người ở đời của mình.

Có ý-thức đích-thực về thân-phận làm người ở đời của mình là nhận-định được rằng đời này chẳng đáng sống, vì rút cục vẫn phải chết, và chết là mất tất cả, đồng thời cũng thấy rằng không gì đáng quý bằng một cuộc đời, vì ta chỉ có một cuộc đời để sống và không thể thay thế, bù đắp được khi đã mất.

CA TỤNG THÂN XÁC

Khi khảo sát những ý-thức-hệ của một số chế độ chính trị, những chủ thuyết chính thức của một số quốc gia người ta không khỏi ngạc nhiên nhận thấy sự-kiện trái ngược sau đây: luôn luôn nói tới đạo đức, đề cao giá-trị tinh thần thiêng-liêng trên lý-thuyết, mà lại *thiết thực* chỉ tin vào sức mạnh của đồng tiền và vật chất; luôn luôn quả quyết chỉ công nhận có vật-chất mà lại luôn luôn nhấn mạnh vào sức mạnh của tinh thần trong công-trình tranh đấu cải-tạo và xây-dựng xã-hội.

Nói cách khác, người chủ trương duy-tâm thì sống như duy vật và ngược lại.

Cho nên, không thể tin vào lời nói, lý-thuyết, khẩu hiệu in trên giấy tờ, căng ngoài đường phố; và những người càng hay nói đến giá trị tinh thần, càng đáng hoài-nghi lắm, vì họ thường sống những điều họ chối trên lý-thuyết hay chối trong thực tế, những điều họ ca tụng.

Ở những nơi đó, lúc nào cũng thấy nhân-danh Thượng-đế đề cao giá-trị tinh-thần và dĩ nhiên người ta cảm động đến những gì là vật-chất, xác-thật bị coi

là thấp hèn, vô-luân, tội lỗi. Không thể quan-niệm những chế-độ độc-tài độc tôn kiểu Salazar, Franco, mà lại không có một chính sách kiểm duyệt gắt gao để bảo-vệ Tín-ngưỡng, Truyền-thống, Đạo-đức trong văn-học, nghệ thuật, phong-tục xã-hội.

Sự-kiện trên có thể do một ý-định lợi dụng Tôn-giáo, luân-lý, giá-trị tinh-thần để che đậy những mục-tiêu chính-trị, nhưng cũng có thể do một thiện-chí chân thành, một lòng khao khát đạt tới những giá-trị tinh thần!. Vậy tại sao thiện chí hướng về tinh thần lại *thiết thực* phủ nhận tinh thần? Vì người ta không chú trọng đến nền tảng vật chất của mọi thực hiện giá trị tinh thần.

Cũng như người sang sông mà không nghĩ tới thân xác mình là một trọng lượng cần được chuyên chở và cứ điềm nhiên bước xuống nước như đi trên đất rắn...

Hay cũng như người không thể tránh được ăn uống, nhưng vẫn vừa ăn, và có thể còn thích ăn ngon, vừa thuyết pháp về sự cần thiết khắc khổ, về sự cao cả

uâ tinh thần với một nhiệt thành say sưa như thể không phải đang ngồi ăn no để nó sức mà đề cao giá trị tinh thần. Một số nhà đạo-đức, học giả vẫn lên tiếng miệt thị văn minh vật-chất, cơ khí nhưng thực tế các vị đó vẫn tìm hưởng những tiện lợi, mà nền văn-minh đó cung cấp nhất là lại dùng những phương-tiện tối tân của nền văn minh vật chất để chỉ trích, chê bai nó.

Những người ngay thẳng, chân chính, nhưng hiểu lầm, ngộ nhận, muốn xóa bỏ điều kiện vật chất, những qui-định thân xác trong công trình tu đức, giáo dục, kiến tạo xã hội, cần nhớ câu nói của Pascal : « Ai muốn làm thiên thần sẽ trở thành con vật » và hiểu rằng họ muốn đưa con người lên cao, mà thực ra là vùi dập nó trong cái thấp hèn, những cái mà họ khinh bỉ, chối bỏ và cho là thấp kém, tầm thường, như bần, chẳng những không chối bỏ được, mà còn bị trói buộc sa đọa nặng nề vào những cái mình muốn chối bỏ.

Vấn đề không phải là chối bỏ, hủy diệt thân xác, nhưng là làm sao đảm nhiệm được một cách đích thực sứ-mệnh làm người trong thân phận của mình, là một vật có thân xác như một tư thân tôi.

Trong viễn tượng đó, phải phục hồi ý nghĩa và giá trị của vật chất, thân xác và hơn nữa cũng nên đề-cao vật-chất, thân xác trong vai trò cần thiết, khiêm tốn và thẳm lặng của chúng để bù lại những ngộ nhận, khinh miệt từ lâu đối với vật chất, thân xác.

Từ nay, tư tưởng, triết lý không phải là gạt bỏ cái tầm thường hàng ngày để bằng mình vào vùng thanh cao, của chứng lý tưởng thoát ly, nhưng là ở lại

với những cái tầm thường, gắn bó với những cái có vẻ vô nghĩa thấp hèn . .

Đất, bùn, cát, đá, đờm giải, mùi hôi thối v. v... tự nó chẳng có gì là triết lý. Nhưng triết lý ở tại những thái độ của con người đối với những cái đó, triết lý là suy nghĩ về một cuộc đời người dệt bằng những cái tầm thường, bần thiêu, như nhóp, buồn nôn, kinh tởm của đời sống hằng ngày . . .

Suy nghĩ về con người không phải là lập luận trên những ý niệm trừu tượng, nhưng là nhìn thẳng vào con người bằng xương thịt, sống trong những hoàn cảnh cụ thể hàng ngày. Một luân lý, một triết-ly, những giá trị tinh thần đích-thực nếu có, phải được rút ra từ kinh nghiệm và suy niệm "sát đất", khởi hành từ những cái vẫn bị coi là thô-tục, nhảm nhí, tầm thường. Và tranh đấu cho những giá trị tinh thần đích thực cũng không phải bằng cách tiêu diệt, khinh bỉ những giá trị thân xác, vật-chất, nhưng bằng cách đề cao, bảo vệ những giá-trị đó.

Không có sự đối lập giữa giá trị tinh thần và giá trị vật-chất. Do đó tranh đấu cho những giá trị vật chất có một ý nghĩa thiêng liêng cao cả và cũng là tranh đấu cho những giá trị tinh thần đích thực như Péguy đã quả quyết : « Cái thiêng liêng cũng là xác thịt » và « Phúc cho những kẻ chết vì đất thịt này » (Heureux ceux qui sont morts pour la terre charnelle).

NGUYỄN VĂN TRUNG

tìm đọc :

CON SUỐI MÙA XUÂN

truyện của Võ Hồng

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

CROISSANCE



**CALCITHÉRAPIE
GÉNÉRALE**

RACHITISME
DEMINÉRALISATION
TROUBLES DE LA CROISSANCE
GROSSESSE — ALLAITEMENT
FRACTURES

CALCIGÉNOL

du DOCTEUR PINARD



CALCIGÉNOL

VITAMINÉ

du DOCTEUR PINARD



en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON



TRUYỆN NGẮN
ĐAO-TRƯỜNG-PHÚC

tạ - từ

Tuấn đánh diêm, châm diều thuốc đầu tiên của một ngày mùa mưa lạnh hiu hắt; gió lùa qua cửa kính xe tạt mắt những làn khói trắng; Trời chưa sáng, những ngọn đèn đường còn dương từng cặp mắt vàng vọt ngó chiếc xe lao nhanh qua con Phố quanh quẽ, chạy thẳng ra xa-lộ. Người đàn đứng ông tuổi đeo kính ngồi cạnh Tuấn đã ngả đầu ra thành ghế nhắm mắt dỗ giấc ngủ bù. Tuấn nghĩ thầm: Chắc đêm hôm qua ông ta còn bận thức khuya để trò chuyện với những người thân thích hay bằng hữu đến chào từ biệt, và dặn dò vợ con về chuyện nhà cửa trong thời gian xa cách. Tuấn Bất giác nghĩ đến nỗi Cô quanh của mình: họ hàng chẳng còn ai để mà tiễn đưa, bạn bè thì đã lần lượt theo nhau đi xa, mỗi đứa một phương không rõ tin tức của nhau, có những đứa đã chết, cũng có những đứa lấy vợ, đi ngoại quốc....., chỉ còn mình chàng với cuộc sống vô vị buồn nản bên bao nhiêu kẻ xa lạ mỗi ngày đều gặp nhau, mà chẳng bao giờ hiểu nhau nổi..... Chính vì thế mà khi nhận được giấy chuyển đi một tỉnh nhỏ theo đơn đệ xin từ gần thang nay, Tuấn mừng rỡ thu xếp ngay hành lý và mua vé lên đường.

Đúng ra, theo dự-tính của Tuấn, việc ra đi này mang hai mục-dịch: thứ nhất để rời bỏ cái thành phố ồn ào, rời bỏ nếp sống nhàm chán và cố tìm lại chút yên tĩnh cho tâm hồn; thứ hai— Tuấn mỉm cười một mình —, thứ hai, tới đó để gặp Nga.

Chiếc xe đã chạy hết quãng đường xa-lộ dài và bắt đầu nhịp sóc dồn dập trên quốc lộ, ở chân trời, ánh hồng đầu tiên cũng vừa ló dạng, gió buổi sáng lạnh

lạnh vẫn thốc vào mặt; Tuấn lơ đãng ngó những cây cối vun vút chạy ngược lại sau lưng và bỗng thấy thêm một chút ấm áp của tấm chăn len hay một vòng tay âu yếm nào đó. Chàng bắt giác nhớ lại những năm gian khổ, đùa dờn với tử thần trong bóng tối của những cánh rừng thâm u, nhớ lại từng đêm trăng sáng quanh quẽ nơi lô-cốt, nhớ lại từng điệu nhạc dồn dập, nhịp trống vũ-trường, men rượu mạnh tan loãng lúc hai, ba giờ sáng..... Bao nhiêu ngày tháng cũ, bao nhiêu kỷ-niệm của những màu đời đã sống, Tuấn muốn đốt cháy hết, vứt bỏ hết, để khỏi ngậm ngùi nhận ra niềm cô đơn còn lại của mình. Và chàng đang ở trên con đường đi tới một cuộc đời mới, vùng đời sống mới mà chàng có cảm tưởng như một nơi trú ẩn cuối cùng. Chàng đang đi tới Nga. Nga là cô em gái họ của Luân, người bạn thân độc nhất của Tuấn ở Saigon. Luân đã giới thiệu Nga với Tuấn trong một cuộc gặp gỡ ở tòa báo nơi Luân làm. Những ngày quen và thân với Nga, Tuấn coi như là quãng thời gian huyền diệu giúp chàng tìm lại được một cách thật bất ngờ sự êm ái của tâm hồn, của tình yêu, của một thứ tuổi thơ đã đổi màu bằng ống kính vạn-hoa của đời sống. Nga là sinh-viên-Dự bị Văn khoa, nàng vừa trúng tuyển trong kỳ thi cuối năm và đã về nghỉ hè với gia-đình tại một tỉnh nhỏ, cái tỉnh mà hiện giờ Tuấn đang ngồi trên xe đò vượt hàng trăm cây số để tìm tới. Mới xa Nga chưa đầy nửa tháng mà Tuấn cảm thấy như đã lâu lắm, cũng như hai người mới quen nhau chưa đến nửa năm, mà.... — Tuấn đã nhiều lúc tự hỏi mình và ngạc nhiên về sự sôi bỏng, nồng cháy của tình yêu chàng dành cho Nga, sự sôi bỏng đã từ bao nhiêu năm thắp tắt nguôi trong lòng chàng, từ một lần tan vỡ. Và, chính trong khoảng nửa tháng xa cách này, Tuấn đã mang máng nhận ra cái lý do đó, tuy chàng chưa dám đoan chắc. Có thể như thế được không? Có thể nào chàng yêu Nga, yêu say đắm, yêu thiết tha Nga, chỉ vì Nga có những nét giống một người khác, một người đã qua, một người mà Tuấn đã muốn quên đi, không bao giờ còn nhắc tới nữa?

Tuấn ngả người ra thành ghế, nhắm mắt, rồi lại mở choàng mắt ra. Chiếc xe đang chạy nhanh, những ruộng muối hai bên đường lùi vun vút lại sau lưng, những thửa ruộng ngập nước soi bóng mặt trời hồng nhạt và bầu trời buổi sáng trắng đục. Gió thổi lạnh hai má, gợi Tuấn nhớ từng chuyến đi xa ngày còn bé, hai mẹ con cùng đứng bên khung cửa trên chiếc xe hỏa lao như điên cuồng, mẹ Tuấn áp tay vào má cậu bé và cúi thấp xuống, cho hơi thở của bà dịu dàng tỏa ấm gáy Tuấn, qua những làng mạc, những ruộng vườn buồn bã trong hơi lạnh hiu hắt của mùa đông quê hương..... Tuổi thơ êm ái như một giấc mơ chóng tan; khi lớn lên, khi ra đi, khi rời bỏ quê hương và rời bỏ những người thân theo nhau qua đời, Tuấn không còn được hưởng nỗi ấm áp huyền diệu của hai bàn tay thân yêu áp trên má, xoa trên tóc, không còn được hưởng những lời nói nồng nàn âu yếm thì thầm trong giấc ngủ chập chờn.... cho đến một ngày Tuấn gặp *Nàng*.

Hình như trời vừa bắt đầu mưa, giọt nước nào bay tạt vào mặt Tuấn, ánh mặt trời chưa lên hẳn đã mờ nhạt, và gió càng làm lạnh hai má, lạnh ngắt bàn tay tỳ trên thành cửa. Tuấn nghiêng đầu nhìn: một đám mây xám đang trôi trên bầu trời đục, chàng nghe tiếng ù ù đều đặn lẫn lẫn với tiếng máy xe nổ, giấc ngủ lặng lẽ

đến, không một lời ru, như bao nhiêu năm qua.... Đường như người đàn ông bên cạnh với tay kéo cửa kính xe lại, mưa bắt đầu thật rồi.

Khi choàng tỉnh dậy, Tuấn nhìn thấy trước hết là một cây thông xanh vừa thoảng biến mất sau lưng. Xe đang qua đèo, những «cua» rẽ ngặt nghèo làm nghiêng ngã người. Ngó sang bên, Tuấn gặp đôi mắt của ông bạn đồng hành đắm đắm nhìn chàng. Chàng cười làm quen:

— Tôi ngủ say quá. Tới đâu rồi ông nhỉ ?

— Đang qua đèo Ngoạn Mục.....

Ngừng một chút, ông ta hỏi:

— Ông đi Nha-Trang hay.....

— Dạ không, tôi đi Phan-Rang..... Tôi đòi xuống làm việc ở đây.

— A.....

Câu chuyện ngừng lại trơ trẽn, Tuấn đợi một câu hỏi nhưng không có. Chàng ngồi thẳng lại, lấy thuốc châm hút rồi định mở cửa cho mát hơn. Mưa tạt tới tấp vào mặt, Tuấn vội kéo cửa lại. Trận mưa đổ tầm tã làm đà xe chậm hẳn. Qua khung kính, qua màn mưa, rừng thông xanh một màu xanh lạ lùng như xa vắng. Xe chạy men đường, từng hồi còi liên tiếp, dưới vực sâu, sâu thẳm, Tuấn thấy con đường sắt bé xíu chạy len lỏi giữa vùng cây cối dày đặc, đèo lên cao, lên cao mãi, một nhà ga nhỏ hiện ra, ga Eo Gió, con đường sắt như biển, hiện, biển, hiện bất chừng. Tuấn nghĩ đến những con tàu cũ chẳng còn qua đây nữa, bỏ trơ trọi cái ga xép nằm trong mưa, trong nắng, cô quạnh như cuộc đời chàng, sau bao nhiêu hình bóng cũ đã trôi khuất...—Eo Gió, Tuấn bỗng thấy yêu cái tên buồn hiu hắt đó, và bỗng thấy nhớ đến một cái tên xa xưa.....Mưa gió và đèo cao ở đây gợi lại hình ảnh những ngày vui ở Dalat, những con đường sương mù tê tái lạnh chàng đã đếm bước qua, cùng với nàng, những đêm bão rớt nơi cao-nguyên bao nhiêu kỷ niệm. Nàng đã chia xẻ với Tuấn quãng đời đẹp nhất của tuổi trẻ đầy ước mơ lãng mạn, đầy tình ái, rồi bỗng, nàng biến đi. Mấy năm rồi? Năm năm, ừ, năm năm đã qua từ ngày nàng đột ngột rời xa chàng, lặng lẽ không để lại chút tin tức, Tuấn đã lên cao nguyên, tìm nàng khắp nơi nhưng vô vọng. Những ngày tháng cũ như một giấc mơ ngắn ngủi, bao nhiêu thay đổi rồi? Tuấn tưởng đã quên hẳn nàng, nhưng chuyển đi này vô-tình lại nhắc nhở tất cả. Tất cả những hình ảnh củ đột nhiên hiện lên rục rờ như hàng vạn viên kim cương vừa vớt lên từ đáy bể, nằm trong lòng tay. Tuấn bàng hoàng: Không lẽ mình còn yêu nàng đến thế? Không lẽ..... Không! Dĩ vãng đã chết hẳn rồi, chàng đang trên con đường đến Nga. Nga là hiện tại, là tương lai. Hết năm nay Nga sẽ làm vợ Tuấn, và hình bóng ngày xưa sẽ....Gió bỗng từ đâu thốc vào mặt chàng, gió lạnh ngắt và như có một vị mặn của muối, gió của Dalat, gió và sương mù đấy, những cây thông xanh ngạo nghễ trong mưa trên đèo vắng...Tuấn bắt giác nhớ tới một bản nhạc cũ. Bản nhạc Đó. Bản Tạ Từ của Tô-Vũ. Và, dù chàng muốn xua đuổi, những lời hát nào vẫn

đang vọng đến bên tai, tha thiết như ngày nào : « Rồi đây khi mùa dứt chiến chinh, gió dâng khúc đàn thanh bình »... Và đôi môi nàng như đang mấp máy ngay trước mắt Tuấn, khe khẽ hát theo bằng một giọng ngọt ngào dễ thương : « Khi về son thắm lòng người thu cánh tạ mây trời, nếu tình quê đôi lần nhắc miền quê xa xôi... »

Tuấn ngả đầu ra thành ghế nhắm mắt lại. Chàng không muốn xua đuổi nữa. Bỗng nhiên chàng muốn được nghe lại tất cả, thấy lại tất cả. Chàng nghe như giọng mình thì thầm : Thôi, anh không cãi, anh vẫn còn yêu em, anh vẫn chưa quên được em.... Chiếc xe nghiêng sang bên trái, gió lại tạt thốc vào mặt, tiếng mưa vẫn ù ù ào ào không ngớt cùng với tiếng máy xe, tiếng gió, tiếng hát....., Mỗi khi vang âm ngàn phương, nhạc chính nhân trong chiều Sương ; Em có mong giòng sông cũ vẫn xuôi niềm thương ?... Tuấn mơ hồ thấy giấc ngủ đang trôi lơ lửng đến, vây lấy chàng, tan loãng trong mưa; dường như xe đã lên hết ngọn đèo cao và bắt đầu vòng xuống, nhòa đi.... Giấc ngủ đã ngự-trị tất cả.

oOo

Buổi chiều, xe tới thành phố. Mưa vẫn chưa tạnh, và khi Tuấn xách va ly bước vào một tiệm tạp hóa đầu tiên gần chợ hỏi mua thuốc lá, thì mưa lại trở to hơn. Trời tối xám, buổi chiều như không có, và đêm đang lặn vào, lặng lẽ. Người bán hàng trả tiền lẻ cho Tuấn rồi ngó ra ngoài trời, mỉm cười, hỏi:

— Chắc ông mới ở Saigon lên?

— Vâng.

— Mưa suốt ngày hôm nay, chán quá. Hôm qua cũng vậy nữa. Tuấn cười. Chàng hỏi thăm con đường cần tìm, cảm ơn rồi bước ra, vẫy chiếc xích lô ngay trước cửa nhà. Chàng ngồi trong bóng tối bít bùng của chiếc xe che áo tơi kín mít. Độ mười phút thì người đàn ông ngừng đạp nhảy xuống mở ra, nói:

— Tới rồi đó thầy Hai.

— Chắc đúng số nhà chứ ông?

Tuấn không nghe tiếng đáp. Chàng bước xuống, chạy nhanh vào một hàng hiên gần nhất. Con phố nhỏ, hai bên lề đường giòng nước mưa trôi nhanh, mưa tầm tã làm mờ cả cảnh vật bên kia đường. Ba phút sau, Tuấn tìm thấy số nhà 24 ở cách đó hai căn và men sang, gõ cửa.

Người ra đón chàng là Đạt. Hắn mặt quần áo ngủ, tay cầm một quyển sách nhỏ, ngón tay trở nằm giữa những trang sách kẹp lại. Hắn reo :

— À, Tuấn. Ông mới lên hả? Ướt hết không? Vào, vào đây.....Tôi đang ngủ. Nhanh cả mưa hắt, ông.

Tuấn đặt va ly vào góc nhà, cười:

— Giờ này mà ngủ à ?

— Trời ơi, mưa gió này, không ngủ còn làm gì. Ngủ lấy sức mai đi làm chứ? À sao ông, giấy tờ xong hết rồi hả ?

Hắn hỏi huyên thuyên về chuyện làm ăn, chuyện Saigon. Tuấn đáp qua loa rồi mở va-ly soạn quần áo. Đạp ở một mình ba gian phòng xinh xắn, sạch sẽ. Tuấn thay bộ quần áo ướt, ra phía sau, rửa mặt xong thì trời cũng vừa tạnh mưa dần. Những giọt mưa cuối cùng rơi xuống trên bờ vai, chàng nhìn lên bầu trời đã tối hẳn. Đêm đầu tiên của tỉnh nhỏ.

Tuấn hỏi Đạt có biết con đường nhà Nga ở đâu không, bỗng nhiên chàng nảy ra ý muốn thăm Nga ngay, gặp nàng, nhìn mặt nàng ngay. Chưa chắc đó đã là vì nhớ nhung, chàng biết thế. Đạt đáp :

— Tất nhiên là biết rồi. Nhưng ông muốn tìm nhà ai, ở đây ? Ở đây ngủ chứ ?

— Đã đành. Tôi có một người quen cũ lâu lắm không gặp, họ cho tôi địa chỉ....

— Ồ vội vã gì, đề đến mai không được à ? Ông đến giờ này họ đóng cửa đi ngủ hết rồi, trời mưa mà... Ông ăn gì chưa nhỉ ?

— Chưa, tôi đang định rủ ông ra ngoài chợ xem có hàng gì ăn đây, ừ, thôi việc kia đề đến mai.

Đạt góp ý vài câu về chuyện ăn uống rồi vào phòng thay quần áo. Tuấn ra đứng bên cửa sổ. Ngoài trời tối đen. Phía dãy nhà bên kia đường, một ánh đèn neon hắt từ khung cửa khép hờ ra ngoài, yếu ớt trong bóng tối, vạch một nét trên hè phố còn đọng nước mưa. Tuấn thấy lòng trống vắng như nhớ những gì không đâu trong quá vắng.

...Ăn xong, trên đường về Tuấn nói với Đạt :

— Thôi nhân tiện ông đưa tôi qua con đường ấy đi để tìm sẵn nhà mai tan sở về tôi tạt vào luôn cho tiện khỏi tìm kiếm lôi thôi.

Đạt nhìn Tuấn hơi ngờ vực nhưng rồi hắn cũng nhiều ý chàng. Hai người rẽ vào một con phố nhỏ tối tăm, những vũng nước mưa đọng lại bị bơm dưới chân. Đạt nhăn nhó than vãn.

— Ông tìm số mấy ?

— Đây rồi thì phải.

Tuấn nhìn mấy căn nhà xây cùng kiểu giống nhau mỗi nhà đều có một ngọn đèn điện treo bên ngoài trên khung cửa đóng kín. Nhà Nga là căn thứ hai. Ánh đèn vàng vọt soi đủ rõ tấm bảng số. Tuấn tần ngần nhìn màu cửa xanh xám trong bóng tối mờ mờ. Đạt nheo mắt :

— Chắc nhà của bồ cụ phải không ? Thảo nào cụ nóng tìm thế.

Tuấn mỉm cười, búng mẩu thuốc còn lại vào thân cây bên đường. Đóm lửa toé tung, tan vỡ và biến dạng. Một giọt mưa hay nước đọng trên cây rơi xuống trên cánh tay. Chàng nói :

— Thôi về không có mưa nữa thì phiền lắm.

Đêm hôm đó trước khi nhắm mắt dỗ giấc ngủ và nghe tiếng mưa lại đều đều rơi ngoài cửa sổ, Tuấn tưởng tượng đến khuôn mặt Nga tươi cười chào đón. Và đôi môi Nga cười quyến rũ thơ ngây, sao Tuấn thấy như giống một đôi môi nào đó...

oOo

Ngày làm việc đầu tiên ở tỉnh nhỏ dài vô-chừng, Tuấn đi chào hỏi tất cả những công chức cùng nhiệm vụ mà chàng sẽ phải chạm mặt đều đặn sáu ngày một tuần. Hôm đó trời không mưa, cũng không đến nỗi oi bức, lúc tan sở Đạt rủ Tuấn đi ăn phở, chàng khéo léo từ chối.

— Ông lại nóng đến gặp «em» chứ gì ?

— Biết đâu đấy — Tuấn nheo mắt cười.

Con đường nhà Nga còn một vài vũng nước, dấu tích của trận mưa hôm qua. Ánh nắng chiều nhạt dần trên những khung cửa giống nhau, vẽ những hình kỳ lạ bằng bóng lá cây. Tuấn dừng lại, đứng yên lặng chừng nửa phút rồi đưa tay gõ nhẹ nhẹ vài tiếng ngắn. Không thấy trả lời, chàng đợi một lúc rồi gõ ba tiếng nữa. Có tiếng dép kéo lê phía trong nhà. Tuấn định châm thuốc rồi lại thôi. Một âm thanh đặc biệt tiếp theo, chàng tò mò vén nhẹ tấm màn trắng, ngó vào : Gian nhà ngoài vắng không, một bộ bàn ghế, một lọ hoa. Khung cửa ngăn với gian trong được che bằng một bức màn trúc. Nhưng âm thanh kỳ lạ chàng vừa nghe chắc chắn không phải do bức màn đó gây nên, mà dường như do một bánh xe lăn, hay chiếc ly nào lăn tròn dưới đất. Tuấn đặt liên tiếp những câu hỏi, câu hỏi cuối cùng là nỗi e ngại : Có chắc đây đúng là nhà Nga không ? Lỡ mà ...

Như câu trả lời đúng chỗ nhất, bức màn được vén lên gây một loạt tiếng lách cách rồi Nga hiện ra giữa khung cửa. Tuấn đứng nép sang bên, đợi cánh cửa mở rộng. Nga nghiêng đầu ra ngoài, hỏi bằng giọng nói dễ thương nhất, quen thuộc nhất với Tuấn :

— Xin lỗi, ông muốn tìm.... Trời ơi, anh, anh Tuấn !

Trong một giây, Tuấn tưởng nàng ôm choàng lấy chàng, nhưng nàng chỉ nắm chặt tay chàng, lắc nhẹ đầu như không nói nổi câu thứ hai. Tuấn cảm thấy lòng ấm lại, niềm sung sướng êm ái nhưng cũng nồng nàn, giống y như một lần nào xa xưa, đợi mưa đến tìm người yêu..... Chàng dụi dụi mắt hỏi:

— Em ngạc nhiên lắm không ?

Nga vẫn lắc đầu nhẹ nhẹ, mãi sau nàng mới đáp run run :

— Em không thể ngờ được.... Sao..., sao anh chả báo trước gì cho em hết ?

— Anh đi vội quá, hơn nữa anh muốn dành một bất ngờ. Bây giờ anh lại muốn rủ Nga đi ăn với anh đây. Nga ăn cơm chưa?

— Rồi, rồi, nhưng mà được, anh đợi em một tý, em đi với anh.

Nàng quay người, định chạy nhanh vào nhà nhưng lại đứng khựng, bàn tay nàng lại nắm lấy tay Tuấn :

— Anh ở đâu ? Ở nhà ai ? Anh mới lên chiều nay hay.....

— Đờ chút nữa anh kể Nga nghe. Vào sửa soạn nhanh đi.

— Vâng, vâng, đợi Nga một tý, nhé. Một tý thôi anh.

Tuấn mỉm cười nhìn dáng nàng chạy vào nhà trong, những lời nói cuối cùng lẫn với tiếng lách cách của bức màn trúc. Chàng châm một điếu thuốc rồi kéo ghế ngồi. Chưa đầy mười hơi thuốc, chàng đã thấy Nga vén màn đi ra, hai tay còn gỡ mái tóc cột cao. Lọn tóc đen huyền xõa xuống bờ vai, in bật trên màu áo trắng xanh. Nàng mỉm cười :

Em mong anh ghê quá. Không biết chắc anh có lên không mà vẫn mong. Tuấn dụi thuốc đứng dậy. Hai người đứng yên trước mặt nhau một phút, Tuấn nghe rõ hơi thở Nga dồn dập. Nàng ngược mắt, đôi mắt lay láy vừa thơ ngây vừa lẳng lơ. Chàng đặt tay lên mái tóc óng mượt, vuốt nhẹ, rồi như một sức mạnh vô hình đẩy bàn tay chàng kéo mạnh người Nga vào lòng. Chiếc hôn nồng nàn những nhung nhớt cháy bỏng mãi trên môi tưởng không bao giờ dứt. Nga bỗng đẩy nhẹ chàng ra, hờn hờn :

— Thôi, đi anh, cho chị em ngủ.

Nàng bước nhanh lại phía cửa sổ khép hai cánh rồi làm hiệu cho Tuấn ra ngoài. Cửa đóng nhẹ. Tuấn ngạc nhiên thấy trên tay Nga từ lúc nào đã có một chiếc chìa khóa. Chàng càng ngạc nhiên hơn khi thấy nàng tra chìa vào ổ, vặn nhẹ nhẹ hai vòng. Nàng quay lại, đặt một ngón tay lên môi, nhìn chàng, ánh mắt tha thiết và huyền hoặc, như một thứ gì kỳ bí nhất. Tuấn kéo tay nàng, bước qua vũng nước nhỏ. Chàng thì thầm hỏi :

— Chị em có biết gì về chúng mình không ?

— Biết qua loa thôi, vì em đâu dám kể.

— Sao vậy ?

— Tại em sợ chị ấy.

Nàng ngừng một chút rồi tiếp như đề bào chữa :

— Chị ấy thương em lắm nhưng không hay nói chuyện với em... đúng ra, bây giờ chị ấy mới thể còn hồi bé tụi em ..

Nàng liếc sang chàng rất nhanh và ngưng bật. Tuấn nhận thấy một điều gì nhưng chàng không muốn hỏi gạn. Trời đã tối, đèn đã sáng lên trên những con phố nhỏ, trong những cửa hiệu, đèn rục rờ làm quang cảnh có phần vui hơn hôm qua rất nhiều. Tuấn nhìn Nga đang đi cạnh, chàng gặp nụ cười vừa nở trên môi nàng, nụ cười không đâu. Chàng nói nhỏ :

— Anh cũng nhớ em quá.

oOo

.... Tuấn dừng lại để châm thuốc. Trong đêm, giữa vùng khuất ánh đèn, đốm lửa sáng bùng soi khuôn mặt chàng như đang mờ đi trôi xa theo làn khói trắng. Nga nói, giọng trách móc :

— Anh hút nhiều quá. Từ lúc ăn xong ba điếu rồi đấy. Mai một... mai một chắc em phải giữ hết thuốc để phát dần cho anh mới được,

Câu nói và dáng điệu e thẹn của Nga làm Tuấn thấy trong lòng nao nao, chàng bắt giắc nghĩ đến cuộc đời trôi nổi của mình sẽ có lúc dừng lại, như một con tàu bênh bồng từ mấy mươi năm bồng một chiều tìm thấy bến nước êm ấm và neo lại. Những tháng ngày cuốn hút trong giông bão đời sống đã nhiều lần bắt Tuấn nhận ra nỗi mệt mỏi chán chường như vị đắng trên đầu lưỡi sau những đêm vui, và cũng bắt chàng mơ ước đến một vòng tay mềm của người yêu âu yếm trói buộc cuộc đời. Không phải lần đầu tiên Tuấn xây đắp niềm ước ao đó. Năm năm trước chàng đã tưởng con tàu thả neo vào bến, nhưng vòng tay đó không giữ lấy chàng. Nó biến mất lặng lẽ như một ánh sao băng quá vội, chẳng kịp để lời ước được nói trọn vẹn, và từ đó, những năm tháng trôi qua... Tuấn rít mạnh một hơi thuốc :

— Ba mẹ em đi đâu mà...

— Đi Nha Trang thăm ông chú em. Chắc vài bữa nữa mới về.

Hai người vào ngõ, im lặng đi thẳng đến trước cửa nhà Nga. Nàng dừng lại, tra chìa khoá vào ổ, vặn nhẹ nhẹ hai vòng rồi nắm qua bàn xoay chậm chậm. Một khe hở màu sáng xanh xuyên qua, lan rộng dần, cánh cửa đã được mở hết. Nga quay lại nhìn Tuấn :

— Em về nhé anh.

— Em không cho anh vào được à ?

Câu hỏi của Tuấn như làm Nga bối rối, nàng ấp úng :

— Được chứ.., Nhưng mà... khuya rồi.. Anh không về ngủ à, chiều mai lại gặp nhau, anh...

Tuấn cảm thấy nên nói thẳng ý nghĩ của mình :

— Anh có cảm tưởng là em muốn dấu gia đình em về chuyện chúng mình, anh không muốn lén lút vụng trộm như thế, vả lại anh thấy không có gì đáng che dấu cả, em không tin là..

Giọng chàng nói mỗi lúc một to hơn, Nga vội đưa một ngón tay lên môi, tay kia nàng nắm lấy bàn tay Tuấn :

— Em biết em biết. Em xin lỗi anh. Nhưng... nhưng mà khuya rồi, chị em đã đi ngủ, em sợ chị ấy dậy mắng em... Thôi anh về mai đi, đợi ba mẹ em về luôn thôi...

Những lời phân trần rồi rít của Nga chỉ làm Tuấn bực mình thêm. Chàng định nói một câu thật nặng để trách nàng thì từ trong nhà, trong buồng ngủ, vọng ra một tiếng gọi, tiếng đục và sắc bất ngờ làm cả hai người giật mình :

— Nga !

Nga quay ngoắt đầu nhìn vào trong rồi lại quay rất nhanh lại, Tuấn đọc thấy trong giây phút thoáng qua đó một sự lo sợ xen lẫn thất vọng ánh lên giữa đôi mắt đen láy của nàng. Và giọng nàng bỗng run run :

— Chị ấy dậy rồi. Thôi anh vào đây với em.

Bàn tay nàng vẫn nắm chặt tay Tuấn khi chàng bước qua ngưỡng cửa, rồi nàng chợt đứng sát lại vào gần chàng, áp môi vào tai chàng nói vội :

— Em phải thú... em phải nói trước để anh biết là chị ..

Câu nói không bao giờ chấm dứt vì ngay phút đó, một tiếng động dội đến bên tai Tuấn, tiếng động kỳ lạ dường như Tuấn đã nghe một lần : Tiếng bánh xe lăn, rất nhanh, từ trong nhà ra, dừng lại sau khi bức màn trúc được hất lên đột ngột. Và qua vai Nga, Tuấn nhìn thấy một người đàn bà ngồi trên chiếc xe lăn — chiếc xe của người tàn tật — hay tay vịn vào hai càng xe, và đôi mắt vừa chạm đôi mắt chàng, khi tiếng Nga vang lên hòa trong tiếng lách cách của bức màn trúc còn đang lay động :

— Anh Tuấn...Chị Thúy của em...

Nàng rời khỏi Tuấn để đi thẳng vào nhà trong, nói với lại một câu tiếp theo :

— Chị tiếp anh ấy dùm em để em đi rót nước.

Bức màn trúc lại được hất lên, Nga khuất vào phía sau đó. Ở phòng khách chỉ còn hai người đang nhìn nhau, không ai nói tiếng nào trong suốt một thời gian lâu như một thế kỷ. Rồi Tuấn nghe thấy từ đôi môi người đàn bà tàn tật mấp máy, một câu nói lạnh, lạnh buốt như ngọn gió nào vừa thổi qua cửa, thốc vào gáy chàng :

— Ông ngồi chơi.

Câu nói và cả ngọn gió như hai cánh tay thần thoại nâng bổng chàng lên, ném vút đi, bay rất nhanh, nhanh vô tả, về một vùng trời xa thẳm nào đó, đặt chàng xuống. Và Tuấn cảm thấy, từ giây phút ấy, chàng sống lại đầy đủ cuộc đời năm 22 tuổi.

oOo

Tuấn ngồi dậy, lấy một điều thuốc trong bao gài lên môi, cúi đầu khum tay đánh diêm, giữ cho ngọn lửa không bốc cao vừa liếm đủ cháy thuốc, thồi tắt và nằm xuống. Đêm tối bao la chung quanh. Mẩu lửa nhỏ loè sáng từng lúc, soi hồng lòng bàn tay. Bây giờ chắc quá nửa đêm. Đạt ngủ say ngoài kia, tiếng hân ngáy to bình thản. Chưa bao giờ Tuấn thấy buồn và cô quạnh đến thế. Gió lùa qua khung cửa sổ nhỏ đều đặn như thao thức. Tuấn nhớ lại lúc chàng hấp tấp chào từ giã Thúy, nắm tay Nga rất chặt rồi bước như lão đảo ra cửa. Có lẽ Nga sẽ hiểu lầm chàng, nhưng biết làm sao. Hình ảnh đập vào mắt chàng như một cái tát khủng khiếp lặn trên má khiến chàng muốn choáng váng. Bây giờ trở về đến nhà, nằm yên lặng một mình trên giường, bình tĩnh lại, cảm giác sừng sốt tốt độ ban nãy tan đi và biến thành nỗi chua xót tàn nhẫn. Một trăm, một ngàn câu hỏi ào đến nhảy múa trong đầu, Tuấn nhắm mắt gạt đi. Chàng muốn được giữ nguyên tâm trạng lúc đó, tâm trạng của kẻ nằm thiếp trên lưng con chim thần bí để bay về quá khứ, bay về một cuộc đời đã sống và đã chết. Chàng thì thào : Tôi ở đâu đây? Trong tiệm cà phê, trên gác, nhìn qua cửa sổ mưa phùn lất phất bay rồi nhìn nàng đang mở trên lòng một bản nhạc rách nát, cười : Nào, anh dậy em hát đi chứ? Hay là đang quàng vai nàng đi suốt con đường dốc nhà thờ xuống phố dưới, vòng quanh hồ đầy sương mờ nhạt cùng với khói thuốc : một đêm Noel không ngủ hát mãi những câu hát cũ thời thơ ấu : một ông sao sáng, hai ông sao sáng, ba ông sao sáng...?

Tất cả bắt đầu vào một chiều mùa mưa năm 22 tuổi. Người con gái co ro đứng dưới mái hiên nhỏ trú mưa. Mưa tàn bạo, mưa suốt một buổi trưa và day dứt đến tối. Người quân nhân về phép tình cờ đi qua đó, ngừng lại trước mái tóc buông xõa trước sưng quấy rầy, trước đôi mắt to đen e thẹn chớp chớp nhìn xuống, đôi mắt nồng nàn sưởi ấm lòng người ở xa về, đôi mắt say đắm đó đã theo dõi chàng suốt cuộc đời. Và mùa xuân đến, cùng với những ngày đam mê đầu tiên, em nhớ không ? Hình như năm năm trời không hề trôi qua. Đôi mắt em vẫn là đôi mắt huyền-diệu ngày đó tuy rằng hòa lẫn trong ánh mắt nồng nàn anh đọc thấy cả niềm cay đắng. Nhưng em chẳng đổi khác gì, năm năm qua không còn được nghe tiếng em hát anh chắc tiếng hát đó cũng vẫn thế. Tại sao chúng ta cùng yêu một bản nhạc ấy ?

Tại sao lại cùng say mê điệu nhạc ấy, lời ca ấy — lời ca của cuộc chia ly ?

Tuấn nhâm trong miệng những âm thanh cũ:... «lầu chiều còn luyến ánh hồng, lầu xây trong không, sóng gió rớt chia ly... phồn hoa em chia tay ra đi, đưa chân dừng bước bến cầu già từ mấy câu»... Chàng bỗng tự trách mình không đủ can đảm đề nghị lúc đó hỏi cho ra lý do cuộc chia ly âm thầm ngày trước. Tại sao bao nhiêu năm cách xa mà khi gặp lại không diễn tả nỗi nỗi vui mừng? Có phải là tại Nga? Có phải là tại cuộc gặp gỡ bất ngờ như một cái tát làm choáng váng tất cả? Có phải..

Điều thuốc đã tàn, Tuấn mỗi một điều tiếp theo rồi vạch màn búng màu thuốc cũ ra cửa sổ. Bây giờ có lẽ gần một giờ sáng, hay hơn nữa — Không cần biết? Chàng không thể tìm ra nổi một quyết định, một dự tính nào. Và Nga, liệu Nga đã biết chưa? Liệu nàng có đủ thông minh để đoán ra chưa? Hình ảnh Nga phút chốc bỗng như nhòa mất tan trong một hình ảnh khác. Và Tuấn chợt ngậm ngùi nhận ra một điều vừa lóc lên trong óc chàng. Từ ngày gặp gỡ, chàng đã chỉ yêu Nga qua hình ảnh của Thúy, chỉ yêu Nga vì những nét giống Thúy mà chàng không biết. Tại sao chàng lại gặp Nga ?

Tuấn thức suốt một đêm với những điều thuốc không bao giờ tắt, lóc đó trong lòng bàn tay, từng đường chỉ hồng trong đêm

oOo

Năm giờ chiều Tuấn tới bàn giấy viên chủ sự phòng xin phép được về sớm, lấy cớ bị sốt. Thật ra có ở lại thêm một tiếng đồng hồ nữa chàng cũng chẳng làm được gì với đầu óc như quay cuồng và thân thể muốn rã rời. Chàng phân vân không biết nên trở về nhà nằm lấu ra giường ngủ hay nên vào một tiệm nước nào đó uống ly cà phê phia đợi buổi chiều tàn. Nhưng chiều không tàn mà bị tan loãng trong cơn mưa bất chợt đổ xuống giữa đường. Tuấn đang ở ngay góc con phố dẫn đến nhà Nga. Và cơn mưa vô cớ như một bàn tay đẩy chàng tới đó. Đến lúc đứng trước khung cửa xanh đóng kín Tuấn mới ngỡ ngàng tự hỏi về lý do đến nhà nàng. Gặp Nga lúc này để làm gì? Hơn nữa, nếu lại gặp cả Thúy? Đầu óc Tuấn bình thản từ nãy như được cơn mưa rửa sạch bây giờ thốt nhiên lại quay cuồng, vẩn vù. Một tiếng sét làm chàng giật thót mình. Mưa mỗi lúc càng lớn, nước như xoáy chung quanh. Quần áo Tuấn sắp bị hắt ướt hết. Chàng cảm

thấy hai má lạnh ngắt, nước rỏ ròng ròng từ mái tóc xuống mặt, tất cả đem tới cho chàng một cảm giác xa vắng, niềm cô quạnh mênh mang hơn bao giờ hết bực kín lấy chàng. Bất giác bàn tay Tuấn đưa lên và hai tiếng gõ cửa khô khan vang động giữa tiếng mưa gió gào thét. Rồi Tuấn đứng im, chờ đợi, chờ đợi trong nỗi thất vọng không biết chờ đợi cái gì. Hồi lâu sau chàng lại gõ 2 tiếng khác. Nga chắc đang ngủ. Còn gì hơn là giấc ngủ êm ái ấm cúng giữa cơn mưa này. Tuấn nhìn ra ngoài trời. Con phố mờ đi, mờ thêm và dập dờn vì một giọt nước mưa rỏ xuống ngừng ngay mi mắt chàng. Dãy nhà bên kia đóng kín cửa, dòng nước chảy cuộn nơi lề đường, như một con sông trôi xiết về nơi vô định, bập bềnh trên mặt nước có vài chiếc lá úa trông giống những chiếc thuyền giấy xinh xinh. Tiếng mở khóa làm Tuấn quay ngoắt lại. Chàng muốn ôm choàng ngay lấy Nga, hôn nàng điên cuồng và chết ngay trong nụ hôn đó. Chàng muốn quên, quên hết.

Nhưng trước mắt chàng, giữa khung cửa mở rộng không phải là Nga mà là Thúy; Thúy ngồi lặng lẽ trong chiếc xe, một tay cầm chiếc chìa khóa, mắt mở lớn nhìn chàng. Một phút đồng hồ làm Tuấn muốn chết lặng, nghẹn thở. Rồi hai bàn tay Thúy lấn xuống cần kéo, bánh xe được lái vòng lại, chạy ngược về phía trong nhà. Chiếc xe dừng lại ngăn ngừ trước tấm màn trúc. Tuấn thấy mái tóc Thúy chải rẽ sang hai bờ vai lộ cái gáy trắng nõn, và lúc đó dường như cả hai bờ vai nàng rung rung. Chàng bước vào hấp tấp như bị đẩy bởi bàn tay vô hình nào sau lưng. Bàn tay vô hình đó tiếp tục đẩy chàng đến sát chiếc xe, sát người đàn bà ngồi trong xe. Tuấn quỳ một chân xuống đề mặt ngang tầm với mặt nàng nhìn nghiêng, gọi khẽ:

— Thúy !

Tiếng gọi vang lên như ngân mãi trong gian phòng, xóa nhòa tiếng mưa rơi ngoài kia, xóa nhòa cả những năm tháng xa cách, trả lại Tuấn đầy đủ tâm hồn cũ niềm say mê cũ của mối tình đầu tiên.

Người con gái xoay mặt lại, đôi vai nàng vẫn rung rất mạnh nhưng mắt nàng ráo hoảnh nhìn chàng. Ánh mắt soi thấu qua đôi mắt Tuấn làm chàng rùng mình, tất nghẹn những lời định nói và chàng im lặng nghe, từ đôi môi nàng, đôi môi khô làm chàng xót xa nhớ bao nhiêu kỷ niệm ngọt ngào, những lời thốt ra lạnh lẽo bằng giọng nói run run. Tuấn nghe tiếng thì thầm quen thuộc đó như của một người nào khác, một người hoàn toàn xa lạ :

— Tôi cũng đang muốn gặp anh.

Nàng ngừng một phút và nhắc lại :

— Tôi cũng đang muốn gặp anh để nói hết, nói hết một lần cuối cùng, để từ nay tôi không còn ân hận gì nữa.

— Thúy !

Nàng đưa một bàn tay ngăn chàng lại :

Anh đợi tôi nói nốt đã Dẫu sao năm năm t rời nay chưa bao giờ tôi ngờ rằng còn có dịp gặp gỡ này thật tình không bao giờ. Anh đã hiểu vì sao hồi đó tôi lặng lẽ bỏ đi chưa ? Chắc anh hiểu rồi chứ gì? Mà thôi để tôi kể hết. Tuấn đã cảm thấy bình tĩnh lại. Có lẽ giọng nói của nàng đã giúp chàng bình tĩnh. Chàng

lấy một liều thuốc, đánh diêm châm hút và im lặng ngồi nghe, tiếng mưa và tiếng nói.

Trước tiên phải nói ngay điều này có lẽ anh chưa biết: Nga và tôi chỉ là chị em cùng cha khác mẹ. Chúng tôi thương nhau lắm, có lẽ vì tôi mồ côi từ hồi lên hai và ba tôi tục huyền sớm, người ta dẫu điều đó cho mãi đến năm mười bốn tuổi tôi mới tình cờ biết được. Chính từ ngày đó người mẹ ghẻ — tức là mẹ của Nga bắt đầu đổi cách đối xử với tôi. Năm mười chín tuổi tôi bỏ nhà đi sống với ông chú ở Dalat -- chú Lâm đó, anh còn nhớ không? — Hai năm sau mình gặp nhau, lúc đó ba tôi không hề biết tôi ở đâu, hình như ông cũng không cần biết, ông coi tôi như đứa con đã chết rồi. Nàng ngừng lại. Hình ảnh một giọt nước mắt vừa hiện lên ở câu nói đó, Tuấn có cảm tưởng nàng nghẹn ngào. Một lúc rất lâu: ngày anh đi hành quân ở Darlac chính là ngày tôi bị tai nạn. Trong nhà thương ra tôi dẫu không cho ai biết hết, ngay cả chú Lâm tôi xin được đưa về nhà cũ. Thật ra không bao giờ tôi còn muốn trở về đó nhưng biết sao, tôi chẳng còn cách nào hơn. Anh hiểu tại sao không?

Tuấn dụi thuốc vào bánh xe, yên lặng. Nàng nghiêng đầu qua phía khác,

— Bởi vì tôi muốn anh không thể tìm ra tôi nữa. Tôi yêu cầu ba tôi, dì tôi và Nga giữ hết sức kín sự có mặt của tôi trong căn nhà này, thậm chí đến láng giềng cũng không thể biết. Tai nạn của tôi làm gia đình tôi đổi hẳn thái độ và chưa bao giờ tôi được thương yêu đến thế—Có lẽ là thương hại thì đúng hơn. Tôi sống năm năm trời như vậy, thui thui trong gian phòng riêng. Nga là người gần gũi tôi nhất, tôi muốn nhờ nó, nhờ cái cuộc sống thảm lặng này để quên hết—Quên cả anh nữa. Nhưng đến bây giờ tôi mới biết,...định mạng chưa cho tôi được...

— Thúy!

Tuấn đặt tay lên bàn tay của nàng đang nắm chặt cần xe, bàn tay trắng xang gầy guộc. Chàng tưởng nàng hắt ra. Nhưng không, tay nàng rung dề yên. Chàng nắm chặt lại, nắm chặt những ngón tay nhỏ bé đó như đã nắm một lần, 1 ngày nào xa xôi. Chàng nói dụi dàng:

— Thúy, nghe anh nói đây. Em tưởng chỉ có mình em sao? Không phải đâu Thúy. Anh cũng đã tưởng thế, nhưng bây giờ thì anh biết rõ lắm, anh không thể quên được em, anh yêu Nga là yêu qua hình ảnh em, từ sau ngày giải ngũ anh đi tìm em khắp nơi nhưng không thấy, anh đã tưởng em chết và chẳng bao giờ còn gặp được em. Nhưng có những lúc ngồi một mình, anh cảm thấy em không thể chết được, nhất định em còn sống, nhất định sẽ có một ngày anh gặp lại em. Và bây giờ, gặp lại em thật rồi, anh muốn nói ngay với em một điều.

Tuấn có cảm tưởng như một bàn tay nhỏ bé vừa đặt lên tay chàng. Hai bàn tay nắm tay Thúy, chàng nhìn nàng, Từ đôi mắt đen láy đang mờ đi, hai giọt nước mắt ứa ra, nhỏ xuống rơi trên tay chàng. Và đôi môi nàng đang mím chặt. Tuấn tìm lại đầy đủ hình ảnh người yêu năm năm trước, tất cả hình ảnh thơ ngây và say đắm của nàng, chàng có cảm giác như đang ngồi với nàng trên căn gác cũ

thuở đó, nhìn ra ngoài trời bão đục trắng và hát thì thầm. Giọng chàng lạc đi :

— Thúy, em còn nhớ bản Tạ Từ không, em còn nhớ chứ ? Nhớ một thứ đó thôi nghe Thúy, quên tất cả những thứ khác đi. Từ bây giờ, không bao giờ mình còn xa cách nhau nữa. Thúy ơi, em còn yêu anh không ?

Bàn tay chàng buông tay nàng, đưa lên, kéo đầu nàng ngã vào vai mình. Chàng quàng lấy vai nàng, ghì chặt. Mùi tóc nàng vẫn thơm ngát như năm năm trước, thơm ngát như lan rừng ở cao nguyên. Nàng nức nở, nước mắt thấm qua lần áo vai Tuấn làm chàng thấy ấm hẳn lại. Nàng thăm thẳm, dứt quăng :

— Chưa bao giờ em yêu anh bằng lúc này . . . em . . . em khóc suốt đêm qua anh biết không ?

Tuấn nâng mặt nàng lên, nhìn mắt nàng long lanh, nhìn đôi môi nàng bỗng trở lại ướt mọng như ngày cũ, nhưng đúng lúc đó, một tiếng động ở cửa làm cả hai người giật mình. Thúy gọi thảng thốt :

— Nga !

Tuấn hốt hoảng nhìn ra, nhưng không, chỉ là cánh cửa sổ bị gió đập mạnh đóng sập vào. Cả người Thúy vẫn run bần trong tay chàng. Lấy lại bình tĩnh Tuấn định nói một câu an ủi nàng nhưng chàng ngạc nhiên thấy nàng gỡ tay chàng, đẩy nhẹ chàng ra, ngồi thẳng lại. Chàng bỏ ngỡ, ngượng ngùng. Nàng ngoảnh mặt sang phía khác như muốn trốn đôi mắt chàng.

— Thúy !

— Anh đi về đi.

Tiếng nàng nói nhỏ, rất nhỏ nhưng cứng rắn như một mệnh lệnh. Và sau mệnh lệnh đó là tiếng nức nở. Nàng gục đầu xuống, úp mặt trong tay.

— Thúy, đừng làm thế, không có gì mà

— Không. Anh về đi. Không thể được đâu. Nga nó sắp về thật rồi. Anh đừng làm khổ em. Đi, anh về đi.

Tuấn không thể hiểu nổi nàng nghĩ gì. Nhưng có một điều chàng thoáng nhận thấy một cách chua chát, là tiếng động ở cửa vừa rồi, tiếng động mà cả chàng lẫn Thúy đều giật mình tưởng là bước chân Nga, chính tiếng động ấy dội lên bất ngờ gợi lại hình bóng của Nga, nhắc đến sự có mặt của Nga mà này giờ chàng quên mất. Nga được nhắc tới như một bức tường ngăn cách chàng với Thúy, như một ngọn gió quạt tan vùng sương mù của dĩ vãng. Tuy nhiên

— Em phải trả lời anh lần cuối đã Thúy !

— Em lạy anh, anh quên hết đi. Quên hết những điều em vừa nói. Em không thể . . . Anh coi như em chết rồi, anh phải nghĩ đến Nga.

— Tại sao em lại . . .

— Anh về đi.

Tiếng quát của nàng nghe như nghẹn trong nước mắt. Tuấn chán nản đứng dậy, ra tới cửa chàng dừng lại, dần giọng nói một câu cuối cùng :

— Ngày mai anh sẽ trở lại, Em nghĩ kỹ rồi trả lời anh ; điều cần nhớ là anh

đã quyết định rồi, anh chỉ còn chờ em.

Mưa vẫn tầm tã trút xuống, nhưng Tuấn không thể nán lại thêm nữa. Chàng kéo cao cổ áo, bước qua vũng nước bên lề đường. Chàng cảm đầu đi thẳng về nhà, hai tay trong túi quần; mặt ướt sũng nước và hai má lạnh ngắt. Nhưng chàng có cảm tưởng một cơn sốt đang dâng lên, bao trùm khắp cơ thể. Phía sau lưng trong ngôi nhà đó, người đàn bà ngồi như pho tượng cầm thạch huyền bí của một thế giới nào xa lạ

Mưa day dứt suốt đêm hôm ấy và trong giấc ngủ chập chờn Tuấn mơ thấy hình bóng một con ngựa trắng bay qua.

oOo

Đạt quăng bao diêm cho Tuấn và ngắm chàng :

— Hôm qua ông không ngủ được hay sao mà tôi thấy mắt ông quầng thâm thế ?

Tuấn mỉm cười :

— Ông ngủ say, ngáy như sấm mà biết gì ?

Đạt phá lên cười. Hắn định nói gì đó thì chốt cửa phòng mở toang. Viên chủ sự hiện ra, tay cầm điều xi gà, chỉ Tuấn :

— Ông Tuấn có cô nào đến hỏi gấp kia.

Tuấn bàng hoàng đứng dậy, gạt xấp báo sang một bên đi vội ra cửa. Chàng linh cảm thấy một chuyện không hay.

Nga đứng đợi chàng ở ngoài sân, bên luống hoa. Thấy chàng đôi mắt nàng bừng đỏ hoe. Nàng nói, tiếng còn tiếng mắt :

— Anh Chị Thúy em tự tử đêm qua. Anh đến với em em sợ quá.

oOo

Tuấn ngồi yên như thế rất lâu trên giường. Tấm chăn đã được kéo xuống, khuôn mặt Thúy bình thản và ngây thơ như đứa bé được ru ngủ say. Đôi mắt nàng đã nhắm lại, trên niêm mi như còn long lanh những giọt nước mắt. Tuấn kéo tấm vải phủ kín khuôn mặt đó. Chàng với tay lấy ống thuốc rỗng không trên chiếc tủ con kê sát giường. Cạnh ống thuốc.

Đó là tấm ảnh của Thúy lồng trong khung kính. Tấm ảnh chàng đã chụp cho nàng ở Đà Lạt. Một bàn tay đặt lên vai chàng. Tuấn quay lại. Nga đưa chàng một chiếc ly nước uống dở. Đáy ly còn đọng lại chút cặn màu đen, Nàng nức nở :

— Ly nước của em, hôm qua chị ấy pha cho em một viên thuốc vào đây, vì thế em ngủ say không

Tuấn vòng tay ôm lấy vai Nga dịu dàng như ôm một đứa em gái nhỏ. Chàng muốn nói Nga biết là : Thúy đã quyết định và nàng không muốn bị ngăn trở bởi một sự tình cờ nào nữa. Nga gục đầu vào vai chàng. Tuấn nói nhỏ và nghe giọng mình nghèn nghẹn :

— Chị Thúy có để thư gì lại cho em không ?

— Không . . . Bây giờ em mới nhớ . . . tối qua trước khi đi ngủ chị ấy hôn em và dặn đi dặn lại một câu : lúc ấy em không hiểu ; Anh Tuấn, chị ấy . . .

— Chị ấy dặn sao ?

— Chị ấy bảo : Em phải cố tìm cho được hạnh phúc . . . Tuấn ngồi im một lúc. Rồi chàng nói rất chậm :

— Thôi Nga, đừng khóc nữa. Em bình tĩnh nghe anh đây. Anh kể cho em nghe một chuyện . . . một chuyện cổ tích, nào, nhìn anh, Nga.

oOo

Mưa bắt đầu trút xuống nơi lưng đèo. Tuấn không muốn kéo cửa kính vào, chàng ngồi im cho mưa tạt tàn bạo trên mặt, nghĩ đến những ngày sẽ sống, nhớ lại câu nói với Đạt khi đệ giấy xin thôi việc, sau đám tang của Thúy :

— Làm gì mà cậu kính ngạc thế ? Có lẽ tớ sẽ xin tái-ngũ, cậu ạ.

Chàng lại nhớ đến những câu cuối cùng nói với Nga, khi nàng ngược lên nhìn, đôi mắt ngơ ngác, nước đọng ở riềm mi, như những hạt kim cương :

— Em hiểu ý anh không ? Bây giờ giữa chúng ta đã có một khoảng cách chẳng bao giờ vượt qua nổi. Em đừng buồn, em cứ coi anh như . . . như một giấc mộng đã xa, vì... anh còn nhớ câu này của một văn sỹ Mỹ : « Một giấc mộng chỉ đẹp bởi nó quá ngắn ngủi ». Hiểu anh chưa Nga ?

Chiếc xe quành nhanh, xuống đèo. Tuấn nhìn lại lần cuối cánh rừng thông bao la đang lùi xa dần, chắc chắn bao giờ chàng còn trở lại ngọn đèo này, với rừng thông, với ga Eo Gió . . . Tuấn châm thuốc, hát nho nhỏ một mình mà như hát cho một người nào đó nghe :

« Mỗi khi vang âm ngàn phương, nhạc chinh nhân trong chiều sương. Em có mong giòng sông Cửu vẫn xuôi niềm thương ? Tình anh như thông đầu non, vời cao trong mây buồn đứng, muôn kiếp cô liêu, ngàn năm còn reo. »..

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

TÌM ĐỌC

TAM CÁ NGUYỆT - SAN SỬ - ĐỊA SỐ 3

đã phát-hành tại các hiệu sách lớn toàn quốc

SỐ ĐẶC-KHẢO VỀ TRƯƠNG-CÔNG-ĐÌNH

với nhiều biên-khảo giá trị của :

Phù Lang, Trương bá Phát, Lê Thọ Xuân, Bùi Quang Tung
Hồ Hữu Tường, Vương Hồng Sển, Tố Nam, Nguyễn Đình Diệm

Mỗi số 30\$

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THUY-SĨ

HIỆU



HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu - Téléphone 1 20-821 - SAIGON

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.D.C.

Quê tôi nơi nào ?

bút ký của Đắc Hưng (3)

VỀ PHÚ-QUỐC

Quần-hùng đảo

Ra khỏi thân máy bay, tôi ngàng nhìn những đồi núi xanh, Phú-Quốc có vừa đúng 99 quả đồi và đỉnh núi, biển xanh lấp lánh và không gian bọc gió phấp phới nắng vàng. Một cái gì tươi mát ào tới khiến tôi tự động hít một hơi dài căng lồng ngực và da thịt được vuốt ve làm tôi nao nao nhớ tới những sợi nắng hanh vàng, những làn gió heo may của một ngày trời thu đất Bắc. Biết bao giờ mới được đặt chân xuống phi trường Gia-Lâm để ra đón xe ca Hà-Nội Sơn-Tây và nói với bác tài cho đỗ lại nơi con dốc bờ đê sông Hát. Tôi muốn được nói một câu theo ý nghĩ, nhưng không có ai, ngoài mấy người lính Mỹ trong phi hành đoàn đang lúi húi cột những sợi dây buộc sẵn ở dưới đất vào cánh con tàu cho gió khỏi lôi đi. Chiếc máy bay thật xinh xắn, sơn màu trắng chuyên dùng trong các phi vụ quan sát, thể mà cũng có dưới mỗi bên cánh một nồi hỏa tiễn hay phi đạn gì đó. Đạn chưa nổ nên hiền khô như buồng trứng.

Tôi bỏ phi trường, hoang vắng giữa màu xanh, lác lõng một chút màu trắng xọc kẻ với màu đỏ của chiếc ống gió đang

bay, căng phồng như đùi một thiếu nữ mặc đồ bó sát. Một con đường đi từ phi trường vạch giữa bãi cỏ hoang chạy về phía có những mái ngói những màu tường vôi lố nhố phía xa. Khanh đã cho biết ở Phú-Quốc không có một chiếc xe nào chở khách. Quận lỵ nhỏ bé, vài con phố mà, cần gì xe. Cả đảo chỉ có bốn chiếc xe hơi, trừ hai chiếc xe vận tải chở đá làm đường của Chi Công-chánh. Đã biết trước như vậy, nên tôi lững thững đi bộ, với túi hành-lý trên vai không lấy gì nặng lắm. Nhưng người đàn bà từ trong quận trở ra, với những đôi quang nhẹ tênh. Một vài món hàng mới mua. Một mớ cá bạc má sáng loáng như mảnh tôn. Họ là đám dân Nùng mới được di-chuyển tới định cư nơi đây. Trông họ thật thanh thản. Họ đã vẽ lại cho tôi những nét đẹp trong các câu thơ của Tế-Hanh xa xưa.

Nhưng sự mơ mộng của tôi chỉ chợp đủ thời gian lóe lên một chút để lại phụt tắt. Trên đầu tôi, một chiếc máy bay trinh sát đang nhào lượn lanh lẹ xuống khe các quả đồi trước mặt. Có tiếng trọng-pháo câu từ ngoài khơi, nổ tung trên những lùm cây xanh. Những nắm khói cuộn lên. Những tiếng nổ dội vang

chập chùng nhiều đợt, tưởng như đã có thứ đạn nổ nhiều lần. Rồi bên đường tôi đi là những hàng dây kềm gai giăng. Một chòi gác ở trên một ụ đất cao có mái tôn và những chiếc poncho buộc túm vào đầu cừ nhô khỏi mặt đất như những cánh tay hoan hô, đá đảo. Một anh lính, áo bỏ ngoài quần, đi đôi dép Nhật đang nô rồn với một con khỉ khá lớn. Con vật này chạy quanh sợi giây xích kêu khếch khếch. Anh lính cũng bật những lên tiếng cười khếch khếch.

Anh đang có nhiệm vụ canh gác cho một doanh trại mà cái bảng vàng óng nhìn ra đường, nổi hẳn mấy chữ màu đen cứng cõi đầy vẻ ăn chắc: Trại Cứu Sùng. Cái tên thật cách mạng. Như hôm nào được nhìn trên báo Sống, tấm ảnh chụp một trại lính mang tên Chu Tử..

...Vừa đi vừa nghĩ lầm cầm như thế nên khi nhìn thấy cây cầu sắt đen thui chắn ngang tầm mắt bằng khúc lưng uốn cong như bụng vũ nữ Thụy-Thủy tôi mới hay đã vào thị trấn. Một giòng sông nhỏ, trong xanh uốn cong nhiều đoạn, êm đềm như lời ca, như lòng nói, ru ngủ biết bao con thuyền nằm đổ suốt hai bên bờ, sau những chuyến ra khơi, hải hành mệt nhọc. Những dãy nhà san sát. Một tòa nhà đồ sộ làm chợ cá Dương Đông, chea chực và đầy ắp những người với lưới. Lời Kiều dặn, nhớ mua nước mắm nhé. Có nước mắm Phú Quốc em sẽ mua giò chả anh ăn với cơm gạo tám. Tôi nhìn quanh, hít một hơi nhưng chưa thấy một tí hương thơm nào của những vò nước mắm.

Cùng một lúc ấy, tôi lại nhớ lời Khanh, cậu yện chí Quận sẽ biểu mỗi vị tới viếng Đảo hai chai nước mắm là quà kỷ niệm. Đó là tục lệ đã lâu năm của Đảo. Móa có thể nói hầu hết các vị tướng

lãnh mới và cũ đều đã đặt chân tới đảo này, mà lại nhiều lần. Có nhiều tướng đi đâu ngang bồng tạt xuống. Họ liệng máy bay vài vòng trên quận để báo tin. Quân chạy ra, nhiều khi phải chạy bộ tới phi trường thì nhờ ra hiệu cho phi cơ đáp, vui lắm. Việt Cộng lại từ núi bắn ra chóc chóc nữa chứ. Tôi hỏi vậy đã có máy bay nào nào chưa. Khanh lắc đầu, nghe nói hồi năm-tư, đình chiến, có một máy bay bị bắn, đâm xuống và đốt cháy luôn cả mấy chục mạng hành khách.

Qua cầu, tôi ghé vào một tiệm cà phê giải khát. Trong tiệm không có ai, trừ một mình ông chủ đang ngồi sờ râu, lơ đãng nghe những bài hò cổ động bầu cử từ loa phóng thanh vang tới, Tôi bắt đầu gọi chuyện :

— Ở đây nhiều người ứng cử không, bác?

— Có thấy ai đâu. Mấy ông ở Rạch-Giá chưa ra mà.

— Nhưng bác đã chọn được ông nào đề bầu chưa ?

— Chưa. Ông nào mà chẳng thế. Tôi thấy ông nào có phiếu đề trên cùng là dân người ta bỏ cho ông ấy à.

Tôi tỏ vẻ thắc mắc :

— Như vậy thì làm sao chọn được người đại diện xứng đáng ?

Ông chủ quán cười. Hai bàn tay rời khỏi cằm, hững giữa khoảng không bồng tạo một nét đẹp của một nhà hùng biện :

— Thế nào là đại-diện xứng đáng ? Khi ứng cử thì mới thấy mặt các ông, được nghe các ông nói ngon ngọt, nhưng rồi là rồi luôn. Trước đây, có ông dân biểu ngô lắm. Ông ở tuốt Saigon, chờ dịp tết lễ là gửi thiệp về cho mấy ông đại diện. Có một ông đại diện chết queo từ nửa năm mà bà vợ ông ta vẫn nhận được

thiếp chúc mạnh khoẻ sống lâu của ông dân biểu.

Nói xong một hơi dài, ông cười, tiếng cười lớn, hồn nhiên như trong cơn say. Nhưng, bỗng mọi nét răn trên mặt ông lắng ngay lại. Ông dương mắt nhìn tôi như bây giờ mới thấy. Rồi ông hỏi thật khẽ :

— Xin lỗi thầy, có phải thầy là... là ở Kiên Giang mới ra ?

Tôi chợt hiểu nỗi lo lắng vừa làm thót tim ông chủ quán bởi chót nói một câu thành thật. Tôi vội bung ly cà phê, uống một ngụm. Vị cà phê vừa khét vừa đắng nhưng tôi cũng cố mỉm cười.

— Không phải đâu. Tôi ở mãi Sài Gòn lận. Đi du lịch đó mà.

— Du lịch hả. Mùa này biển động mà. Vội lại bây giờ lộn xộn lắm, thầy ơi, du lịch làm chi ?

— Lỡ ra đây rồi, làm sao giờ.

Sau đó, tôi hỏi thăm nhà ông Cù Trinh, rồi xách hành lý ra đi. Lúc bước ra ngưỡng cửa, ông chủ quán còn đi theo đằng hắng rồi hỏi thêm, vậy chắc thầy tới đề lo về bầu cử. Tôi đáp không, cùng với cử chỉ lắc đầu. Tuy thế, tiếng nói của tôi chưa làm hai bàn tay ông thôi xoa vào nhau và một chút bóng đen trong mắt mất đi.

Theo lời ông chủ quán, tôi lững thững đi về phía đầu phố. Con đường như lâu lắm mới lại gặp một ngày nắng ráo, đất mịn chặt hồng hào như cánh tay người ngư phủ thanh niên, Những tấm lưới ny lông trải phơi trắng phau. Trong bóng mát của những gốc cây, người ta ngồi vá lưới với nhau vui vẻ. Tôi hỏi thăm và thuê được căn phòng không khó khăn. Cất hành lý xong, tôi lại tiếp tục thả lỏng bước chân trên những con đường

phổ mát rượi gió biển và bóng cây bao quanh những căn nhà cao cảng. Đời sống hải đảo có vẻ thanh bình quá. Những người lính trong phố giống như những du khách. Tuy bên hông vẫn có lựu đạn, dao găm nhưng tay họ có thêm những thứ khác ngoài nghề nghiệp như một chiếc cần câu, một con khỉ nhỏ chạy lon ton theo chiều dây xích.

Nhưng như thế tôi mới chỉ ghi nhận được những nét vụn rời về Phú Quốc. Phải tới lúc vào chợ ăn cơm trưa, tôi mới thấy suốt gian chợ loạn lên với những người vận binh phục. Thật nhiều. Từng tốp quây quanh những chiếc bàn, phơi bày đủ mọi thứ quần áo nguy trang và dấu hiệu binh chủng. Nhưng dù sao họ vẫn có một điểm chung là họ chứng tỏ một điều, quân cảnh không có mặt trên đảo. Tôi đang vắn vơ ngó liên đề kêu món ăn, thì một bàn tay chộp vào vai tôi :

— Sao cũng có mặt ở đây, cụ ?

Tôi giật mình, ngừng lên, một khuôn mặt quen đang rạn rở trong tiếng cười :

— Sao bạn cũng lại có mặt ở đây hả ?

Anh bạn thân từ thuở còn học lớp đệ tứ luyện thi, kéo ghế ngồi xuống, vẫn không dứt tiếng cười :

— Đây là quần hùng đảo mà, sao lạ ? không có tớ. Thế cậu bị bắt lâu chưa. Tôi tròn mắt :

— Ai bắt ?

Anh bạn ngàng mặt :

— Tớ tưởng cậu ở trong Trại Cứu Sừng cùng những người anh em lộn xộn ở ngoài Trung vừa qua. Không phải à ? Thế ra lo bầu cử à ?

...Quán cơm không còn sức để chứa người thêm nữa. Năm ông đại úy đi với nhau, đứng nhìn một lúc rồi quay đi.

Tôi dụi mắt vì khói tỏa quần mù mịt và chấp chới trong những tiếng nói ìm ìm và tiếng ca ve vượt ân tình của một người con gái thành thị từ máy thu thanh của một anh lính mang theo. Tôi nói :

— Lính ở đây hình như hơi phong phú, phải không ?

— Cũng hình như vậy thôi, vì thấy cái đảo nhóc này mà mình chỉ ở gọn có ba chòm nhỏ. Ấy là tiểu đoàn Biệt-động mới rút đấy, cậu ạ.

... Quần hùng đảo mà.

Lúc đó tôi chợt nhìn thấy mấy người lính gần chỗ, mặc đồ rằn ri, ống túm như loại quần cao bồi của mấy anh thiếu nhi thành phố vẫn diện. Đặc biệt trên vai áo, có mảnh vải trắng hình đen chiếc xương sọ và hai xương chéo, phụ đề thêm hai chữ MF.

— Loại gì đây cậu ?

— Biệt-kích Mỹ.

Tôi ngần người, nhìn hai khuôn mặt non dại đang vương nhưng sợi khói từ điếu thuốc gần trên môi. Cả hai mái đầu đều rối bời, lòa xòa phủ kín gáy. Ánh mắt một đứa vẫn chan chứa màu trong

sáng, chẳng khác những đôi mắt tôi thường gặp trong các sân trường. Tiếng người bạn :

— Lương tháng tên binh nhì cũng sáu ghim nên gì mà không ham. Học hành làm chó gì, kiếm được cái bằng phổ thông tú tài, đi làm thư ký chắc có bằng chưa. Tớ gặp mấy ông trong phố than lắm, nhớ có ngày con cái họ bị trận đòn là bỏ nhà vào biệt-kích mất.

Quán ăn mỗi lúc một đông thêm. Ở ngoài cửa, một toán sáu ông đại-úy bá vai nhau đứng chờ bàn. Nhiều người sốt ruột phải sang quán bên cạnh thọc bi da an ủi. Lúc này mọi cửa hàng quanh chợ đã đóng cửa, nên khu phố nơi quán ăn tôi đang ngồi, chỉ còn lính với lính. Và không gian vang dội những tiếng loa hò cò động bầu quốc-hội. Anh bạn bỗng vỗ vai, chỉ cho tôi nhìn một quân nhân đang đi bên đường. Vẫn màu rằn ri, áo bỏ ngoài quần, và mái tóc xoắn gọn sóng hào-hoa :

— Chúa đảo quần-hùng đó.

(Còn tiếp)

ĐẮC HÙNG

Kỳ sau : Đêm trăng trên đảo

Nhà xuất bản TRÌNH-BÀY, ngành dân-tộc học

đã phát hành :

NGHIÊN CỨU VIỆT-NAM số 3

gồm những công trình nghiên cứu, biên khảo của :

TRẦN VĂN KHÊ — NGUYỄN HỮU BA — LÊ TỬ THÀNH — THUẦN PHONG — NGUYỄN BẠT TỤY — TOAN ÁNH — TRẦN KIM THẠCH
LÊ VĂN HẢO — PHẠM THÚY HOAN

Chủ trương biên tập : LÊ VĂN HẢO

Giá 45 \$

Chống biểu - tình

Vừa thấy ông Bạch bước vào phòng giáo-sư, — chưa kịp bỏ mũ, — ông Tuấn hỏi ngay :

— Sao ? Tình-hình ra sao ?

— Ông Bạch nhún vai :

— Còn rối lắm. Chưa yên được.

— Thái độ của ông Tỉnh Trưởng ?

— Cũng như của Chính-Phủ. Chưa có thái-độ gì rõ rệt. Muốn biểu tình thì cứ đề tự do cho mà biểu-tình. Chỉ cần quân đội canh gác ở các công sở quan-yếu như Tòa Tỉnh-Trưởng, đài phát-thanh, Ty-Thông-Tin, Ty Bưu-Điện, Ty Ngân-Khố. Cứ kéo vài vòng dây kẽm gai rồi đặt quân-đội đứng chia súng nhìn ra. Cắm một tấm bảng chữ đỏ « Ranh giới quân-sự, cấm vượt qua. »

Có tiếng xe gắn máy nổ rầm chạy từ cổng trường vào đến hiên. Rồ ba bốn tiếng diếc tai rồi mới chịu im. Trong tiếng xe nổ như có lẫn lộn sắt vụn xáo trộn. Không ai lắng tai tiếng xe của ông Cương.

— Đợi anh Cương vô hỏi thử. Anh hay có những tin đặc biệt, — lời ông Bạch.

Ông Cương có đủ thì giờ để chụp cái mũ ni-lông lên móc. Tháo cái gương đen to như gương phi công bỏ vào cặp. Kéo ghế ngồi chững-chạc.

Ông Bạch và ông Tuấn ngồi im lặng như đang nghĩ gì đâu đâu. Làm thầy giáo thì có nhiều điều để lặng yên suy nghĩ lắm. Chẳng hạn sức hút thủy-triều của mặt trăng , phải căn cứ theo định-luật vật lý nào mà giảng? Chẳng hạn đã cuối tháng rồi mà cột diêm dành cho môn dạy của mình còn trống toang, phải làm sao mà lấp kín trong hai giờ. Chẳng hạn đêm trước mắc khách bài chấm chưa kịp, lát nữa phải giải thích cách nào cho xuôi, chẳng lẽ cứ đổ thừa hoài cho nạn cúp điện.

Ông Cương đưa cặp mắt nghi kỵ nhìn hai người bạn. Sao ngồi im như hèn thế kia ? Ông đâu có ngờ rằng chính ông sắp mắc bẫy. Bạch và Tuấn biết tính ông ba hoa không thể cất giấu một tin tức nào vừa nghe được nên họ làm bộ

không lưu ý đến ông. Đợi ông tình nguyện nói ra. Và quả đúng như vậy, như một con cóc xăm xăm bước trợn hai chân vào bầy, ông Cương bình-tĩnh rời gọn vào trận đồ của họ :

— Tình hình lộn xộn quá, hờ hai anh. Bữa nay sẽ có biểu tình nữa. Tám giờ thì đoàn biểu tình sẽ xuất phát từ trường công lập Trần Hưng Đạo. Hai trung đội biệt động quân đã có lệnh trấn đóng ở góc đường Hoàng Hoa Thám — Bá Đa Lộc và góc Bá Đa Lộc — Tô hiến Thành.

Ông Bạch làm bộ không lưu ý lắm :

— Chắc gì có biểu tình thật.

— Sao lại không chắc. Tòa Tỉnh đã được báo cáo từ chiều hôm qua.

— Như vậy là sáng nay mình được nghỉ ? ông Tuấn hỏi.

— Được nghỉ hay « bị » nghỉ ? Mình dạy trường tư mà cứ được nghỉ kiểu này thì coi như nghỉ dài hạn không lương.

— Coi chừng. Nói nhỏ nhỏ một chút. Ở đây tai vách mạch rừng. Lực lượng biểu tình sẽ hỏi tinh thần cách mạng của anh cao tới đâu ? Tới rún hay tới đầu gối.

Vừa lúc đó ông Đồng, giáo sư Lý Hóa nhẹ nhàng bước vào phòng không ai kịp lưu ý. Ông kéo mạnh chiếc ghế làm ba người giật mình tưởng như mấy tấm vách đang vênh tai lên.

— A ! Anh Cương, — lời của ông Đồng, — sao mà đường cái ghệt cả Biệt động quân và xe Cảnh sát vậy ? Có chuyện gì vậy anh ?

— Thì anh hỏi ngay Cảnh sát, sao lại đi hỏi tôi ? Tôi cũng như anh, tôi đâu có biết ?

— Thôi mà, làm bộ hoài. Biết gì nói cho anh em nghe với mà.

Ông Cương cười hí hí.

Hai cô giáo tới cùng một lượt, cô Nhung, cô Hoa. Hai cô chưa chồng nên thường đi cặp với nhau cho có bạn. Hai cô tháo bỏ găng tay vừa lắng tai nghe ông Cương.

— ... Đoàn biểu-tình sẽ xuất phát từ trường Trần-Hưng-Đạo. Họ sẽ lần lượt dẫn tới trường Việt Anh, rồi trường Trí-Đức, trường Nữ Trung-Học...

— Họ có tới trường mình không anh ? lời ông Đồng.

— Không bỏ sót đâu, anh đừng lo.

Cô Nhung mở to đôi mắt như con nai, ngây thơ hỏi :

— Vậy mình làm sao hờ thầy ?

— Cái đó thuộc thẩm quyền của ông hiệu-trưởng. Tôi biết đâu mà dám bày cô ?

Cô Nhung xuyết xoa khe khẽ, rí vào tai cô Hoa :

— Chết chết! Họ kéo tới trường mình. Mình làm sao, chị?

Cô Hoa bĩu môi « xi » một tiếng.

Thì mình cứ tùy cơ ứng biến. Học sinh họ muốn ra thì mình cứ để cho họ tự-do ra.

Nếu cô Hoa là đàn ông thì tưởng cô Nhung khỏi cần đi tìm chồng ở đâu xa, cứ ưng ngay người cùng đi một đường với mình đó. Cô Hoa có cốt cách của một người đàn ông. Mạnh bạo, dứt khoát, quyết liệt. Nhưng thì trái lại lúc nào cũng nhẹ nhàng, nhút nhát, run sợ.

Ông Thành, ông Lâm đi tới trễ, vội ném cặp lên bàn, lại bình trà rót chén trà sớm. Trong khi đó, ông hiệu-trưởng lững thững bước vào.

— A! Có ông hiệu-trưởng đây, — ông Cương lớn tiếng nói; gần như la lên.

Lát nữa đoàn biểu tình sẽ đến trường mình.

Ông hiệu-trưởng cười nửa miệng. Ông không có dáng cảm động và điều đó làm ông Cương cut hứng. Cái nguồn tin tức sốt dẻo đó bị tắc tị bất ngờ! Ông hiệu trưởng kéo một hơi thuốc lá dài rồi chậm rãi nói:

— Tỉnh có điện-thoại mời ông hiệu trưởng và ông giám học trường Trần-Hưng-Đạo xuống nhận chỉ-thị hồi chín giờ tối.

Hồi chín giờ tối? Nhận chỉ-thị hồi chín giờ tối? Chi tiết này quan-trọng đây và nó treo mọi cặp mắt chong vào miệng ông hiệu-trưởng. Sẽ có chuyện hồi hộp xảy ra.

Có hai đấu thủ đang găm gù trở những ngón độc đê hạ nhau và người bàng quang cảm thấy sự thông thả được đóng vai khán giả. Ít nhất trong giây phút này cũng có người bỗng đứng thấy bằng lòng trọn vẹn số phận của mình, số phận tầm thường của một người có chữ nghĩa đi làm công để sống qua ngày. Không còn có sự so bì giữa một chiếc xe gắn máy nhỏ to như sắt vụn bị xóc với một chiếc Cadillac sơn đen có tài-xế đội mũ cát kết ngồi chễm chệ nơi tay lái.

Ông Hùng, ông Sinh giáo sư Toán, ông Phương, ông Thịnh, cô Mỹ Hạnh giáo sư Việt văn, cô Tâm, ông Phiên giáo sư Công dân Sử địa cùng đến một lượt, bao vây ông hiệu trưởng ở vòng ngoài.

— Thế Tòa Tỉnh chỉ thị thế nào, Thầy có biết không? — cô Hoa hỏi.

— Toà Tỉnh báo tin cho hiệu trưởng và giám học biết chương trình biểu tình sáng hôm nay. Toà Tỉnh chỉ thị cho hiệu trưởng và các giáo sư phải giữ cho học sinh ngồi trong lớp. Không cho học sinh đi ra.

Ông Thành lắc đầu:

— Khó lắm! Khó lắm!

Ông Đồng:

— Đó là nói trường công. Học trò trường công sợ kỷ luật vì học ở trường công khỏi mất tiền. Còn học trò trường tư phải đóng học phí nên họ đâu có sợ kỷ luật. Trường này có đuổi thì qua học trường khác.

— Chỉ thị đó được áp dụng cho hết thầy các trường công và trường tư. Ông hiệu trưởng Trần Hưng đạo đã vội cho công văn hoá tốc đến các trường tư từ hồi hôm.

— Thế nghĩa là mình cũng phải giữ cho học sinh ngồi trong lớp ? lời ông Tuấn.

Ông hiệu trưởng gật đầu và mọi người im lặng. Cô giáo Nhung thở dài. Giữ cho một lớp nam sinh ngồi lại trong lớp giữa tiếng còi võ thúc giục bên ngoài thì thật là một điều quá khả năng của cô. Sách vở chỉ dạy công thức Toán, công thức Hóa học, phương pháp giải đề thi chứ không hề dạy cách giữ học sinh khỏi đi biểu-tình. Đã thế, sáng nay cô lại rơi nhầm vào lớp đệ Tứ III ồn ào nghịch ngợm, quấy phá nhất trường. Ông Cương dăm chiêu suy nghĩ hơn. Vì hôm nay phát bài tập mà bài tập ông chưa chấm xong. Ông cứ đinh ninh như những kỳ trước: hề có đoàn biểu-tình đi qua kêu gọi, cán bộ nhảy vào tuyên truyền là học sinh xếp sách vở đứng dậy bỏ lớp, bỏ thầy giáo và bảng đen ở lại. Thầy giáo chịu bất lực. Và lại, sống trong một giai đoạn có quá nhiều cuộc Cách-mạng, quá nhiều cuộc đảo chánh và chỉnh lý, mới đọc bản hiệu-triệu của lực lượng biểu tình đó thì đã phải đọc hiệu triệu của lực lượng chống biểu-tình, rồi cuộc con người đâm ra dè dặt nghi kỵ. Cứ « để cho người ta làm » và đợi xem đã » Chỉ tội thân cho ông Cương, lần này ông được biết tin biểu-tình sớm hơn mọi người, biết đích-xác rõ ràng nên đề tự thưởng một thành tích hiếm có như vậy ông đã, thay vì ngồi cây cục chấm bài, hồi hôm, rong xe đi phố tìm địa chỉ một người bạn gái vừa bỏ làng di cư ra ở ngoại-ô. Thời thế biến-chuyển khó lường, chủ-trương của Chính quyền thay đổi từng giờ một, không thể nào dự đoán được. Mới mềm dẻo hôm qua hôm kia, bỗng nhiên sáng nay trở nên cứng rắn, làm như chỉ cốt để bắt bí ông chơi.

Ông Hùng đưa hai bàn tay vuốt tằm mái tóc ra đằng sau, nói !

Nhưng liệu có giữ được học sinh không ? Chính quyền không có chủ-trương dứt khoát. Ở ngoài quận B.L. học sinh mấy trường Trung-học cũng biểu-tình tự-do, quận trưởng chỉ cần cho đóng cửa quận đường lại.

— Chính phủ trung-trương còn đang tìm biện-pháp. Còn ở các địa phương thì cứ chờ lệnh của cấp trên. Chính quyền cấp dưới dè dặt như vậy là khôn. Ra tay đàn áp, nếu yên việc thì cũng chưa chắc đã được thăng thưởng mà nếu xảy ra chết chóc thì muôn tội đổ lên đầu mình. Kinh-nghiệm của các Chính phủ trước còn đó. Cứ đổ tội cho cấp trên ra lệnh, nhưng lệnh lạc không phải ra bằng miệng mà phải có giấy tờ làm chứng.

— Mình cũng đã có lệnh của cấp trên rồi đó.

Ông hiệu trưởng lắc đầu.

— Chưa có gì rõ ràng. Chỉ thị của tỉnh chỉ ra bằng miệng và chỉ dẫn,, “cố gắng giữ cho học sinh ở trong lớp”. Nếu cố gắng mà không hiệu quả; học sinh cứ ra thì lúc đó Chính quyền sẽ làm gì? Điều đó không thấy nói.

— Chính quyền sẽ quở ông hiệu trưởng, khiển trách các giáo sư.

Ông Phương cười :

— Như thế thì quá dễ.

Ông hiệu trưởng nhìn xuống đồng hồ

— Mấy ông cố gắng làm theo chỉ thị. Cả mấy cô nữa. Gắng chừng nào không kết quả hãy hay.

— Tiếng kiềng gõ mạnh, khoan thai nhịp nhàng của ông cai. Hoặc là ông chưa biết gì hết về cái số phận của buổi học sáng nay nên ông vẫn còn tin đầy đủ ở hiệu năng tiếng kiềng của mình. Nhà độc tài, cho đến phút chót, còn tưởng quần chúng đến bao vây là cốt để hát bài suy tôn mình. Hoặc là ông đã biết học sinh đang coi nhẹ kỷ luật nên ông cố gắng tạo một vỏ ngoài tràn đầy tin tưởng vào kỷ luật. Những người sợ ma thường dậm mạnh chân, vỗ tay to vừa ca hát khi đi qua những đoạn đường rậm rạp.

— Khi ông cai nặng nhọc mở bệ cánh cổng ra thì ông ngạc nhiên không thấy lũ học sinh chạy ủa vào như mấy bữa trước. Cả học sinh đệ thất đệ lục mà cũng đứng từng nhóm để bàn tán. Vài nhóm học sinh lớn đứng rải rác ở bên kia đường. Sự hiện diện của hai xe cảnh sát sơn xanh đậu ở góc tư thu hút sự chú ý. Tuy nhiên sau chừng năm phút nghe ngóng mà không thấy có sự lạ xảy ra thì học sinh lần lượt vào sân.

— Thầy ơi, sáng nay khỏi đọc bài.

— Em chưa làm bài tập, lát nữa biểu tình. Hương và Đan gặp thầy Lâm ôm sò ở văn phòng đi ra, đã vội chào như vậy, ông Lâm già vờ ngạc nhiên :

— Có biểu tình hả? không thấy thông cáo mà.

— Xi, biểu tình mà còn thông cáo. Tám giờ thì đoàn biểu tình tới. Vô lớp thầy kể chuyện trong nửa giờ thì vừa lúc họ tới. Thầy đừng hỏi bài nghe thầy?

Thầy kể chuyện cho bọn em nghe.

Ông Lâm lắc đầu :

Không được. Chương-trình không có ghi mục “kể chuyện”

Cô giáo Tâm bị lũ thằng Vũ thằng Thọ thằng Xuân bao vây.

— Cô ơi, sáng nay có biểu-tình. Bọn em phải bỏ học giờ cô bọn em tiếc quá.

Cô Tâm không tin là họ nói thật. Thằng Vũ tóc chải tém bôi đầy bi-ăng-tin bóng loáng. Thằng Thọ ngậm thuốc Salem phì phèo vào giờ chơi và không khi nào thuộc bài. Thằng Xuân mang một vết sẹo nằm vắt ngang qua gò má, di-tích của một

nhát dao do địch-thủ tặng. Ba người này phá phách nhất lớp, làm khổ Cô nhiều bữa diều đứng. Nhưng Cô cũng phải nói một câu tử tế với họ :

- Ừ. Cứ phải bỏ học hoài.
- Thưa cô, bãi khoá vô hạn định mà, lời thằng Thọ.
- Sức mấy mà vô hạn định? thằng Xuân cãi lại.
- Dù mẹ... thì tao thấy khẩu-hiệu dễ như vậy.

Lừa lúc chúng nó đôi co với nhau không để ý đến mình, cô Tâm len lỏi đi vào văn phòng, uyển chuyển và lạng lẽ như một con lươn.

Kiêng đánh chào cờ. Học sinh tập hợp sắp hàng chậm chạp lòi xòi hơn mọi ngày, nhưng rồi đầu đó vẫn vào lớp có thứ tự.

Ông Cương bước những bước nặng nhọc vào lớp đệ Ngũ. Học trò nhao nhao lên :

- Thưa thầy có biểu-tình.
- Biểu tình sắp tới rồi thầy.
- Thầy cho nghỉ đi thầy.

Ông giơ tay ra hiệu ngồi xuống.

Trò Thanh ngồi ở gần bàn ông, chồm lên hỏi :

- Lát nữa mình có đi biểu-tình không thầy ?
- Không, Tình bắt phải ngồi học tử tế.

Trò Dũng ở cuối lớp đứng dậy :

— Con nghe bên trường công đi hết. Học sinh trường công cầm đầu tổ chức chứ đâu phải học sinh trường tư ?

Mai và Lệ chen nhau nói :

- Trường Nữ Trung-học lãnh phần khẩu cắt hiệu.
- Mấy con bạn của con ở đệ Ngũ bên đó quay rô-nê-ô truyền đơn. Lát nữa phát.

Ông Cương « ờ ờ » lấy lệ, chậm chạp mở sổ. Hà bị kêu lên đọc bài đầu tiên. Không thuộc.

— Thưa thầy con không có học bài. Con nghe nói hôm nay... nghỉ. Dung cũng không thuộc. Ông kêu qua phía con trai. Tịnh, Hành, Mộc đều xuýt xoa đứng lên rồi ngồi xuống. Ông im lặng lấy phấn, bước lại bảng đen. Biên đầu đề bài mới.

- Thưa thầy hôm « lay » nghỉ.

Rõ ràng là tiếng la to của thằng Bằng, ở cuối lớp, ông Cương dẫu không quay nhìn xuống nhưng không thể làm được. Nhưng ông làm như không nghe gì hết, cứ bình tĩnh giảng bài :

— . . . Nhiều đường thẳng song song định trên hai cát tuyến các đoạn thẳng đối ứng tỉ-lệ. Thí dụ các đường thẳng song song AA' BB', CC' và DD' gặp các cát tuyến X'X và Y'Y ở các điểm. . . .

Không khí nghiêm trang được chừng mười phút. Bỗng vang lên từ ở ngoài cổng trường :

— Mì lạt, mì ngọt. Bánh cam, bánh tiêu, bánh bò. Bì ngon ngon, bì dòn dòn. Mì mì . . .

Ba bàn nữ-sinh cười rồ lên. Anh hàng bán bánh kẹo này không biết ở từ đâu tới mà có một điệu rao đặc biệt khiến ai cũng chú ý. Rao dài dòng, lảnh lót, lên bổng xuống trầm, như dồn tất cả sinh-lực và nghệ thuật và tâm hồn của anh vào tiếng rao. Anh chàng chừng hai mươi tuổi, mắt ti hí, ngồi trên yên xe đạp, ở trước mặt chễm chệ một thùng bánh và sau lưng cũng chễm chệ một thùng bánh khác. Anh chàng rao luôn miệng, to tiếng không biết mệt, có khi xe khuất dạng qua một phố khác mà tiếng rao vẫn còn lảnh lót. Có một làn hơi thiên-phú như thế mà chỉ đề rao bánh kẹo thì thật ường. Đáng lẽ đề làm thầy giáo giảng bài hay làm ca sĩ tân cổ nhạc.

— Mì lạt, mì ngọt . . . Bì ngon ngon, bì dòn dòn . . .

Lại một tràng tiếng cười rộ lên.

— Thằng « bánh mì kẹo bì » nó có duyên với thầy ; — trò Nghị nói. Hề sáng thứ Năm cứ tới giờ thầy là nó đi qua rao inh ỏi.

Ông Cương gỡ lọc cộc chiếc thước gỗ lên bảng đen rồi nhấn nạt giảng tiếp :

— Định lý trên không phụ thuộc vào vị trí các đường thẳng song song đối với hai cát tuyến. Trong hình này ta có thể vẽ từ giao điểm C của hai cát tuyến...

Chợt có tiếng máy phóng thanh từ xa oang oang nói tới. Tiếng nói nghe không rõ, chỉ nghe tiếng máy ho hen rồn rột rồi rú lên từng hồi. Có tiếng hô khẩu hiệu. Ở bên trường Nữ Trung học, nổ lên hai tiếng pháo tống. Học sinh nhao nhao lên. Tiếng giảng bài của ông Cương bị nuốt đi như con suối nhỏ rơi vào đại dương.

Trò Phong và trò Mừng vỗ vào vai nhau cười rồi nhìn lên bảng :

— Đó, con nói có sai đâu. Bên trường Nữ đã đứng dậy rồi đó.

— Anh chị em yên lặng. Chúng ta phải học cho hết giờ. Tòa Tỉnh bảo học sinh phải ngồi trong lớp học,

Không còn ai nghe tiếng nói của thầy Cương. Mà chỉ nghe tiếng hô khẩu hiệu mỗi lúc một rõ. Nhiều khuôn mặt lấp ló ở cửa cổng. Nhiều người đứng tụ họp ở đó từ bao giờ. Xe phóng thanh rồ máy dừng lại. Nhiều học sinh ngồi ở bàn sau đứng lên nhìn.

Ông Cương rời bục đi xuống cuối lớp.

Chợt cửa cổng trường bị ãy bật ra. Đoàn biểu tình tràn vào sân. Một người chạy xăm xăm lại cầm dùi sắt xô kiềng. Tiếng gõ mạnh và hấp tấp quá làm thanh kiềng chao đi, nghiêng vào dây cột kệt làm người xô kiềng gõ hụt mấy tiếng. Cọ tre

và lon sơn đỏ múa may ở mặt tường. Trong nháy mắt, những dòng chữ to tướng « Bãi khoá ! Chúng tôi bãi khoá vô hạn định » hiện ra, màu sơn đỏ ướt lóng lánh như máu.

Một đoàn người đứng thành vòng trước cửa lớp. Tiếng gõ cửa lớp cộc. Ông Cương bước ra. Một người trong đám tiến đến chào ông và trình bày những gì ông chưa kịp nghe thì đoàn còn lại ùa vào lớp. Ông Cương bị mắc mưu điều hồ ly sơn rồi. Nên ông chăm chăm nhìn người thuyết trình đang huơ tay nói trước mặt ông mà tai thì lắng nghe những lời cộc vồ ở đằng sau lưng ông, trong lớp.

— Đứng trước tình hình... không thể điếm nhiên ngồi học được... Truyền thống Cách-mạng .. Lê-Lợi Quang-Trung Bà-Trung Bà-Triệu... Truyền-thống anh dũng... Tờ-quốc Việt-Nam.

Có tiếng lao rào, lách cách, tiếng chân quờ quạng tìm guốc tiếng vành nón gõ xuống mặt bàn, tiếng cặp sách kéo lê. Rồi tiếng chân người di-chuyển. Ông Cương quay lại nhìn vào lớp. Đa số học sinh đã rời bỏ chỗ ngồi của họ Họ lũ lượt đi ra. Ông Cương nhìn lại mình, thấy mình nhỏ bé như một cọng rạ giữa dòng nước lũ. Không thể dùng lá bùa « Tòa Tỉnh cấm » để trấn áp họ được. Cọng rạ tự dạt mình ra một bên và cái thác người đổ tràn ra cửa, chan hòa với những dòng thác khác cũng từ các cửa lớp tràn ra. Đoàn biểu tình tập hợp trở lại, đông đảo mập mập hơn hồi mới tới, ào ào tuôn ra ngõ công.

Còn lại là cửa lớp mở toang, bàn ghế trống vắng. Và những nữ-sinh nhút nhát trốn núp ở sân sau, không dám đi vào đoàn biểu tình. Và những giáo sư bại trận ôm cặp, ôm sớ lững thững đi về văn phòng.

Cô Mỹ Hạnh hỏi ông Cương:

Tôi tưởng chỉ bên tôi mới chịu bất lực. Lo quá. Ai ngờ bên thầy cũng vậy.

Ông Cương cười khi.

— Chịu thua họ. Tội họ khôn quá, mời mình ra ngoài.

— Ủ ? Bên lớp anh cũng theo kế hoạch đó sao ? lời ông Thành.

— Ở đâu cũng một kiểu, ông Đồng cướp lời.

Mọi người lại tập hợp xung quanh ông hiệu trưởng. Ông đang đứng chấp tay sau lưng nhìn hành lang heo hút.

— Đoàn cán bộ toàn là học sinh bên Trần Hưng Đạo. Trường công mà họ còn giữ chưa được.

— Mình không thể bảo-hoàng hơn vua được. Quân đội còn phải chịu án binh bất động huống chi là mình chỉ có bút nguyên-tử đó.

Cô Hoa hỏi ông hiệu trưởng:

— Thưa ông, chiều nay vẫn đi dạy như thường lệ ?

— Như thường lệ, — ông hiệu trưởng gục gặc đầu. Minh cứ làm bồn phận của mình.

— Bây giờ mình có thể giải tán? — lời ông Bạch.

— Vâng. Tùy ý mấy ông.

Tuy ông hiệu-trưởng tuyên-bố như vậy nhưng không có giáo-sư nào về vội. Ai cũng cố ý dềnh dàng nán lại một chút để tránh cái vẻ mừng rỡ lợi dụng. Ít nhất cũng phải tỏ một chút buồn bực vì buổi học bỗng dưng bị cắt mất, một chút xót xa rằng học-sinh bị tước đi những kiến thức hay mà mình định truyền cho họ sáng nay, — nhưng mình đành chịu bất lực, — một chút ân-hận, một chút bất đắc dĩ... nào đó để xứng đáng là một khuôn mặt mô-phạm trước những khuôn mặt mô phạm đang vây quanh.. Giữa cảnh dùng dằng ngược ngập, có thể pha chút ít sung sướng ngấm ngấm đó, chợt cửa cổng mở đánh két một cái. Mọi người quay nhìn ra. Một ông Đội Cảnh-sát mũ lưỡi trai có đính phù hiệu rõ ràng, quần phục kaki vàng thẳng nếp dõng dạc bước vào. Khoảng cách cái sân rộng, bị ngắn nhanh bởi những bước đi dài. Có chuyện gì lôi thôi. Cảnh-sát là sứ giả của sự rắc rối. Cảnh-sát không biết báo tin mừng như nhân-viên Bưu điện. Nhưng chuyện gì? Thôi chắc là chuyện học-sinh đi biểu tình rồi. Chỉ thị của Tòa Tỉnh không được thi hành triệt-đề. Mọi người tự-nhiên đưa mắt nhìn ông hiệu-trưởng.

Ông đội Cảnh-sát được hướng dẫn bởi cái nhìn đó. Ông biết ai là người có trách-nhiệm trong số những người đồng đảo đang đứng. Ông bước thẳng tới ông hiệu trưởng, Rồi đột nhiên dừng lại, dậm chân đánh « phắt » giờ tay chào ngang mũ. Sự lễ độ nghiêm trang đúng phép tắc càng làm cho mọi người kém an tâm. Ông hiệu-trưởng tiến tới một bước và các giáo-sư dẫn ra vài bước nhường chỗ cho người nhân viên công lực.

Cuộc đối thoại giữa ông hiệu trưởng và ông đội Cảnh - sát.

Tiếng nói nhỏ, các giáo sư không nghe rõ. Họ theo dõi nét mặt của ông hiệu trưởng. Ông nghiêm trang đứng lắng nghe. Rồi chợt mỉm cười. Mỉm cười? Sao lại mỉm cười? Ông này chính-trị cao lắm đây. Không thấy ông nói lại gì hết, giải bày gì hết. Chợt ông đưa bàn tay chỉ về phía văn phòng và ông đội cảnh-sát nhanh chân bước về phía đó sau khi đưa tay chào một lần nữa.

Các giáo-sư đứng gần [lại thật mau.

— Có chuyện gì vậy ông?

— Lại có rắc rối?

Ông hiệu-trưởng lắc đầu:

— Không có gì. Ông đội đến nạp học-phi cho con. Ba thằng Nguyễn Văn Ngô ở đệ Tam B4 đó. Ông than phiền nó bỏ học đi theo cao bồi và đưa tiền học cho nó đi nạp thì nó đem tiêu bậy hết. Ông quản lý mới gửi giấy đòi học phí hai tháng còn thiếu. Những tiếng thở phào không cần giấu diếm. Nhiều nụ cười cời mở chân thực.

— Khéo lựa đúng ngày này, giờ này để đi nạp học phí !

— Bố làm Cảnh sát mà con lại theo cao bồi...

— Thằng Ngô nó thông minh mà tính cũng ngoan. Mới hw từ hồi Tết năm ngoái.

— Nói vậy chứ con nó đã muốn hư thì cha mẹ cũng chịu thua.

— Lý luận thế không được. Bố mẹ phải chịu trách nhiệm chứ không thể đổ lỗi vu vơ mà gọi là giải quyết vấn đề.

— Câu chuyện chuyện qua đề mục giáo dục, xa ngàn dặm đối với đề mục biểu tình hôm nay nên tới một lúc nào đó, mọi người đồng ý im lặng và họ giải tán một cách tự nhiên, thoải mái, khỏi có chút áy náy gì hết.

Ông Bạch bước vội đến chỗ dựng xe, gài vội cặp sách lên « boóc-ba-ga », gài cặp kiếng đen lên mắt, chụp mũ lên đầu rồi leo lên xe đạp nhiều vòng cho máy nổ. Ông quay sang cô Nhung đứng cạnh đang đeo găng :

— Sẵn rảnh buổi sáng nay đi xuống chợ lòng mua một cái mền len Anh quốc viện trợ. Viện trợ cho dân bị lụt miền Trung nhưng đi từ Anh-quốc sang tới đây thì mền không chịu đi nữa.

— Mền tốt không bác ?

— Tốt không chê được. Nhẹ mà ấm, lông nó

— Tiếng máy chọt nổ rồ lên ồn ào điếc tai khiến cô Nhung không nghe gì được nữa. Nhưng cô cũng phải gạt đầu liên tiếp, miệng mỉm cười vừa chăm chăm nhìn ông Bạch làm như cô đồng ý hết sức về những đức tính, — mà ông tiếp tục kể — của thứ mền len Anh quốc viện trợ này.

VÕ HỒNG

SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẮNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính-trị, Triết-học,
Văn-học, Khoa-học, Nghệ-thuật v. v...

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Những ý nghĩ xuôi dòng về nhạc Trịnh Công Sơn

Một đêm trước và một đêm sau ngày rằm Trung thu, dân Sài Gòn - nói cho đúng, sinh viên học sinh và giới dạy học, làm văn nghệ Sài Gòn - được nghe nhạc Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn của xứ Huế đã hát trước một thỉnh giả con số hàng trăm chật ních phòng Võ thuật của Chương trình Phát triển Sinh hoạt thanh niên học đường (CPS) tại sau trường Đại học Văn Khoa (22-9-1966) và giảng đường mới thiết lập của Trung tâm Văn hóa Xã hội thuộc Tổng vụ thanh niên Phật tử (30-9-1966). Cả hai buổi *sinh hoạt nhạc trẻ* này đều mang Trịnh Công Sơn lên sân khấu làm ca sĩ liên tiếp cho hơn mười bản chính anh sáng tác, quy tụ dưới cùng một chủ đề : THẦN THOẠI QUÊ HƯƠNG và THÂN PHẬN.

Như thế, tiếp theo Tâm Ca, nhạc Trịnh Công Sơn lại một lần nữa lấy khối lửa quê hương và nỗi đau thương chính mình trong cuộc làm hứng khởi sáng tác và làm văn liệu xây dựng lời ca. Lời ca Trịnh Công Sơn buồn, câu nói có thể hiểu hai nghĩa. Chính giọng ca buồn của anh trong hai đêm trình diễn đã cùng với vóc dáng, vẻ mặt và cách trang phục vô cùng nghệ sĩ làm hứng khởi và gây xúc động cho người nghe, khiến họ, trong không khí nhạc Trịnh Công Sơn, nhìn nhận lại được trong mình nỗi xúc động đầu tiên và niềm hứng khởi đầu tiên của người nghệ sĩ trong con người mình. Thật ra có nhiều lúc lời ru đong đưa vãng buồn của Trịnh Công Sơn đã khiến tôi thấy điều tác giả ca lên chính là lời CA ĐAO MẸ truyền thống đã hát trong tôi một khi sương khói chiến tranh đủ làm lạnh đến tê cóng thịt da mình. Cho nên hứng khởi của Trịnh Công Sơn là hứng khởi thật. Và cái năng khiếu âm nhạc đẩy ngón tay anh trên phím đàn và ngòi bút anh trên dòng nhạc vẫn là cái năng khiếu có bề sâu, có phần quy định bởi động cơ ý thức. Nghĩa là, hoà đồng với nỗi đau buồn chung của tuổi trẻ trước thảm trạng đất nước chiến chinh. Trịnh Công Sơn chỉ dùng nhạc như một trong những cách thể đề nói

lên và biểu lộ cách thể anh quen thuộc, thấy thích thú và có khả năng. Trịnh Công Sơn nói cái điều tuổi trẻ có, cái điều tuổi trẻ mang trong người. Và nhờ cách thể biểu lộ có nghệ thuật của Trịnh Công Sơn, tuổi trẻ được nói lên vì giá tài tuổi trẻ chỉ có thể và chính cái điều tuổi trẻ có và mang trong hồn đó xác định tuổi trẻ là tuổi trẻ. Lẽ tất nhiên, tuổi trẻ ở đây và trong lúc này.

Cho nên, được nói đến mình, được nói về mình, tuổi trẻ tìm tới Trịnh Công Sơn như người bạn có giọng nói bộc lộ, có khóm nhìn bày tỏ, có tầm tay giải bày. Đã có lúc tôi tự nghĩ không hiểu mình có quá đáng và lập dị lắm không khi tự bảo mình là nhìn lên đi, đây Trịnh Công Sơn đẩy tuổi trẻ đô thị miền Nam đang hát và đang tỏ bày.

Họ có gì để tỏ bày? Trong nỗi chịu đựng kéo dài, tỏ bày là một cách thể sống, là một lối giải thoát cho chính mình để, trước nhất, triền hạn cho mình. Đấy thân phận anh chỉ có thể! *Căn phần* anh chỉ còn thể trong chiến tranh này. Anh đừng buồn nữa. Anh tự hát ru mình đi! Anh hát lời anh nói cho anh như phiến đá lăn trằm trên thân sỏi mòn (VẾT LĂN TRẦM) hay như lời ru của mẹ, anh tự tạo như đề cho anh (CA ĐAO MẸ). Đẳng nào thì cũng thế, vì trong phận này, thì thân là DU MỤC, đời là *di hoang* và điều đời hỏi thì chẳng có gì đâu, ngoài một *nụ cười*, một *đêm không còn đạn bay* để quê hương yên giấc ngủ (XIN CHO TÔI). Nhưng quê hương làm sao ngủ yên được trong tiếng đạn bom này? trong từng ngày xót xa này? trong ý thức sáng lée rực lửa này? Cho nên, tôi muốn ngủ yên thì tôi hãy CÚI XUỐNG. Cúi xuống thật gần cho sát mặt quê hương và ở trên đó phía trời cao, óc tự nói cho tim nghe, về ước mong hòa bình: XIN MẶT TRỜI NGỦ YÊN.

Cho nên, hòa bình trước nhất vẫn là hòa bình trong lòng người. Và sự chịu đựng xin triền hạn để khỏi nổ tung cùng chiến tranh sẽ chẳng còn ý nghĩa gì nếu chẳng là sự chịu đựng làm trong và sạch lòng mình.

Nhưng lòng mình sạch gì được, trong sao được giữa khi này đạn bay máu chảy? Lòng không lắng vì máu rỉ không ngừng và NƯỚC MẮT CHO QUÊ HƯƠNG thì còn *chảy miên man*, *èo chảy hoài* và còn từ trong tim lai láng chảy vào hồn nửa đêm thức giấc. Tôi nằm co ro như loài thú bơ vơ mắt chong đèn thấp sáng đêm dài nghe đạn bay và lời PHÚC ÂM BUỒN. Trong nỗi buồn và trên quê hương, tôi nghĩ tới chuyện LẠI GẮN NHAU, lại ngồi bên nhau, tay đặt vào đăm mê để đưa dài cho đến tận *nụ cười* một ngày thanh bình nào. Nhưng ngồi sao được bên nhau khi đạn khoét hố sâu và đồ lửa cào đất. Và khi thành phố, *ghế đá công viên dời ra đường*. Và đấy, họ ngồi bên nhau đấy, EM BÉ và NGƯỜI GIÀ. Người già thì *co ro* trong tiếng nổ. Em bé thì *lỏa lồ* trong tuổi thơ. Tuổi thơ nào dành cho tiếng nổ hay chỉ tiếng nổ kia phung phá tuổi thơ này? Và trong đêm đen, hoả châu đốt lửa quê hương hay thấp đỏ em bé *lỏa lồ*? Tôi không hiểu sao tuổi thơ thì *lỏa lồ* và hoả châu thì dành cho quê hương mà sáng lửa đỏ vẫn không đủ đốt cháy những áo quần chiến tranh này cho em bé *lỏa lồ* thì chiến tranh cũng *lỏa lồ* và tôi, kẻ này cùng kẻ khác, cũng *lỏa lồ* và trơ trẽn theo?

Cho nên, lời hát không bước khỏi hàng rào dây kềm gai và bên kia trường thành, ý thức không tới mà súng đạn và quyền thế thì yên ngủ trên ngai. Rồi rồi cùng, lời hát đứng lại và vướng vất. Tôi muốn hỏi, hỏi tôi hơn hỏi Sơn, là rồi thì còn lại gì sau lời hát ?

Sau lời hát, Sơn đã tới với tôi và với tuổi trẻ, tới với tất cả ? sáng tạo tính và cá tính riêng Sơn, nhưng còn tôi, còn tuổi trẻ thì chúng ta còn lại gì sau lời hát ? Chúng ta có, hơn một lần, những thần thoại quê hương và những huyền thoại thanh bình. Nhưng chỉ nuôi mình bằng phẩm chất tinh thần, bằng không khí nhạc buồn và thao-thức cùng lời nhạc nắn nót và duyên dáng này của Trịnh Công Sơn, thì rồi ta còn gì ngoài thần thoại và huyền thoại, ngoài lựu đạn cay và bom nổ liên tiếp và liên miên ?

Tôi không muốn lời ca phải có tác dụng trực tiếp và hữu hiệu như thế tác dụng của báng súng và đạn nổ. Nhưng tôi cũng đồng thời không muốn lời ca trực tiếp đưa ta vào thiên đường của nghệ thuật huyền diệu, và lời ca hữu hiệu trong nhiệm vụ chấm dứt thao thức và an ổn lương tâm như thế hát cho quê hương ngủ yên để chính mình yên giấc sau cơn vật vã và *thoáng rượu cay* ?

Tôi nghĩ và đưa đi quá xa. Nhưng tôi không hiểu có được đúng hay. không khi nghĩ rằng Trịnh Công Sơn và các bạn tôi còn đi xa hơn trên con đường đầy đưa và ru buồn ý thức ?

TRẦN TRIỆU-LUẬT

2 10.1966

Đêm via-hè

Hai dải dây đỏ treo trên giây buộc cờ bay phất phới trong ánh sáng của một vài ngọn điện. Phần cao hơn chiều trong bóng tối. Một thanh niên châm lửa vào, đầu dải dây cùng lúc với tiếng ca "Gọi lửa" cất lên. Lời ca hối thúc lửa về. Lửa cháy chậm chậm hết dải giấy, lên cao, cháy thành vòng tròn, rồi, vụt một cái, theo chiều dối của sợi dây thép buộc chéch từ cột cờ xuống, lao tới đồng củi vĩ đại.

Và lửa vụt bùng lên, rực hồng, cao ngất, soi sáng hàng trăm khuôn mặt của các em đánh giầy bán báo hân hoan. Đêm via hè lúc ấy mới thật sự bắt đầu. Nhưng các em nhỏ đã đến hội họp từ lâu. Và ban tổ chức, các anh chị em Thanh niên thiện chí, chắc còn phải đến sớm hơn. Con đường nhỏ len lỏi trong khu vườn Tao đàn, dẫn tới nơi hội họp, được thắp sáng bằng hàng trăm ngọn lửa nhỏ. Lửa cháy trong lon sữa bò, ở dọc hai bên lề đường. Suốt thời gian cuộc họp mặt diễn ra, khách tới dự vẫn liên tiếp đến. Con đường sáng chập chờn, bóng cây hai bên và ánh lửa hồng ở phía xa, tất cả gây cho người ta cảm tưởng đang đi dự một đêm hội trong rừng.

Anh chị em thanh niên thiện chí làm một hàng rào quanh lửa. Các em bán báo, đánh giầy và cả học sinh nữa đứng, ngồi làm thành hàng rào dày đặc thứ hai. Tất,

cả điều hướng về phía có bực gỗ cao, tạm dùng làm sân khấu. Cách xếp đặt như thế có kém phần thân mật, nhưng cần thiết. Chỉ có mỗi việc bảo các em ngồi xem ra đã thấy khó khăn. Người giữ trật tự đứng trước máy vi âm lúc đồ dành, lúc làm bộ giận dỗi. Có lúc các em lấn gần vào lửa, xô nhau và nói chuyện ồn ào nữa. Có vài em mặt áo ca rô, đội mũ, đứng chống nạnh, tách khỏi đám đông và tra văng tục. Hỏi sao không tham dự. Các em đáp: Tụi tôi lớn rồi.

Nhưng cuối cùng, các nghệ sĩ lần lượt xuất hiện lại làm cho tất cả say mê và đem lại trật tự. Anh Phạm Duy mang cả ngôn ngữ vỉa hè vào Nhạc rồi lại vui vẻ hát tặng cho những khuôn mặt của vỉa hè. « Sức mầy mà buồn ! Buồn ơi bỏ đi Tám » Lời ca ngộ nghĩnh, dễ hiểu bất ngờ làm các em thú vị reo lên. Anh còn dạy các em hát và chỉ cách làm điệu bộ theo lời ca. Chị Kim-Chung cũng hát tặng các em một bài ca về Trung Thu. Người danh ca luôn luôn chỉ xuất hiện trong mũ, áo nhiều màu dưới ánh đèn rực rỡ, hôm nay bận y phục màu đen, gọn, giản dị... Tất cả các tiết mục trình diễn trong đêm Trung Thu của trẻ em bán báo, đánh giầy đều vui và hấp dẫn. Quà bánh dành cho các em khá phong phú.

Các em hân hoan reo, cười. Nhiều khuôn mặt trong ban tổ chức ước đắm mồ hôi. Ngọn lửa vẫn được giữ cho cao. Muôn ngàn chấm tàn than màu hồng quyện và nhau bốc lên tới ngọn cây rồi mới tan biến. Nơi lửa không vươn ánh sáng tới là một bầu trời đầy ánh trăng. Đêm trung thu năm nay có trăng đẹp.

Người ta nghĩ đến vườn Tao đàn, thường ngày vào giờ đó, vắng vẻ, âm thầm. Hai cổng vào vườn đều có lính gác. Người ta nhớ đến các chú bé bán báo, đánh giầy hàng năm vào ngày Trung Thu; chắc cũng chả có gì vui, nếu không tụ tập đánh bạc thì cũng lang thang ở vỉa hè.

Như thế, ở khuôn mặt trẻ thơ nào cũng có những nụ cười hân hoan. Ở trên bất cứ mảnh đất nào cũng có thể có niềm vui sống. Miễn là phải có những bàn tay đốt lửa lên.

(Trung thu 66)

LÊ TẤT ĐIỀU

Đoàn kết đề đọc sách

Nhà Hachette bên Pháp vừa có một sáng kiến mang hai đặc điểm của thời đại: đó là xuất bản loại sách «Vũ trụ kiến thức» (L'univers des connaissances), bằng bảy thứ tiếng, phát hành cùng một lượt trong tám nước: Mỹ, Anh, Pháp, Hòa-lan, Thụy-điền, Ý, Tây ban Nha, Đức, ở nước nào sách cũng in cùng một khổ như nhau, trình bày một kiểu như nhau, và in mười ngàn cuốn.

Đặc điểm thứ nhất là loại sách này phản ánh cái hiện tượng bốn biển một nhà của thế giới ngày nay. Trong một ngày cùng một giờ, người dân ở Nữu ước và ở Bá linh cùng nhận được tin ông De Gaulle tiếp chuyện với má ông Sihanouk, tên đảo xi-nê nào đó vừa hạ sanh một đứa con gái v.v... thì cùng một ngày người dân ở Nữu ước và Ba-lê cũng muốn được đọc ngay một lượt một cuốn sách giống nhau. Sự thế có lẽ rồi mỗi ngày mỗi tiến xa. Ngày nào mà Ấn-

độ, Trung hoa, Nhật bản, Cao ly với... Việt nam cũng đặt ra những tổ hợp xuất bản tương tự thì «vũ trụ kiến thức» của độc giả xứ ta tha hồ mở rộng.

Đặc điểm thứ hai là sách này đáp ứng cái nhu cầu mỗi lúc mỗi khẩn bách của quảng đại quần chúng đang khao khát kiến thức phổ thông. Ăn khách hơn hết từ nay có lẽ không phải là truyện, là thơ, là những thứ «nhảm nhí» đó nữa mà là kiến-thức. Kiến-thức mới, hợp thời, cao, nhưng trình bày cho rõ, cho giản dị, cho... thấp, cho người trung bình ai đọc cũng hiểu. «Vũ-trụ kiến-thức của nhà Hachette là thế đó.

Kiến thức trẻ

Trong khi ấy nhà Bordas và Laffont cũng tạo nên một vũ trụ khác, đặt tên là «thế-giới và lịch-sử thế-giới»

«Thế-giới» nghe không bao la bằng «vũ-trụ» tuy vậy cũng lớn lao chán. Trung bình mỗi năm in mười cuốn sách, người chủ trương hy vọng sẽ thực hiện xong chương trình nội trong vòng thế kỷ thứ XX này, Như thế là khiêm tốn, vì thế giới có biết bao nhiêu vấn đề đáng nói.

Chương trình này cũng nhằm phổ-biến kiến-thức phổ thông cho quần chúng, cho nên nó nằm trong một loại gọi là «Tủ sách các kiến-thức thiết-yếu» (Bibliothèque des connaissances essentielles). Ở đây có cái đặc điểm là dành cho phái trẻ và do phái trẻ chủ trương.

Gớm ! Kiến-thức chỉ phân biệt thứ đúng thứ sai, ai lại phân biệt thứ già thứ trẻ. Lắm chuyện.

Dù sao khi mà nhiều người ở nhiều nước cùng chú ý đến một loại sách kiến thức phổ-thông như thế thì «kiến-thức

phổ-thông» hẳn là dấu mũi tên chỉ về hướng núi của mà các nhà xuất-bản trong giai đoạn này cần lưu ý.

Quên

Những tư tưởng lớn thỉnh thoảng gặp nhau không có lối tránh, và bất đắc dĩ chúng va vào nhau đánh ầm một cái. Trường hợp tai nạn ấy đang xảy ra cho L. Aragon và Claude Mauriac.

Tháng 9 năm nay, C. Mauriac cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết, đặt tên là *Quên* (*L'oubli*). Cuối năm nay, L. Aragon cũng dự định sẽ cho in một cuốn truyện, cũng đặt tên là *Quên* (*L'oubli*).

« Nhưng có một nàng mà hai rề ».

Nhan đề « quên » như thế là công chúa đời vua Hùng Vương, trước sự tranh chấp của Sơn Tinh và Thủy tinh. Vì quả thực, sự tranh chấp ngày nay cũng không kém gay go. L. Aragon (Thủy tinh) thoát tiên điều đình. Sơn tinh Mauriac nhất định không nhượng. *L'oubli* của Mauriac ra đời, L. Aragon tuyên-bố cương quyết sẽ cứ xài tên *L'oubli*.

Chắc chắn trường hợp hi-hữu này, còn lâu văn giới mới quên được.

Mẹ Việt Nam

Một tác giả Mỹ tên Norman Moriler—vừa xuất bản cuốn *Cannibals and Christians* nghiên cứu về ngôn ngữ của các nhân vật chính trị từ cỡ Kennedy và Johnson trở xuống, đặc biệt về cái ngôn ngữ đã được sử dụng để nói về vấn đề Việt Nam.

Việt Nam trong giai đoạn này vốn dĩ là vấn đề quan trọng, gay go, tế nhị, nghĩa là một vấn

đề rất khó nói. Đã khó nói thì kể nói ra — nhất là khi kể đó làm chính trị — tất phải ép uổng ngôn ngữ dữ lắm. Như vậy chỉ cần theo dõi kỹ cách sử-dụng lời nói trong hoàn-cảnh khó khăn này cũng dễ hiểu biết về nhân-cách, tình-tình, xu hướng v.v., của mỗi người. « Văn tức là người » mà lại. Nhưng rình rập đề nghiên cứu « văn » kiểu ấy thật là tội cho cả kẻ nghiên cứu lẫn kẻ « dùng văn ».

Ai ngờ Việt-Nam lại « dễ » ra lắm chuyện như vậy. « Mẹ Việt-Nam » có khác.

Không có thịt, không có máu

Tiểu-thuyết mới, chuyện đó đã cũ như trái đất. Trước đây người ta chộn rộn về sự ra đời của nó, bây giờ người ta cứ bần khoản mỗi lúc mỗi hỏi nhau xem thử nó đã chết chưa !

Nhà phê-bình R.M. Abérés mở một cuộc điều tra rộng lớn. Nhiều người bảo nó chết, một số bảo là chưa. Đại khái vấn-đề gì mà đem ra hỏi ý kiến đồng người thì cũng thế, cho nên cha con gã

bán lừa nọ trong truyện ngụ ngôn của La Fontaine mới phải bối rối chứ.

Tuy nhiên, xét ý kiến từng người một thì không có ai hoang mang. Ai cũng quả quyết chắc mẫm. Đây là luận điệu kết-án của Pierre Henri Simon; Bảo rằng tiểu-thuyết mới không được quần chúng hoan nghênh đông đảo vì nó khó khăn, nói thể không đúng, quần chúng chịu được tư tưởng khúc mắc của Malraux, chịu được hiện tượng học của Sartre, chịu được thần học của Bernanos chịu được sự phân tích bí hiểm của Proust v.v.v...

Đừng có chê quần chúng. Tiểu-thuyết mới không có chuyện : được, cái đó quần chúng có thể chịu được; không có nhân vật : cũng cứ được. Nhưng cái này không tha thứ được : tiểu thuyết mới chỉ là tu từ khô khan, không có sự sống trong đó. « Không có máu, không có thịt, không có mê say; ái-tình thì trí thức hóa thành ra thứ dục tình thường thường buồn nản. »

TRÀNG THIÊN

10-1966

CÁO LỖI

Nhà văn Thế Uyên bị đuổi nhà nên trong nửa tháng nay phải bận rộn tìm chỗ ở cho gia-đình, do đó mà không viết được truyện dài « Tiền đồn » trên số này. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả BK. TĐ. Và truyện dài trên đây sẽ đăng tiếp trên số tới.

Tòa soạn BK. TĐ.

Xin Độc giả mách giùm

Khoảng mười năm trước, tôi đọc được một truyện ngắn của A.J. Cronin trong đó tác giả kể chuyện ông gặp hai em bé bán quẹt ở Ý trong khi ông du lịch châu Âu sau thế chiến vừa rồi. Nhan đề tôi nhớ mãi mãi là Les gentilshommes de Capri. Độc giả có vị nào nhớ ở báo nào hay sách nào, xin mách giùm. Đa tạ.

Nguyễn-Hiến-Lê (thư gửi về báo Bách Khoa).